

Sự xuất hiện của Đạo Cao Đài

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

Tòa Thánh-Tây Ninh



**SỰ XUẤT HIỆN CỦA
ĐẠO CAO ĐÀI**

Khai Tâm Quách Minh Chương

Tài liệu lưu hành nội bộ (2022)

Khai Tâm Quách Minh Chương



Tòa Thánh Tây Ninh

1. Vô Cực.

Triết học Cao Đài cho rằng bản nguyên của Trời Đất là Khí Hư Vô. Từ nguyên khí ấy mới phát xuất ra ngôi Thái Cực. Các nhà triết học đời nhà Tống của Trung Hoa gọi là Vô Cực. Khi bàn về nguồn gốc của vũ trụ, người ta nghĩ ngay đến “hiện tượng” Vô Cực, một thực thể không hình trạng, không thanh sắc, không thể định vị được, một trạng thái hỗn nguyên, mờ mờ, mịt mịt. Trong cái “vô” ấy, có cái “hữu” vô thủy, vô chung, chí linh, chí diệu, vô cùng tận nên các nhà đạo giáo gọi là **Vô Cực**. Cái hỗn nguyên Vô Cực ấy vận động, biến chuyển mới sanh ra Thái Cực.

Đối với Đức Lão Tử, Đức Ngài cho rằng có một vật nào đó hiện sinh trước cả Trời Đất, Ngài coi là mẹ của vạn vật trong thiên hạ. Vì vậy, vạn vật và vũ trụ có nguồn gốc. Đức Ngài gọi nguồn gốc của vạn vật là “**mẹ**”, Ngài chẳng biết nó là chi và có thể có trước cả Đức Thượng Đế, và tạm đặt tên là “**đạo**”. Thế nên, chữ đạo mà Đức Lão Tử dùng chính là bản thể của vũ trụ, tức là Vô Cực hay Khí Hư Vô được đề cập trong Cao Đài Giáo. Đức Ngài còn định rằng chỉ dùng tạm vậy mà thôi, không có tên nào thích hơn bởi lẽ cái **bản thủy** của vũ trụ cũng chẳng lấy chi diễn tả được.

“Đạo có thể diễn tả được thì không phải là đạo vĩnh cửu bất biến. Tên mà có thể đặt ra để gọi nó thì không phải là tên vĩnh cửu bất biến” [Đức Lão Tử].

Đặc tính của bản nguyên ấy vô cùng huyền diệu, lại vĩnh cửu, bất biến vô biên. Vạn vật được sinh ra từ đạo, biến hóa sanh sôi rồi trở về gốc cội. Vì thế đối với Ngài, đạo là cái gì mập mờ thăm viển tối tăm, chỉ thấp thoáng nhưng bên trong lại chứa hình tượng, có vạn vật xác thực.

Vô Cực là vô thủ, vô chung, tức là ám chỉ nguồn cội bản thủy của càn khôn vạn vật, tức là **Khí Hư Vô** theo đạo Cao Đài. Cho nên, bản thủy của vũ trụ là tự tánh hằng hữu, tồn tại bất biến. Tự tánh ấy là nguồn sống linh diệu, thiên biến, vạn hóa vô biên, chứa muôn hình ngàn trạng. Bản nguyên vốn thể **tự do hư vô**, vì tự do và hư vô nên không có thời gian và không gian cấu trúc, thể tánh tĩnh lặng mịt mù. **Hư Vô** ấy có hồn diệu biến mà sáng tạo ra Càn Khôn và vạn vật. Tất cả dịch chuyển theo thiên lý, vắn xoay, động tịnh để trở về bản thể tự tánh.

Lý này được các bậc giáo chủ Tôn Giáo gọi bằng các danh từ khác nhau. Thích Giáo gọi là Pháp hay Phật Tánh hay Chơn Như. Tiên Giáo gọi là Đạo. Nho Giáo gọi là Thiên Lý. Dịch Học gọi là Vô Cực. Vô Cực mới biến sanh Thái Cực, Thái Cực là Phật hay Thượng Đế, rồi phân làm lưỡng nghi là Âm-Dương để làm cơ cấu sáng tạo. Vô Cực thì tĩnh, Thái Cực thì động. Do vậy, tự thể của Đạo thanh tịnh, chơn thiệt hằng hữu tuyệt đối.

2. Thái Cực và cơ sanh hóa.

Thánh Giáo năm 1928, Đức Thượng Đế giảng cơ dạy đạo:

“Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong càn-khôn Thế-Giới thì khí Hư-Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái-Cực” [TNHT, Q.2].

Thái Cực là một trật tự cao nhất, miêu tả toàn thể tính, một trạng thái hoàn toàn sơ khai có tính tiềm năng vô tận, tồn tại và lưu chuyển. Thái Cực mới phân ra lưỡng nghi là Âm Dương. Động tạo ra dương và khi dương lên đến cực đại thì trở nên tĩnh. Trên trạng thái tĩnh ấy, Thái Cực lại sinh âm, đến khi âm cực đại, lại trở nên động. Cơ động tịnh âm dương cứ thế vùn xoay, lại sanh tứ tượng, biến bát quái và càn khôn.

Trong sự hỗn độn của Vô Cực, có cái Nguơn Thần biến diệu, đó là Thái Cực, tức là trạng thái sơ khai nhất của Khí Tiên Thiên, là nguyên do của Càn-Khôn và vạn vật. Trạng thái “vô cực” là một trạng thái “hư vô” chưa có gì nhưng bao gồm tất cả. Vô Cực thì tĩnh, Thái Cực động mới sinh ra hai nghi là Âm Dương. Có Âm Dương mới sinh ra tinh cầu, địa tú, càn khôn vạn loại. Đạo là “dịch”, người xưa đã luôn cho rằng Vũ Trụ chỉ tĩnh ở trạng thái Vô Cực, còn khi chuyển sang Thái Cực, hoàn toàn biến dịch và “động” không bao giờ ngừng nghỉ. “Biến dịch” thể hiện sự tuần hoàn qua lại của hai trạng thái Âm-

Dương. Vũ Trụ luôn thể hiện sự biến dịch mang tính tuần hoàn vĩnh cửu.

Nếu Vô Cực chưa thể hiện **thuần tịnh** thì Thái Cực là “trạng thái” của Vô Cực. Tuy là hai nhưng là một nên cổ nhân gọi rằng “*Vô Cực nhi Thái Cực*”, tuy một mà hai vì Vô Cực là trạng thái “chưa thể hiện” còn Thái Cực là trạng thái “đã thể hiện”, là đầu mối của tất cả các hiện tượng nằm trong phạm trù có thể thấy hiểu hay lý giải được một phần nào nhờ vào các thể tính thị hiện qua hữu hình biến sanh. Trong khi đó, Vô Cực hằng hữu, tột cùng vượt ngoài phạm trù thấy hiểu hay biểu tả. Đặc tính của Thái Cực là cực tịnh, nhưng đã cực tịnh thì có động phát sinh, sanh ra khỏi Thái Dương. Trong khối Thái Dương có ngôi Thiếu Âm. Qua thời gian, ngôi Thiếu Âm trưởng thành cực độ hoá thành ngôi Thái Âm. Trong Thái Âm có lại có hàm tàng ngôi Thiếu Dương. Ngôi Tứ Tượng hiện đủ đều do âm dương động tịnh biến hóa mà có.

Trong quá trình động, Thái Cực sinh nghi Dương và Nghi Âm. Hai khí không bao giờ tách rời nhau mà tác động qua lại, chuyển hóa. Hễ âm cực sinh dương, dương cực sinh âm. Hai nghi lại sinh bốn nghi gọi là Tứ Tượng là Xuân, Hạ, Thu, Đông. Tính của dương là động đi lên, tính âm thì tĩnh, đi xuống. Trong Thiếu Dương, Dương đi lên và Âm đi xuống giao lưu, bổ xung cho nhau tạo nên sự hình thành của vũ trụ, biểu tượng của mùa xuân.

Trong Thái Dương quẻ Toàn Dương, biểu tượng của mùa Hạ. Dương đã thịnh thì sẽ sinh ra Âm. Trong Thiếu Âm, Âm giáng Dương thăng hoàn toàn cách biệt, mọi vật nằm trong trạng thái Suy, biểu tượng của mùa Thu. Âm cách biệt không giao lưu với Dương, mọi vật hoàn toàn ở trạng thái Hủy, quẻ Thái Âm, toàn Âm, biểu tượng của mùa Đông. Con đường tuần hoàn thứ tự Thành Thịnh Suy Hủy – Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Trở lại Thánh Giáo của Đức Chí Tôn, Khí Hư Vô tức là Vô Cực sanh ra Thái Cực, là danh hiệu gọi theo dịch học. Thái Cực chính là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế với nhiều tôn hiệu khác nhau như, Đức Chúa Trời, Đức Thiên Chúa, Đại Hồn, Đại Ngã, Đại Linh Quang, Đấng Chủ Tể, Đấng Hóa Công, Đấng Tạo Hóa, Đấng Thiên Lý, Đấng Thần Linh Tối Cao, Đấng Hạo Thiên Thượng Đế, Đấng Hoàng Thiên, Đấng Ngọc Hoàng Đại Đế, Đấng Allah, Đấng Phạm Thiên Vương, Đấng Nguyên Thủy Thiên Tôn, Đấng Brahma, Đức Cao Đài...

Trong Đạo Cao Đài, Đức Thượng Đế xuống giáng trần qua huyền diệu tiên bút và xưng là Đấng Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát hay Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn. Danh hiệu của Đức Ngài được thánh xưng tùy theo văn hóa tôn giáo mỗi thời kỳ khác nhau. Tựu chung, Ngôi ấy là Đấng chủ tể nguyên thủy có từ “Vô Cực”, tức là bản lai của Càn Khôn.

“Thuở chưa có Càn Khôn Vũ Trụ, Đạo giáo có dạy: Hai lần ngưng khí đọng lại nổ ra khối lửa, khối lửa ấy là ngôi Thái Cực. Chủ ngôi Thái Cực là Đức Chí Tôn. Khi nào trời sét nổ, chúng ta nghe sao? An Nam mình kêu "âm" còn theo Đạo Pháp kêu "ùm", vì có phép Phật sửa lại là "úm": úm ma ni bát rị hồng. Câu ấy đọc có nghĩa là nắm cả quyền năng vũ trụ quản suất trong tay. Tiếng nổ ta nghe nó ra sao? Khi nổ rồi còn nghe tiếng bay xa, nguyên căn của tiếng nổ là tiếng trống, còn giọng ngân là tiếng chuông” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 2 bài 28].

Như vậy, chúng ta có thể suy luận theo lời giảng của Đức Phạm Hộ Pháp, ngưng khí đầu tiên đã tồn tại trong “Vô Cực” và tạo ra tiếng nổ đầu tiên ấy, tiếng nổ ấy tạo ra một ánh lửa vô biên, ấy là ngôi Thái Cực mà Đức Chí Tôn vi chủ ngôi Ngưng Thần đầu tiên. Theo định thuyết này, chúng ta thấy rõ sự phân tánh Lưỡng Nghi Âm-Dương, nguyên căn tiếng nổ là Dương, còn âm thanh phát ra là Âm. Ấy là đạo vận chuyển, sinh hóa cơ bản nguyên thủy để tạo dựng nên càn khôn. Âm Dương tương hiệp mà biến sanh.

“Dầu cho về Đạo Lý Học, ta ngó thấy khởi đầu nếu cái khối ngưng linh của Đức Chí Tôn không hòa hiệp với ngưng âm của Phật Mẫu, thì Thái Cực chưa ra tướng, hễ Thái Cực chưa ra tướng tức nhiên Càn Khôn Vũ Trụ này không có gì hết” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2 bài 52].

Cần khôn vũ trụ hiện diện nhờ vào “nguyên nhân” tiên khởi là Thái Cực, tức là Đức Chí Tôn. Nếu chẳng có Thái Cực thì chẳng có chi trong cần khôn.

“Thầy phân Thái-Cực ra Lưỡng-Nghi, Lưỡng-Nghi phân ra Tứ-Tượng, Tứ-Tượng biến Bát-Quái, Bát-quái biến-hóa vô cùng, mới lập ra Cần-Khôn Thế-Giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: vật-chất, thảo-mộc, côn-trùng, thú-cầm, gọi là chúng-sanh” [TNHT, Q.2].

Có Thái Cực mới có Âm-Dương, Tứ Tượng, Bát Quái rồi mới có vạn vật chúng sanh. Nên Đức Thượng Đế là Cha của mọi sự sống, là Ngươn Pháp linh diệu, là chơn lý hằng hữu tạo dựng ra muôn loài. Cũng từ đó mọi sinh linh đều từ nguồn gốc duy nhất ấy tạo thành, đều chứa sự sống, phát triển và tiến hóa theo thời gian. Đó là vì trong mọi vật thể ấy có cái “Đức” tự hữu theo thiên lý. Chi chi hữu sanh đều có sự hiện hữu tánh linh trong ấy. Đức Chí Tôn khẳng định rằng hễ nơi đâu có sự sống ắt có Ngài vì thế đức háo sanh của Đức Ngài vô cùng tận.

“Cái sống của cả chúng-sanh, Thầy phân-phát khắp Cần-Khôn Thế-Giới, chẳng khác nào như một nhành hoa trong cội, nó phải đủ ngày giờ Thầy nhứt định mới trở bông và sanh trái đặng trông nữa, biến hóa ra thêm; nếu như ai bẻ hoa ấy nửa chừng thì là sát một kiếp sanh không cho biến-hóa” [TNHT, Q.2].

Vạn vật sanh chúng thuộc ngôi **Tăng**. Nếu con người tận diệt Tăng tức là bất tùng luật thiên điều, chẳng tùng **Pháp** giới thượng tiến trở về bản lai. Nếu biết kinh nguồn cội bản thủy là **Phật** thì phải có tự tín và tha tính mà bỏ cái thiên tính là quyền pháp vô vi thì cái năng lực tự tín và tha tính sẽ cuốn hút con người vào vòng xoáy của tiêu diệt lấy mình. Cho nên, chúng ta phải bảo trọng mạng sống bản thân, tha nhân và vạn loại. Đức Thượng Đế sinh ra một mạng sống tức là báu vật của Ngài, mà chúng ta giết thì chẳng khác nào phạm Thiên Điều, tức là đại tội.

Ngôi Thái Cực là hình thái duy nhất của Khí Hư Vô. “Thái Cực” là Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế vi chủ ngôi **Phật**, chưởng quản Dương Quang. Khi Thái Cực phân ra nghi thứ hai là Âm Quang, ngôi ấy là ngôi của Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn, là chủ của **Pháp**. Hai luồng ánh sáng Âm-Dương tương hiệp tạo thành cơ sanh hóa, phát khởi vạn vật hữu hình của vũ trụ, đó là **Tăng**.

Vì vậy Trời có Tam Bửu là nhật, nguyệt, tinh. Đất có ba bửu là thủy, hỏa, phong. Con người có ba bửu là tinh, khí, thần. **Tinh** hay còn gọi là đệ nhất xác thân của con người thuộc hình hài xác thịt, do vật chất cấu thành. **Khí** là **chơn thần** hay gọi đệ nhị xác thân, do Hậu Thiên Khí kết thành, do Đức Phật Mẫu sản sinh ra. **Thần** là **chơn linh** do Tiên Thiên Khí tạo ra, tức là phần linh tánh do Đức Thượng Đế Thái Cực chiết phân.

Tóm lại, Thái Cực là Đạo, là chân lý hằng hữu, bất sinh, bất diệt, là Đấng Thượng Đế xuất hiện đầu tiên từ hỗn nguyên Vô Cực. Diệu tánh của Đức Thượng Đế mới phân tánh, biến Pháp, sanh Tăng. Từ khi tạo dựng ra vũ trụ vạn vật, Đức Thượng Đế đã nhiều lần hóa thân để đem Đạo cứu đời, đem chánh pháp cứu khổ để nhân loại nhận ra lẽ thiệt hư, hầu tìm lẽ chơn thật mà tu tiến trở về bản thể Đạo tự nhiên. Cũng vì Đạo là vô vi mầu nhiệm, bản thủy bao la bí nhiệm, hư diệu tịch tịnh, hằng hữu bất diệt, trong khi con người ở cảnh giới hữu sắc, hữu âm nên **hành trình về với Đấng Chí Tôn** trở nên bao la, diệu vợi.

Đối với công cuộc sáng tạo vũ trụ của Đức Thượng Đế, Đức Ngài tác thành càn khôn đại để với các cõi như sau: Cõi Thái Thanh Thiên, Phật Giáo gọi là Đại Bát Niết Bàn. Cõi Thượng Thanh Thiên, Phật Giáo gọi là Đại Niết Bàn. Cõi Ngọc Thanh Thiên, Phật Giáo gọi là Niết Bàn. Cõi Thiên Tiên, Nhơn Tiên và Địa Tiên; mỗi cõi chia làm ba tầng gọi là Cửu Trùng Thiên. Cõi Trung Giới, gọi là cõi Thánh, cũng chia làm nhiều tầng. Cõi hạ giới, là cõi phàm trần gồm thất thập nhị địa cầu, có con người và các sinh vật như chúng ta đã biết. “Tam Thanh Thiên” và “Cửu Trùng Thiên” gộp lại gọi là “Thập Nhị Thiên”. Đức Thượng Đế còn hóa thân ra mười hai Đấng, gọi là Thập Nhị Thời Thần. Vì vậy, Chư Phật và chư Tiên là các Đấng được Đức Thượng Đế giao sứ mạng khai hóa nên các phẩm ấy gọi là “**Cửu Thiên Khai Hóa**”.

Đức Chí Tôn là Đấng Thái Cực Thánh Hoàng đã “*hóa dục quần sanh, thống ngự vạn vật*” [trích kinh Thiên Đạo & Thế Đạo], lúc ẩn, lúc hiện, lúc có, lúc không, huyền bí vô biên, là chân lý, là tấm lưới rộng lớn bao phủ cả nhật, nguyệt, tinh, vạn vật, chớ cả sơn hà, biển cả. Đức Ngài là vị Thiên Đế, là Đấng Trời xanh mênh mông, yên lặng, mặc tịch, lặng lẽ hư vô nhưng sai khiến, biến chuyển cả bầu Càn-Khôn. Đức Chí Tôn chính là “**đạo**” đã nuôi dưỡng và phân tánh từ thời tiên thiên và hậu thiên, thương yêu và nuôi dưỡng cả chúng sanh. Đức Thượng Đế là chủ của chư Phật, Tiên, Thánh, Thần nên ngày nay, Đức Chí Tôn quyết định gom các Giáo Pháp của mọi nền tôn giáo đến chỗ **hiệp nhất** và **quy nguyên** để mở một cơ đại ân xá kỳ ba, cứu rỗi nhơn sanh, lập đời Thánh Đức.

Theo Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế của đạo Cao Đài, một cách sơ quát về Đức Chí Tôn, chúng ta thấy rất nhiệm lý. Đức Ngài là vị Đại Thiên Đế cầm quyền rộng lớn mênh mông, là chủ của Thái Cực, cầm quyền sinh hóa vạn vật. Đức Ngài luôn luôn dưỡng nuôi và sinh hóa ra mãi, dầu không thấy Ngài nhưng Ngài luôn sai khiến cả quần linh, thường tuần du hiện diện và bàn bạc khắp mọi nẻo. Đạo Trời luôn luôn sáng suốt, có thể thấy rõ mọi điều lành dữ của muôn loài một cách công minh rõ ràng.

Trên chương quản ba mươi sáu tầng trời, ba ngàn thế giới. Dưới thì điều khiển bảy mươi hai quả

cầu và bốn đại bộ châu. Đức Ngài thiên biến vạn hóa, không cùng, không tận nhưng đã biết bao nhiêu lần truyền pháp để cứu rỗi chúng sanh. Hơn nữa, cái oai linh to lớn, lòng đại bi vô ngần không gì cao hơn nữa. Đức Thái Cực chính là Đấng Huyền Khung Cao Thượng Đế, một Đấng Đại Thiên Tôn luôn luôn ban phước và xá tội cho chúng sanh.

3. Tam Thế Chí Tôn.

Theo Phật Giáo, **Tam Thế Phật** là ba vị Phật trong ba thời gian khác nhau. Phật quá khứ đại diện là Phật A Di Đà, Phật hiện tại được đại diện là Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật tương lai được đại diện là Phật Di Lạc. Trong Phật Đạo, chữ “Thế” còn hiểu là thế giới, nên có Đông Phương Thế Giới của Dược Sư Lưu Ly Phật, Tây Phương Thế Giới của Đức A Di Đà và Thế Giới Sa Bà của Đức Phật Thích Ca. Theo điển nghĩa ấy, Tam Thế Phật biểu thị cho không gian chứa vô lượng chư Phật trong các cõi quốc độ.

Theo giáo lý Đại Thừa của Phật Giáo, Đức Phật Thích Ca thường dùng ba chơn thân để truyền pháp. Đó là Pháp Thân, Báo Thân và Ứng Thân. Nên theo truyền thống tín ngưỡng, người ta lập ba pho tượng cũng ám chỉ Tam Thân Phật. Ngoài ra, trong Phật Đạo cũng dùng chữ Tam Thánh Phật nhưng cách phụng thờ khác nhau. Tam Thánh Phật chỉ ba Đấng ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, giữa thờ Đức A Di Đà, hai bên thờ Quan Thế Âm Bồ Tát và Bồ Tát Đại Thế Chí.

Một số nơi theo tín ngưỡng thờ phụng, người ta còn thờ Đức Phật Thích chính giữa tượng trưng cho từ bi, hai bên thờ Đức Văn Thù Bồ Tát và Đức Phổ Hiền Bồ Tát, tượng cho trí huệ và lòng hỷ xả.

Nếu nói Đức Thượng Đế hay Đức Chí Tôn thuộc **Phật**, Đức Phật Mẫu thuộc **Pháp**, và là hai Đấng chứng quản Dương Quang và Âm Quang trong lưỡng đồ Thái Cực thì đây là hai vị Phật đầu tiên trong càn khôn vũ trụ. Năng lực Âm-Dương hỗn hiệp mới biến sanh ra thế giới vạn vật.

Tam Thế Phật trong Cao Đài giáo là ba vị Phật chứng quản ba thời kỳ do Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế giao phó. Trong thể pháp Cao Đài, ba vị Phật được thượng tôn tại nóc Bát Quái Đài Tòa Thánh Tây Ninh. Đó là Đấng Brahma Phật điều khiển thượng ngươn thánh đức, Đấng Civa Phật điều khiển trung ngươn tranh đấu, Đấng Christna Phật điều khiển hạ ngươn tái tạo.

Đấng **Brahma** là vị Phật sáng tạo ra vũ trụ và vạn vật. Đức Ngài đứng trên con thiên nga, tay phải bắt ấn “thiên ngươn”, tay trái cầm bửu châu, mặt xoay về hướng Tây. Đức Ngài là **ngôi một** và tượng trưng cho ngươn thánh đức an lạc, ngươn này thuộc về về cơ sanh hóa. Đấng Brahma được xem là Đấng tự hằng hữu, là **bản thủy của vũ trụ**. Dưới góc độ triết lý của đạo Bà-La-Môn Ấn Độ, chúng ta cũng thấy tôn giáo này chẳng những thờ phụng Đấng này như là bản nguyên của vạn vật, lại phụng thờ hai Đấng.

Đấng **Civa** là vị Phật tiên hóa, giáo hóa nhân loại theo con đường tịnh tiến của cơ tạo đon. Đức Ngài xoay mặt sang hướng Bắc, thân mình đứng trên lưng rắn 7 đầu với nghĩa lý chế ngự thất tình cảm dố, biểu thị thoát ly những thứ tình cảm có thể dẫn dắt con người đến những cảnh tranh đấu, tàn diệt. Tay cầm ống tiêu thổi để tỉnh thức nhân sanh mê ngộ trần cảnh, hướng về đạo đức tu thiện. Đức Ngài là ngôi thứ hai trong Tam Thế Phật. Đức Thượng Đế khi phân tánh, Đức Chí Tôn dùng linh pháp mà biến tướng ra Đức Phật Mẫu, là **ngôi hai**, tức là **ngôi Pháp**, chương Âm Quang.

“Bàn-Đạo cũng nên chỉ rõ Đức Phật-Mẫu đến tại mặt thể gian này đã tượng-trung bên Ấn-Độ. Phật-Giáo Ấn-Độ gọi Ngài là Civa Phật, là cái hình ở trên Bát-Quái-Đài chúng ta để trên nóc đó, thấy có "Tinh-Nhũ" nơi ngực của Ngài đó. Hồi buổi Chí-Tôn phân định, phân tánh của Ngài, lấy Khí tức nhiên là Ngài dùng cái "Linh-Pháp" của Ngài biến tướng ra Phật-Mẫu. Phật-Mẫu thuộc về Âm, Chí-Tôn thuộc về Dương, Âm-Dương hiệp lại mới biến hóa Càn-Khôn Vũ-Trụ, sanh ra vạn-vật” [CĐTLHS, bài 20].

Đấng **Chritna** là vị Phật bảo tồn, cứu giúp, che chở, thương yêu con người. Đức Ngài xoay mặt sang hướng Nam, mình trần, tay mặt chông gươm, tay trái chống nạnh, thân mình đứng trên con giao long, chân đạp lên đầu con vật. Ngài là Đấng Phật giữ ngươn bảo tồn, là ngôi ba trong Tam Thế Phật.

“Thân tức nhiên là Đức Chí-Tôn, Thân phân định khí, khí mới sanh ra tinh. Phật là Chí Tôn, Pháp là Civa tức Phật-Mẫu, Tăng là vật-loại trên Càn-Khôn Vũ-Trụ này” [CĐTLHS, bài 20].

Theo giáo lý Cao Đài, tạo lập càn khôn, biến sanh Tiên, Phật, tạo lập ra vạn linh do chính Đức Chí Tôn. Đức Chí Tôn là chư Phật, toàn thể chư Phật là Đức Chí Tôn. Do Đức Chí Tôn khai Pháp, Pháp mới sanh Tăng. Nên Đức Chí Tôn là Phật, chủ cả Pháp và Tăng. Đức Chí Tôn là Cha của mọi sự sống. Có thể thấy rằng, Tam Thế Phật-Pháp-Tăng đều là **nhứt thể** của Đức Chí Tôn.

Theo Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, Thái Cực là cơ động tịnh và là **Ngôi Một**. Vì động nên sanh Hỏa là Chơn Dương, là Ngươn Thần của Tạo Hóa, Đạo Thơ gọi là Mộc Công. Vì tĩnh nên sanh Thủy là Chơn Âm, Đạo Thơ gọi là Kim Mẫu. Sự vận chuyển động tịnh sanh ra hai lý Âm-Dương, được gọi là **Ngôi Hai**. Âm Dương giao cảm mới biến thành Tứ Tượng, đây là **Ngôi Ba**. Sau đó, Ngôi Một Thái Cực trở về địa vị vô vi. Vì vậy, một “**thể**” ba ngôi.

Tóm lại, Tam Thế Phật đã thể hiện quyền năng và sứ mạng trong mỗi chu kỳ tân hóa của càn khôn vạn vật. Đấng Brahma là vị Phật thể hiện “ngôi **Phật**”, tức là Đức Thượng Đế Chí Tôn về mặt hữu hình, Đấng đã sáng tạo trời đất vật loại, Đấng thay mặt Đức Chí Tôn cầm quyền ngươn tạo hóa hay ngươn vô tội hoặc thánh đức, là nguồn sống tiên khởi. Đấng Civa là

“ngôi **Pháp**”, tức là Đức Phật Điều Trì Kim Mẫu, chịu trách nhiệm điều khiển ngươn tấn hóa hay ngươn tranh đấu, tức là ngươn tự diệt thuộc cơ sanh và cơ diệt. Đấng Christna là vị Phật có sứ mạng giáo hóa, độ rỗi chúng sanh trong thời kỳ hạ ngươn, ngươn tái tạo hay ngươn bảo tồn, tức là ngươn quy cổ, tượng trưng cho sự tuần hoàn bước sang trở lại thời kỳ thượng ngươn của Tứ Chuyển.

Có thể thấy rằng **Tam Thế Phật** trên nóc Bát Quái Đài Tòa Thánh Tây Ninh biểu thị sự tuần hoàn, ba chu kỳ luân chuyển trong càn khôn vũ trụ từ thượng ngươn, sang trung ngươn đến hạ ngươn của mỗi “Chuyển”, tức là một Chuyển gồm ba ngươn mà Ba Đấng Tam Thế Chí Tôn ấy luân phiên nhau điều khiển các ngươn để thúc đẩy sự phát triển của càn khôn không ngừng nghỉ và tiến hóa lên mãi.

4. Các tiên tri về sự ra đời của Đạo Cao Đài.

Đạo Cao Đài có danh hiệu chính thức là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với tôn chỉ quy triết lý Tam Giáo, hiệp nhứt toàn tín ngưỡng Ngũ Chi. Đức Chí Tôn là Đấng Chúa Tể càn khôn vũ trụ quyết định đến khai mở nền chơn giáo, chính mình Đức Ngài nắm chủ quyền Đạo, **không giáo chánh pháp cho người trần**, mất thịt để độ rỗi con cái của Đức Ngài hưởng được cơ ân xá của thời hạ ngươn Tam Chuyển hầu bước đến thượng ngươn thánh đức của Tứ Chuyển. Vì đây là nền Đại Đạo, nên trước khi mở nền chánh đạo, các Đấng Phật, Tiên đã rao giảng, tiên tri trước sự ra

đời của Cao Đài Đại Đạo rải rác mấy ngàn năm trước cho đến khi ngày Đức Thượng Đế tá trần gian mở đạo Cao Đài chính thức vào năm 1926 qua huyền diệu tiên bút.

Con người luôn luôn sống dưới bầu trời có vầng Nhật-Nguyệt, tức là hai nguồn sống bổn lai của càn khôn sáng soi dẫn chân hướng thượng của toàn thể chúng sanh. Dù vô đạo hay hữu đạo, con người đều có một Phật Tâm linh diệu, một thể tánh thường tại tự hữu, đồng bản nguyên của Trời Đất. Cho nên Đức Phật nói “nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh”, nghĩa là mỗi người đều có một chân như Phật tánh như nhau. Đức Phật còn tuyên phán “*Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành*”.

Tất cả chúng sanh đều đang đi trên cơ động tịnh Âm-Dương, đang học những bài học khổ đau, tấn tuồng khổ hay vui đều do sự tác động của luật nhân quả thăng tiến. Học để hiểu, trải nghiệm các trạng thái “hữu-vô”, “thăng-đọa” hầu dần tiến đến con đường thiêng liêng hằng sống, tức là giải thoát. Nói như thế không có nghĩa là con đường trở về tự tánh là một hành trình giản đơn. Chính vì những phàm ái, vô minh luôn bao phủ, con người ngập lặn giữa sông mê, bến khổ khó mong quán tâm, luyện tánh hườn hư nên Đức Chí Tôn mới khai các nền tôn giáo để chỉ đường cho vạn hữu trực chỉ tu tâm, luyện tánh, dưỡng lòng mà hướng đến con đường đạt đạo.

Chánh Pháp ra đời để dẫn dắt con người thuần hành tu tập, quán niệm để đắc nhất. Khi vị Giáo Chủ tôn giáo nhập tịch, tất cả các môn sinh đều thương tiếc và sợ sau này không ai dìu dắt con đường thiện hạnh của mình. Dầu thế, các Đấng cao cả ấy vẫn có những dấu chỉ, tiên tri về con đường cứu cánh tương lai cho chúng sanh biết trước. Đạo Cao Đài là một tôn giáo ra đời năm 1926 tại Việt Nam, cũng được các Đấng tiên tri về sự hiện hữu.

▪ *Tiên tri tại đàn cơ ở Đồng Tháp.*

Ngược dòng thời gian 13 năm kể từ năm 1926, nhạc phụ của nhà báo Diệp Văn Kỳ là ông Lê Quang Hiến có cầu cơ, nhóm họp với các sĩ phu yêu nước, hỏi chuyện quốc sự. Cơ bút giáng cho bài thi và xưng là nhà nho yêu nước, cụ Nguyễn Hữu Huân:

*“Co duỗi **Cao Đài** khoẻ tâm thân,
Đạo xem đào lý đượm màu xuân.
Giang sơn chẳng khác ngàn năm cũ,
Ngày tháng chờ thay một chữ tân.
Chín chục thiều quang vừa nửa sáu,
Một vầng trăng rạng chứa ba phân.
Thừa nhàn cười hạc không trung ruỗi,
Chạm mắt **Cao Đài** khoẻ tâm thân”*

Hai chữ “Cao Đài” được nhắc trong bài thơ mà cụ thủ khoa Nguyễn Hữu Huân, không ai hiểu nhưng bài thơ được lưu lại. Mãi sau 13 năm sau, tức là năm

1926, khi nhóm phổ độ truyền đạo của Đạo Cao Đài đến Đồng Tháp, mọi người mới nhớ lại cuộc cầu cơ xưa, nên hiểu hai chữ ấy nhằm tiên báo nền tôn giáo mới ra đời, có tên gọi là Cao Đài, hay báo trước Đấng Cao Đài giáng thế.

▪ ***Đàn cơ tại Miếu Nổi.***

Miếu Nổi tọa lạc tại một cồn khoảng 100 thước vuông, trên sông Bến Cát, là nhánh của sông Bình Lợi thuộc quận Gò Vấp, tỉnh Gia Định cũ. Nơi đây thờ Đức Tề Thiên Đại Thánh và Ngũ Long Công Chúa. Trong một đàn cơ vào ngày 17 tháng 06 năm Quý Hợi, nhằm ngày 30 tháng 07 năm 1923, vị Tiên Tào Quốc Cứu nằm trong Bát Tiên, giáng đàn cho hay rằng:

“Chư nhu có phước có duyên nên mới gặp Đạo kỳ này là kỳ thứ ba. Thiệt chư nhu có đại căn mới gặp trước thiên hạ đó. Hữu duyên đắc ngộ Tam kỳ độ, tiên thánh đều lâm phàm mà độ kẻ nguyên nhân”.

▪ ***Tiên tri trong kinh Minh Sư.***

Đạo Minh Sư là một trong năm hệ phái gồm Minh Sư, Minh Lý, Minh Tân, Minh Thiện, Minh Đường, có đường lối tín ngưỡng phụng thờ Tam Giáo, lấy phép tu đơn Lão Giáo là cội. Nguồn gốc của các hệ phái này xuất hiện khoảng giai đoạn cuối thế kỷ 17, tức là mãn đời nhà Minh, khởi đầu nhà Thanh.

Khởi sơ, tông phái này do các công thần của nhà Minh ở Trung Hoa thành lập và truyền sang Việt Nam. Mở đầu, môn phái chưa thuần túy tu học, muốn lật đổ nhà Thanh để khôi phục nhà Minh. Đến khi truyền sang Việt Nam, giáo phái này trở nên thuần túy về đạo pháp. Trước năm 1926, tức là trước thời gian Đạo Cao Đài ra đời, đạo Minh Sư thường truyền tụng hai câu khoán thủ:

*“Cao như bắc khuyết dân chiêm ngưỡng,
Đài tại nam phương đạo thống truyền”.*

Hai câu này cho biết đạo Cao Đài sẽ xuất hiện tại Nam Phương, và toàn thể chúng sanh chiêm ngưỡng Đấng Cao Đài, là Đấng Chí Tôn ngự tại Bắc Khuyết. Mặt khác ở vùng Trung Kỳ Việt Nam, phái Minh Sư do ông Trần Cao Vân lãnh đạo và trong kinh nhật tụng có câu rằng:

*“Con cầu Phật Tổ Như Lai,
Con cầu cho thấu Cao Đài Tiên Ông”.*

Đến khi Đạo Cao Đài được phổ truyền sang Trung Kỳ nước Việt Nam, đạo Minh Sư mới hiểu rõ mật cơ tiên tri ấy ứng hiệp trong các dự ngôn mà không ai hiểu “Cao Đài” là gì. Đạo Cao Đài xuất hiện do cơ bút, lại quy Tam Giáo nên rất phù hợp những căn bản của hệ phái này, vì thế rất nhiều tín hữu đã nhập môn đạo Cao Đài làm môn đệ của Đấng Cao Đài.

- ***Tiên tri của Đạo Đại Bản Oomoto.***

Oomoto Giáo là một tôn giáo ở Nhật Bản luôn lấy sự chỉ dạy của Thiêng Liêng làm cầu nối như những thánh truyền và đường lối tu học. Tôn giáo này luôn luôn có giáo chủ là nữ phái. Vào năm 1926, Hội Thánh Oomoto Giáo nhận được một đàn cơ cho hay:

“Ở Việt Nam có xuất hiện một phái Đạo bần áo trắng, thờ con Mắt bên tay trái là biểu hiện của Thái Dương Hệ”.

Vị giáo chủ đạo này có qua tìm đến Đạo Cao Đài và gặp được Ngài Phối Sư Thái Thơ Thanh. Sau đó, hai nền đạo kết chặt quan hệ giao hảo. Vào năm 2015, nữ giáo chủ Oomoto là bà Kurenai Deguchi dẫn phái đoàn gồm 50 người sang Tòa Thánh Tây Ninh để tham dự Đại Lễ Hội Yên Diêu Trì Cung và bái lễ Đức Chí Tôn tại Tòa Thánh Tây Ninh.

▪ ***Tiên tri trong kinh Phật Tông Nguyên Lý của Phật Giáo.***

Trong quyển kinh có thuật lại rằng trước khi Đức Phật Thích Ca tịch diệt, nhập Niết Bàn, đệ tử của Đức Ngài là Ananda có rơi lệ mà hỏi thầy mình “*Khi Tôn Sư nhập Niết Bàn rồi ai dạy các con?*”. Đức Phật Thích Ca trả lời rằng:

*“Ta chẳng phải vị Phật đầu tiên hay cuối cùng, ngày giờ đến, sẽ có một Đấng khác xuất hiện cứu đời, một **Đấng Chí Thánh**, một Đấng Đại Giác, cực kỳ cao thượng, một Đấng dẫn Đạo vô song, một **Đấng Chúa Tể Thánh Thần** và loài người, Đấng ấy sẽ*

truyền dạy các con một môi Đạo vinh diệu buổi sơ khai, vinh diệu buổi thanh hành, vinh diệu buổi kết cuộc, Đấng ấy sẽ xướng xuất một đời sống đạo đức hoàn toàn thuần khiết”.

Lời đáp của Đức Phật Thích Ca đã nổi bậc ở điểm, Đấng Chí Thánh, Đại Giác và chúa tể Thánh Thần ám chỉ Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Mỗi đạo vinh hiển ấy không khác hơn là nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

▪ ***Tiên tri trong Thanh Tịnh Kinh của Lão Giáo.***

“*Thanh Tịnh kinh hữu di tích: Công viên quả mãn chỉ thọ đơn thơ. Thiên mạng phương khả truyền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*”.

Tạm dịch nghĩa là: Kinh Thanh Tịnh có dấu tích để lại rằng: Công đầy quả đủ sẽ được lãnh thọ đơn thơ. Người có mạng Trời khá nên truyền Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ Độ. Như vậy, Lão Giáo từ xa xưa cũng đã tiên tri sự ra đời của nền tôn giáo Cao Đài một cách rõ ràng.

Ngày nay, Đạo Cao Đài cũng đã có cửa Phạm Môn, ba cơ quan tu tịnh là Trí Giác Cung, Trí Huệ Cung, Vạn Pháp Cung áp dụng phương pháp tu đơn khi có chơn sư truyền dạy các bí pháp tịnh tu.

▪ ***Tiên tri trong quyển Vạn Diệu Thiên Thơ Cổ Bản.***

Quyển kinh này có bài thơ thất ngôn bát cú đường luật như sau:

*“**Tam giáo** kim tòng cổ hóa sanh,
Tiên thiên phương hữu thị **Tam Thanh**.
Phật, Lão, Nho hề quy nhứt bốn,
Tự nhiên tà đạo thống tương tranh.
Vạn ức sơn hà giai hữu thử,
Tổng quy nhứt phái đắc an thành.
Xà vĩ mã đầu khai đại hội,
Tam kỳ hậu thế hiển phương danh”.*

Tạm diễn nghĩa như sau, Tam Giáo theo xưa nay mà hóa sanh. Đạo Tiên Thiên tức là Đạo Tam Thanh. Phật Giáo, Tiên Giáo, Nho Giáo đều quy về một gốc. Tà đạo cũng tranh giành. Khắp nơi đều diễn ra như thế. Đồng về một phái mới an lành. Đời sau Tam Kỳ sẽ được rạng rỡ thơm danh.

Trong bài thơ trên, chúng ta để ý các danh từ “Tam Giáo, Tam Thanh, Tam Kỳ” đã rất ứng hiệp với nền đạo Cao Đài ngày nay, Cao Đài quy hiệp Tam Giáo, dùng cờ đạo là cờ Tam Thanh ba sắc màu, tượng trưng cho ba tôn giáo Thích, Tiên, Nho, và là nền đạo để độ rỗi chúng sinh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ của Đức Thượng Đế.

▪ ***Tiên tri trong quyển Tinh Thế Ngộ Chơn.***

Quyển kinh cho hay rằng:

“Thiên môn vạn giáo cộng quy căn”

Nghĩa là ngàn cửa, mọi tôn giáo đều quy về một mối. Trong tất cả các tôn giáo của nhơn loại xưa nay, duy chỉ có tôn chỉ của đạo Cao Đài mới có thể thuyết “vạn giáo cộng quy căn”.

▪ ***Tiên tri trong quyển Giác Mê Ca.***

Quyển sách này có nguồn gốc từ một người tu theo Đạo Gia, có đoạn thi như sau:

*“Hữu duyên mới gặp Tam Kỳ Phổ Độ,
Muôn đời còn tử phủ nêu danh.
Ba ngàn công quả đặng viên thanh,
Mới đặng thiên thơ chiếu diệu”*

Đoạn trên đã tiên tri và nêu đích danh gọi tên nền đạo Cao Đài, duy chỉ người có hạnh duyên lắm mới ngộ được vào trường Cao Đài và lập “ba ngàn công quả” như Đức Hộ Pháp nói để siêu sanh trong ân huệ của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

▪ ***Tiên tri trong quyển Ấu Học Tâm Nguyên.***

Quyển sách này dạy về việc quan, hôn, tang, lễ cổ xưa, có câu “Đầu thượng viết **Cao Đài**”. Nghĩa là trên đỉnh đầu của con người là Đấng Cao Đài. Câu này tiên tri về sự xuất hiện của Đấng Cao Đài, danh xưng của Đức Thượng Đế trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tá trần trong tương lai.

▪ ***Tiên tri trong sấm Trạng Trình.***

Cụ trạng trình Nguyễn Bình Khiêm đã cho ra đời tác phẩm Bạch Vân Am Tự và những lời tiên sấm. Cụ là một nhà chính khách, một nhà thơ lỗi lạc có sức ảnh hưởng rất lớn vào thế kỷ 16 và được lưu danh sử sách ngàn thu. Ngoài tác phẩm “Mây Trắng” [Bạch Vân] có khoảng 1.000 bài thi, cụ còn có những lời tiên tri rất giản dị, ngụ đời nhưng ít ai hiểu lời lẽ huyền cơ cụ muốn nói. Chỉ khi những sự việc xảy ra, người ta đối chiếu lại thì rất đúng và mới hiểu rõ.

*“Con mừng, con tít con quay,
Vù vù chong chóng gió lay trên đài.
Nhà **Cha** cửa đóng then cài,
Âm âm sóng dậy hỏi người đông lân”.*

Với nhiều nhà phân tích, cho rằng những câu trên của cụ hoan toàn liên quan chặt chẽ để hiện tượng của Đạo Cao Đài. “Chong chóng” chỉ hình chữ vạn mà được sử dụng trên nóc trong cơ sở thờ tự của Đạo. Nghĩa là chữ vạn như biểu tượng đang quay vù vù. Đến khi Pháp đánh vào, thấy biểu tượng chữ vạn, nghi rằng đạo Cao Đài có liên quan đến Đức Quốc Xã, đảng này có ký hiệu giống chữ vạn của tôn giáo nhưng theo chiều ngược lại. Chính vì thế, Pháp cho đóng cửa Tòa Thánh, Thánh Thất, bắt bớ, giết Chưc Sắc, một cuộc tàn sát lớn xảy ra đối với Đạo Cao Đài ứng với câu “Nhà Cha cửa đóng then cài”.

▪ ***Đạo Tam Thanh bên Trung Hoa.***

Thế kỷ 15 tại Trung Hoa, có một vị đạo sĩ Ngô Chi Hạc lập một giáo phái thờ Tam Vị Giáo Chủ của ba nền tôn giáo lớn là Đức Thích Ca Mâu Ni, Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử, đặt tên là đạo Tam Thanh. “**Tam Thanh**” là biểu hiệu của sự quy nhất Tam Giáo của đạo Cao Đài mà từ xa xưa đã đánh dấu cột mốc để thấy sự tiên tri cho nền Cao Đài giáo.

▪ ***Tiên Tri của Đức Phật Thích Ca.***

Phật Giáo vẫn truyền tụng một dữ kiện quan trọng mà Thầy Thích Thông Lai nói Đức Phật Thích Ca cho hay:

“Chừng nào có một đạo ra đời, lấy y phục toàn màu trắng làm chuẩn cho cơ bản của đường tu và tất cả các đạo cũng đều nhìn nhận để cùng mặc toàn là đồ màu trắng thì lúc đó sắp có Long Hoa Đại Hội. Khi nào có đạo ấy ra đời, các con sẽ đem xá lợi của ta và cây bồ đề của ta đến hiến cho đạo ấy, vì đạo ấy có ta ở đó, ngày Long Hoa Đại Hội sẽ có mặt ta, các con nhớ vậy”.

Đức Phật Thích Ca cho biết đạo mặc toàn đồ trắng là Đạo Cao Đài, còn tiên luận về cuộc Đại Hội Long Hoa sẽ diễn ra trong Đạo Cao Đài. Ngài nói sẽ có một Đấng Chúa Tể phổ truyền nền chơn đạo vinh diệu.

“Ta chẳng phải vị Phật đầu-tiên hay vị Phật cuối cùng, mà sau Ta vào thời-kỳ cuối cùng của đạo-pháp (mạt-pháp) sẽ có một Đấng lớn hơn Ta xuất-

hiện, Đấng Chí-Thánh Đại-giác độc-nhất vô-song, cực-kỳ cao-thượng. Đấng Chúa-Tể cả Thần Thánh và nhân-loại. Đấng đó sẽ phổ-truyền một nền Đạo vinh-diệu lúc sơ-khai, vinh-diệu lúc thịnh-hành và vinh-diệu cả buổi chung cuộc”.

▪ **Tiên Tri của Thiên Chúa Giáo.**

Đối với Thánh Giáo Gia Tô, Đức Chúa Jesu cũng tuyên ngôn trong sau hai ngàn năm Đạo của Ngài, sẽ có một nền Đạo đầy quyền năng và vinh quang. Như vậy, chỉ trong vòng một ngàn chín trăm hai mươi sáu năm [1926], đạo Cao Đài đã ra đời như lời Ngài tiên tri. Đức Ngài cho hay rất rõ ràng, Ngài sẽ giáng lâm lần nữa.

“Chừng đó sẽ có những điềm trên mặt trời, mặt trăng và các vì sao. Các quyền-lực trên trời bị lay chuyển. Dưới đất muôn dân sẽ lo-lắng hoang-mang trước cảnh biển gào song thét, hải-hùng đón nhận những tai-wong giáng xuống địa cầu. Bấy giờ thiên-hạ sẽ thấy con người đầy quyền năng và vinh-quang ngự trong đám mây mà đến.... Ngày ấy đến một cách bất thần, như mẻ lưới chụp xuống trên mọi dân cư khắp trên mặt đất... Một cách bất thần như kẻ trộm ban đêm. Lúc ấy tai-họa sẽ thành-linh ập xuống cho mọi kẻ tội lỗi”.

Lời tiên tri của Đức Chúa Christ hoàn toàn trùng hợp với triết lý Cao Đài Đại Đạo. Thời kỳ mạt pháp đã đến, cơ sàn lọc, chọn hiền sĩ vào bảng phong

vị của Đức Di Lạc Vương Phật hầu cận. Đức Chí Tôn đã đến với chúng sanh “như kẻ trộm ban đêm”, tức là huyền diệu cơ bút các Chức Sắc khai Đạo cầu cơ vào ban đêm thuở sơ khai và đúng như lời Thánh Cơ Đức Chí Tôn giảng:

“Noel 1925

Ngọc-Hoàng Thượng-Đế Viết Cao-Đài
Tiên Ông Đại Bô-Tát Ma-Ha-Tát
Giáo Đạo Nam Phương

*Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên
Đạo mâu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.*

Đêm nay, 24 Décembre phải vui mừng vì là ngày của ta xuống trần dạy Đạo bên Thái-Tây (Europe). Ta rất vui lòng mà thấy đệ-tử kính mến ta như vậy. Nhà này sẽ đầy ơn Ta”.

Như vậy qua lược sự các sự kiện trên, chúng ta đã thấy Đức Thượng Đế đã cho các vị Tổ Sư, các Đấng Phật, Tiên, Thánh, Thần...biết trước huyền cơ sẽ xuất hiện nền đạo cứu thế là Đại Đạo, với chủ thuyết ân xá cứu rỗi sanh linh trong thời tam kỳ phổ độ, bước sang thượng ngươn thánh đức. Đó là một yêu nhiệm, một thiên thư tiên tri của máy Trời cho biết trước.

Đến năm 1926, những hiện tượng đã lột tả mọi “huyền cơ” thông qua những chữ cơ bản “Đại Đạo”, “Tam Kỳ Phổ Độ” hay “Cao Đài”, là danh hiệu của nền tôn giáo và danh hiệu của Đức Chí Tôn, do chính Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế tá trần gian qua cơ bút để mở một nền Chơn Giáo mới phổ độ chúng sanh.

5. Đức Cao Đài đến bằng huyền diệu cơ bút.

Theo dòng lịch sử tân hóa của nhơn loại, Đức Chí Tôn luôn thể theo lòng đại từ, đại bi thương yêu loài người, nên hằng cho các Đấng Phật, Tiên giáng trần lập giáo, hầu thức tỉnh lòng người, lánh giả tầm chơn, làm lành, lánh dữ, nếp mình vào cửa nâu sòng để tu hành giải thoát khỏi chốn sông mê. Các tôn giáo ra đời trong hai kỳ phổ độ là Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ, đã đáp ứng được những khát khao của nhơn loại tâm đạo. Những nền tôn giáo hiện mặt thế có thể tựu chung lại gọi là Tam Giáo và Ngũ Chi.

Tuy nhiên, khi các Đấng Giáo Chủ tịch diệt, đạo truyền thừa khoảng thời gian thì bị phân chia, tranh giành quyền lực, lập nhánh, tô điểm, cải sửa muôn hình vạn trạng đến đổi làm cho chánh giáo trở thành phạm giáo, đến một tình trạng **thất kỳ truyền**. Người sau nương theo cái sai ấy, lại thêm bớt tiếp tục, làm cho mỗi đạo trở nên rối rắm.

Suốt lịch sử tân hóa và tiếp cận với những giáo pháp, Đức Thượng Đế đã cho nhơn loại ký hai bản hòa ước với Đức Thượng Đế, gọi là **Đệ Nhứt Hòa**

Ước và Đệ Nhị Hòa Ước. Nhưng loài người đã bội ước, đánh mất “**hòa ước**” cam kết với Đức Chí Tôn. Việc đánh mất những hòa ước giao kết, hứa hẹn kia không những làm cho loài người không thể trở về nguồn cội mà còn làm cho loài người rơi vào tội lỗi, phạm đến Thiên Điều.

Đạo đã lập thành để rửa sạch những bợn nhơ, hư đốn hầu bảo tồn cho đoàn hậu tấn tiếp nối tu học. Gương sáng của các Đấng Giáo Chủ đã sáng rọi, chói lòa, làm gương cho sinh linh nhưng máy Thiên Cơ lăm lắc lỗ, làm đắm chìm không biết bao nhiêu khách tục, lỗ đạo, làm đời, chông chênh lăm đời. Đức háo sanh của Đức Thượng Đế chưa bao giờ ngớt nên chẳng những các mối đạo chánh thống ra đời, còn biết bao nhiêu các Thánh trước, Hiền xưa răn dạy, chỉ con đường tu tấn. Loài người phải trau tria hạnh đức, dụng nét nâu sòng, xa rời bển tục, tìm sự tự tại thung dung, rừng xanh nước biếc. Đường đạo lăm đời quanh co, khút khiu. Nhưng lòng người chẳng ngay, không giữ đạo, mượn thói vạy tà để làm cho chính mình càng xa ơn cứu rỗi của Đức Chí Tôn.

Minh chứng cho sự bội ước ấy là con người đã lìa xa chánh pháp bằng cách tô vẽ hình tướng đạo, cái chơn chẳng còn, đổi cái thật thành cái giả, chú trọng ngoại dung hình tướng mà đánh mất cái cốt lõi của nền đạo, làm cho mối chánh truyền trở nên phạm giáo, không có khả năng cứu rỗi nhơn loại; thứ hai đam mê vật chất, những phù phiếm xa hoa đã cuốn con người

vào vòng xoáy của danh-lợi-quyền, đua tranh nhau vào lượn văn minh nên thất ngôi, loạn pháp, nguồn đạo mầu trở nên vô dụng; thứ ba là những hình tướng khác bên ngoài của tôn giáo đã làm con người nương theo để tranh đấu, thị phi. Đời thì hung bạo, ngang tàn, Đạo thì mất vẻ tôn nghiêm, không khả năng dìu Đời vào nếp sống thuần lương. Cục diện của nhân loại là bức tranh chứa cảnh phân ly, pha màu tử biệt. Đó là nét thảm của loài người ngày nay.

Hơn thế nữa, do Cựu Luật vốn đã không còn bắt nhịp với thời kỳ văn minh trí thức tinh thần và do nơi **Ngọc Hư Cung bác luật, Lôi Âm Tự phá cỗ**. Thiên thơ tiền định đã như vậy, con người lại tự đào hố chôn mình trong biển vô minh, con đường hội ngộ trở nên thăm thẳm diệu vợi. Như những tiên tri trên, Đức Thượng Đế sẽ đến mở một nền đạo cho nhơn loại hầu cứu chuộc loài người, đem một nguồn diệu quang để sanh chúng tỉnh thức.

Đức Ngài đem giọt nước ma ha để gội rửa chơn thần loài người, Đức Ngài lại tiếp tục cho con người ký thêm một bản hòa ước mới, **Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước**. “**Thiên Thượng-Thiên Hạ, Bác Ái-Công Bình**”. Trời Người đồng ký một bản thỏa ước. Nếu chúng sanh thực hiện theo cam kết, chịu thực thi trọn vẹn Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh cho vẹn vẻ, Đức Thượng Đế sẽ tùy theo sở năng mà ban cho con người phẩm Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Kỳ này Đức Chí Tôn xuống thế, không trao quyền bính cho người nào mà Đức Thượng Đế vi chủ nền đạo. Đức Ngài âm thâm đến với con cái của Ngài như một người bạn, người Thầy nhỏ nhen, Ngài gần gũi, un đức tinh thần, dạy nhân nghĩa, đạo lý thông qua phương pháp thông công là huyền diệu cơ bút.

Hiện tượng cơ bút làm cho con người nhận ra các điều như sau: thứ nhất, một vật dụng “chết” nhưng vẫn có thể diêu động, chứa cả những quyền năng cao trọng siêu nhiên, làm cho khối óc con người phải cúi đầu tuân mệnh, điều ấy chứng minh nơi nào cũng có Đức Thượng Đế ngự trị.

Thứ hai, hễ tin có Trời bằng tấm chân thành thì Đức Ngài đến, nhược bằng không đó là sự động tịnh của tà cơ quấy nhiễu, khuấy phá con người, đưa đến rừng mê, biển khổ.

Thứ ba, chính cơ bút là một cầu nối làm Trời-Người hiệp một, gây dựng chơn tướng nền Đại Đạo Tam Kỳ, cơ bút đã hiện diện trong suốt quá trình gây dựng và kiện toàn cơ cấu nền chánh trị đạo Cao Đài.

Thứ tư, cơ bút thể hiện sự quan hệ hai chiều, vừa có Trời, vừa có Người mới tác thành một Chơn Giáo Đại Đạo.

Tóm lại, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế vì lòng đại bi nên xuống thế gian qua cơ bút, mở đạo, quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi thành một mối duy nhất để con người không còn phân biệt, nhìn đạo Trời là

một đê Đức Ngài gồm tất cả con cái Ngài vào lòng, ôm ấp, tung tiu, thương yêu và thực hiện cơ ân xá cứu rỗi kỳ ba cho kịp thiên thơ.

Đền thờ Lama là nơi những công dân xứ Tây Tạng được hưởng thấy thiên nhan của Đức Chí Tôn. Cứ 50 năm, Đức Chí Tôn giáng lâm một lần tại đền thờ. Đạo Cao Đài tượng Bạch Ngọc Kinh tại thế, thờ Đức Chúa Trời, là Đức Chí Tôn nhưng chưa có vinh hạnh hưởng cái đặc ân ấy, chỉ biết Đức Chí Tôn qua việc xoay chuyển của cơ bút, tức là lời giảng dạy của Đức Ngài mà thôi. Đức Hộ Pháp giảng:

“Đã hai ngàn năm Đền Rome Chí Tôn chưa ngự đến hỏi tại sao? Ta có thể nói tại Rome thờ không đúng hay chưa đủ Ngươn kỳ cho Ngài giá lâm. Chúng ta để sở vọng ước ao, nhờ Chí Tôn thường đến với Chơn Thần vô hình dụng Cơ Bút dạy Đạo tại Đền Lama thế nào, thì chúng ta cũng được Ngài ban ơn đường ấy.

Duy dân Tây Tạng họ được hạnh phúc kiến diện Thiên Nhan còn chúng ta chưa. Ước ao cả toàn sắc dân yêu ái chơn chánh nhứt tâm nhứt đức giữ hiếu cùng Ngài, giữ trung cùng Đạo, may ra sau này sẽ có Ngài ngự thì hạnh phúc ấy sẽ ghi tạc sử xanh, để ngàn đời như Đền Lama” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1 bài 27].

Liên quan đến sự ra đời của Đạo Cao Đài cũng như Đấng Cao Đài, chúng ta cũng không quên những

giá trị hư-thật của cơ bút tạo ra. Cơ bút là một việc trọng đại, chỉ có những người có sứ mạng thủ cơ chấp bút mới có thể đảm trách vì nó chứa cả một huyền diệu bí mật thiêng liêng của cơ thể tạo đoan hữu hình và vô vi của càn khôn vũ trụ. **Cơ bút có thể lập giáo nhưng chính cơ bút cũng có thể làm tiêu diệt đạo** vì sự mê lầm của con người. Chính vì sự hệ trọng ấy, Đức Hộ Pháp mới thuyết minh, ban Thánh Lịnh để định khuôn khổ:

“Bản Đạo buộc mới đây phải lập Thánh Lịnh định khuôn luật của cơ bút có nhiều lẽ Bản Đạo khoan dung. Khoan dung ấy làm cho phiền lòng đức Lý, cho nên Đức Lý trách Bản Đạo cầm quyền Hộ Pháp trong tay điều trị, điều ấy mà không định luật của nó để rối loạn cơ bút, nên Bản Đạo lập Thánh Lịnh đó, cùng chẳng đã mới lập Thánh Lịnh, vì từ trước đến giờ Bản Đạo để cho cơ bút tự do, Bản Đạo nói thật tại giảng đài này, Bản Đạo thấu đáo được thánh ý Đức Chí Tôn, Ông lấy cái giả dựng lập cái thiệt chớ hành tàng của cơ đời họ đều lấy cái giả dựng lập cái thiệt chỉ có tay ông Trời làm được mà thôi chớ không có ai làm dựng hết” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.4 bài 7].

6. Tôn hiệu và quyền năng của Đấng Cao Đài.

Đấng Cao Đài là chúa tể của chư Phật, Tiên, Thánh, Thần, là Đấng đã tạo dựng ra càn khôn vạn vật trong thế giới hữu hình lẫn vô vi.

Quan niệm tín ngưỡng của Đông Phương cũng như Tây Phương nói chung và Việt Nam nói riêng, tin rằng Trời là Đấng chủ tể, là nguồn sống tiên khởi, một Đấng tự hữu, hằng sanh, toàn năng, toàn tri, toàn giác, toàn thiện, toàn mỹ, đại bi, đại ái, là nguyên lý tạo ra mọi thứ.

Nếu không có Đức Ngài, sẽ chẳng có thứ chi. Nên người ta luôn quy nguồn cội, kính Trời, thuận thiên lý, tức là thuận Đạo để sống, điều chỉnh khuôn mực theo luật tự nhiên. Loài người tin rằng Đức Ngài là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, ngự tại Linh Tiêu Điện hay tòa Huỳnh Kim Khuyết Bạch Ngọc Kinh để điều hành máy âm dương.

Từ xa xưa, con người đã có quan niệm thờ Đức Thượng Đế và coi các vua đứng đầu một quốc gia là vị Thiên tử, thay mặt Trời để dạy dỗ, lo lắng cho muôn dân. Vì thế, hàng năm các vị Thiên tử lập lễ tế Trời, sùng bái Đấng Cha Lành nơi Thiên Cung.

Theo Kinh Dịch, Đức Thượng Đế là ngôi Thái Cực từ Vô Cực mà ra, nhưng có câu “Vô Cực nhi Thái Cực”. Vì vậy, Đức Thượng Đế chính là hình ảnh của Vô Cực hiện hữu.

Đạo Cao Đài khai mở, Đức Thượng Đế đã giảng rõ Khí Hư Vô sinh ra ngôi Thái Cực, chính là Đấng Chí Tôn. Nếu không có Khí Hư Vô thì không có ngôi Thái Cực và không có ngôi Thái Cực thì không có chi trong càn khôn thế giới. Thông qua giáo lý đạo

Cao Đài, chúng ta biết rõ rằng Thái Cực Đấng Chí Tôn hằng hữu tuyệt đối, tối cao, tối đại, chí linh, chí thánh, Đấng sinh ra Trời Đất vật loại, từ vật chất cho tới tinh cầu địa tú, âm phủ, cõi trời, từ những vi tế bào nhỏ nhất cho tới những “hiện tượng” vĩ đại cũng do bàn tay của Đấng Chí Linh.

Trước năm 1926, danh xưng của Đức Thượng Đế có tôn hiệu rất khác nhau tùy theo tín ngưỡng tôn giáo và thời kỳ. Đến năm 1926, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời, gọi tắt là Đạo Cao Đài, chính mình Đức Thượng Đế đến với loài người để sáng lập mới đạo, con người biết thêm danh xưng mới là “Đức Chí Tôn”, “Ngọc Hoàng Thượng Đế Kim Viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”, “Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn”. Nhờ có cơ bút, Đấng Chí Tôn giáng trần và minh tả nhiều triết lý màu nhiệm, lập Tân Luật và Pháp Chánh Truyền tạo thành một môi Đại Đạo cho con người tu theo luật mới.

▪ ***Tôn hiệu, nhiệm vụ và nguyên căn.***

Các tôn giáo cổ xưa cũng đã nêu lên rất nhiều tôn hiệu như Đấng Brahma, Nguyên Thủy Thiên Tôn, Thiên Đế, Ngọc Đế... Căn cứ vào bài kinh của Cao Đài là Ngọc Hoàng Kinh, Đức Ngài có tôn hiệu là “Đại La Thiên Đế” hay “Thái Cực Thánh Hoàng”.

Từ trong “Vô Cực”, Đức Ngài hiện ra và ngự tại ngôi “Thái Cực”. Ngài lại phân Thái Cực ra làm

Lưỡng Nghi là Âm-Dương, biến Tứ Tượng, sanh Bát Quái, tác tạo càn khôn và vạn loại trong toàn thể cơ cấu hữu hình lẫn vô vi. Chính Đức Thượng Đế đã hóa sanh, nuôi dưỡng muôn loài nên Đức Ngài cai quản, thống trị, điều hành, thúc đẩy sự vận chuyển và tiến hóa của vạn vật. Kinh có câu “*Hóa dục quần sanh, thống ngự vạn vật*”.

Đức Thượng Đế sáng tạo và chưởng quản những cung cõi do Đức Ngài tạo dựng ra. Cõi trên, Đức Ngài chưởng quản 36 tầng trời và 3 ngàn thế giới; dưới thì quản 4 châu và 72 quả địa cầu nên kinh văn có câu “*Thượng chưởng Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế Giới, Hạ Ốc Thập Thập Nhị Địa, Tứ Đại Bộ Châu*”.

Đức Ngài còn là vua của Nhựt, Nguyệt, Tinh và chủ của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Do đó, Đức Thượng Đế là Đấng Chí Tôn, Đấng Huyền Khung Cao Thượng Đế tá trần để ban phước, xá tội cho nhơn loại qua hình thức mở nền tôn giáo Cao Đài, kinh văn lại có câu “*Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng, tích phước hựu tội, Đại Thiên Tôn*”.

Về nguyên căn, theo giáo lý Cao Đài biểu tả rằng khi chưa có Trời Đất, trong vũ trụ duy chỉ có một khí chất hồng mông, mờ mờ mịt mịt, thanh đục lẫn lộn, lặng lẽ hư vô. Đức Thượng Đế cho biết khí ấy là Tiên Thiên Khí hay là Khí Hư Vô, không gian vô thi, vô chung gọi là Vô Cực. Theo thời gian vô định, Khí Hư Vô mới nở, liền khi ấy, ngươn Thần của Đức

Thượng Đế ngự trị tại ngôi Thái Cực. Đó là điểm linh quang của Đức Chí Tôn, hay đại hồn vũ trụ. Khí Hư Vô hóa sanh ra Thái Cực, là Đức Thượng Đế, nên Khí ấy gọi là bản nguyên của Trời, tức là Đạo.

“Thầy hỏi vậy chớ ai sanh ra các Đấng ấy? Khí-Hư-Vô sanh có một Thầy. Còn mấy Đấng Thầy kể đó, ai sanh? Ấy là Đạo. Các con nên biết.

Nếu không có Thầy thì không có chi trong Càn-Khôn Thế-Giới này; mà nếu không có Hư Vô chi khí thì không có Thầy” [TNHT, Q.1].

Có Khí Hư Vô mới có Đức Thượng Đế, Đức Ngài là tinh lực của Khí Hư Vô, là hình ảnh đi từ trong Khí Hư Vô mà vận chuyển, đảo độn và biến sanh. Nên, dòng vận hành biến thể sanh hóa ấy có thể xem Đức Thượng Đế là chân lý, là ánh sáng, là nguyên nhân của vạn vật, tức là Đạo. Đạo thì hư vô chi khí, nhiệm mầu vô biên, cao siêu không cùng tận. Nhờ Đạo mà có muôn loài, có Phật, Tiên, Thánh, Thần và đều thọ bẩm một Khí Hư Vô để có thể sanh hóa mãi mãi.

▪ ***Tạo dựng càn khôn vũ trụ.***

Nền Nho Giáo đã tin có Trời và tin rằng Đấng sinh ra vũ trụ và vạn vật chính là Đức Thượng Đế. Đạo Trời vô hình nhưng có thể “cách vật trí tri” qua những hình ảnh hữu hình nhờ vào sự vận chuyển và đảo độn. Đạo vốn thâm viển, bao la, mênh mông nhưng luôn tác động đến toàn thể vạn vật để xây dựng

một trật tự tiên hóa theo Thiên Lý. Thầy Tuân Tử nói rằng:

“Vạn vật các đắc kỳ hòa dĩ sinh, các đắc kỳ dưỡng dĩ thành, bất kiến kỳ sự nhi kiến kỳ công, phù thị chi vị Thần. Giai tri kỳ sở dĩ thành, mạc tri kỳ vô hình, phù thị chi vị Thiên”.

Nghĩa là “muôn vật đều được cái động lực huyền diệu của Trời, nó nuôi nâng mà trưởng thành. Việc làm của cái động lực huyền diệu ấy không thể thấy được nhưng công hiệu của cái động lực huyền ấy thì rõ ràng. Cái động lực huyền ấy gọi là Thần. Thành hình rồi thì ai cũng biết, còn vô hình thì không ai biết đặng, thế gọi là Trời”.

“Thầy phân Thái-Cực ra Lưỡng-Nghi, Lưỡng-Nghi phân ra Tứ-Tượng, Tứ-Tượng biến Bát-Quái, Bát-quái biến-hóa vô cùng, mới lập ra Càn-Khôn Thế-Giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: vật-chất, thảo-mộc, côn-trùng, thú-cầm, gọi là chúng-sanh” [TNHT, Q.2].

Thầy Tuân Tử đã xác nhận do Trời phú ban cái động lực huyền diệu cho vạn hữu, cũng nhờ Trời mới tạo ra những bào ảnh chúng ta thấy biết. Những cái chưa thấy biết không có nghĩa là không thuộc Trời. Thánh Giáo của Đức Chí Tôn lại cho chúng ta biết đầu xuyên sơn, hải hà, mọi vật chất sinh linh đều từ nguồn gốc của Đức Ngài. Thánh Giáo Đức Chí Tôn

lại cho biết, Đức Ngài sanh ra Phật, Tiên, Thánh, Thần:

“Bởi vậy, một chơn thần Thầy mà sanh hóa thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả Nhơn loại trong càn khôn thế giới. Nên chi, các con là Thầy, Thầy là các con... Khai Thiên Địa vốn Thầy, sanh Tiên, Phật cũng Thầy. Thầy đã nói một chơn thần mà biến ra càn khôn thế giới và cả Nhơn loại. Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy. Các con là chư Phật, chư Phật là các con. Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật”.

Từ một Chơn Thần, Đấng Chí Tôn phân lập tạo dựng Trời Đất, hóa sanh Thần, Thánh, Tiên, Phật. Vần vắn các Đấng Thiêng Liêng nơi cõi hư linh từ cơ thể tạo đoan của Đức Chí Tôn. Đức Ngài lại sanh ra chúng sanh. Chúng sanh tu hành đoạt quả vị trở thành các Đấng Thiêng Liêng. Đức Chí Tôn hằng nói *“Thầy là các con, các con là Thầy”* nghĩa là mọi thể dầu hằng hữu, dầu bất biến đều từ cái **Một** biến sanh. Cho nên, quyền năng tạo lập càn khôn vũ trụ và điều khiển do chính mình Đấng Chí Tôn.

Đức Hộ Pháp thuyết minh rằng Đức Chí Tôn có năng lực như chúng ta bây giờ, đó là cái phần vô đối, vô cực, vô thượng, vô cùng tận của Đức Chí Tôn là “Dương năng” để tạo lập ra Bát Phẩm Chơn Hồn và định số vận linh. Bát Phẩm Chơn Hồn là vật chất hồn, thảo mộc hồn, thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn,

Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn. Còn cái “Âm năng” của Đức Chí Tôn mới được Đức Ngài hóa chuyển ra Đức Phật Mẫu. Nên dấu tinh thần hay hình thể của vạn linh biến xuất ra sao, đều do quyền vi chủ của Đấng Chí Tôn định đoạt.

▪ ***Đức Chí Tôn là chơn lý tuyệt đối.***

Đức Thượng Đế biến sanh từ Khí Hư Vô và chỉ duy nhất Đức Ngài, nên Ngài phân tánh, tạo lập càn khôn vũ trụ nên Đức Ngài là chơn lý tuyệt đối, hằng hữu, bất sanh, bất tử, vô thi, vô chung, bất biến, toàn tri, toàn năng, toàn thiện, toàn mỹ. Vì những đặc tính tối cao, không có cái gì cao hơn nữa và là thể tính của bản thể vũ trụ nên Đạo gọi là Thượng Đế, nên kinh văn Cao Đài có câu “*Vạn loại thiện ác tất kiến*”, nghĩa là điều lành điều Ngài đều biết rõ. Đức Ngài có thể làm tất cả, biết tất cả nên được mới có thể toàn tri, toàn năng.

Kinh Thư của Nho Giáo có câu “*Thiên vô sở bất văn, vô sở bất kiến*”, nghĩa là không có điều chi mà Trời không nghe không thấy được. Nhờ những đặc tánh vô cùng nên trên nên Đức Thượng Đế có thể tạo lập, hóa sanh, nuôi dưỡng muôn loài theo Thiên Ý của Đức Ngài, trong một định luật và khuôn luật thiên nhiên.

Toàn tri là biết vạn vật có sự thiện ác. Toàn năng là đều dữ và đều lành, cho đến cực thiện và cực ác, cực thanh và cực trọc. Chính vì thanh trọc cùng

một lúc nên mới gọi là toàn tri và toàn năng và trở nên Đấng Đại Bi của muôn loài. Nhờ đặc tính cực thiện và cực ác ấy mới thút giục vạn vật luôn luôn không ngừng tiến hóa cho đến hòa vào cái toàn mỹ và toàn thiện của Đức Thượng Đế.

Thế nên, Đấng Chí Tôn là chân lý hằng hữu tuyệt đối, bao hàm mọi góc độ, thanh trực lẫn lộn, Phật-Ma cùng một lúc, là ánh Đạo để định khuôn luật tấn hóa cho vạn linh.

▪ ***Đấng Chí Tôn là Đức Đại Từ Phụ.***

Đại Từ Phụ nghĩa là “Người Cha Hiền Từ Vĩ Đại”, một danh xưng trong đạo Cao Đài. Thực vậy, Đức Thượng Đế Chí Tôn là chân lý, tạo dựng ra càn khôn vạn vật, Ngài là Đại Hồn hay Đại Linh Quang của vũ trụ nên mỗi hữu thể đều mang một “chơn thân” của Ngài, nên gọi là Tiểu Hồn hay Tiểu Linh Quang. Nên Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế là Đức Đại Từ Phụ của vạn linh.

Cả cơ động tịnh vô vi hay hữu hình đều tiến hóa theo luật định và vận chuyển theo trật tự Bát Hồn, để đến khi có thể hòa hợp cùng Đại Thể của Ngài, thủ cơ, công viên quả mãn, hồi quang phản chiếu, đoạt vị phẩm Thiêng Liêng để “hàng sống” với Đại Ngã. Nên mọi vạn hữu đều là con cái của Đấng Chí Tôn. Hơn thế nữa, Phật, Tiên, Thánh, Thần đều là do Đức Ngài sanh tạo, nên Đức Ngài là Đại Từ Phụ của muôn loài. Thánh Giáo Đức Thượng Đế cho biết:

“Các con ôi! Thầy lấy đức háo sanh mà dìu dắt các con, chẳng khác nào như kẻ làm cha nưng niu dạy dỗ một trẻ bé trông cho mau trưởng thành, hầu lưu danh truyền nghiệp cho có tên tuổi với đời”.

Đức Đại Từ Phụ của vạn linh là nguồn cội sanh ra chúng ta, nên cái đức háo sanh và tình thương yêu đối với con cái của Ngài không bờ bến, trông cho con cái nên nghiệp Đạo, biết lánh giả, tầm chơn, biết khách trần và quán trọ là giả cảnh, chỉ mượn phương tiện hầu làm những bài học khổ đau để trau tria hạnh đức, mượn áo nâu sòng mà tu thân, định trí để có thể hồi nguyên quê xưa cảnh cũ.

▪ **Tôn hiệu trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.**

Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế mở một nền tôn giáo gọi là đạo Cao Đài, Đức Ngài đến và xưng tôn hiệu là “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”. Vào đúng ngày Noel năm 1925, Đức Ngài giáng cơ xưng “Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát giáo đạo Nam Phương”. Rồi Đức Ngài cho bài thi:

“Muôn kiếp có **Ta** nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân **Thiên**.
Đạo mầu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên”.

Đối với tôn hiệu của Đức Ngài, chúng ta phải đặt chữ “**Nam Mô**” phía trước. Hai chữ này xuất phát

từ tiếng Phạn Ngữ, và dịch ra là Nam Mô, có nghĩa là kính lễ, luôn được dùng trước các danh hiệu Chư Phật, Bồ Tát...

“**Cao Đài**”, chúng ta chưa thấy Đức Chí Tôn giải thích về ý nghĩa và duy chỉ Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có nói đại ý là Đài Cao nơi Đức Chí Tôn ngự. Ngoài ra, trong các tiên tri về sự xuất hiện của nền tôn giáo, luôn thấy hai chữ “Cao Đài” như báo trước về tên của nền tôn giáo hay chính là Đức Cao Đài Ngọc Hoàng Thượng Đế. Quyền Áu Học Quỳnh Lâm của Nho Giáo có viết “*Đầu thượng viết Cao Đài*”, nghĩa là “trên hết là Cao Đài”, phải chăng ám chỉ Đấng Chủ Tể Càn Khôn, chính là Đức Chí Tôn? Tại đàn cơ ở tỉnh Cần Thơ giáng ban năm 1927, Đức Chí Tôn có cho một bài thi:

*“Linh Tiêu nhưt tháp thị Cao Đài,
Đại hội quần Tiên thử ngọc giai.
Vạn trượng hào quang từng thử xuất,
Cổ danh bửu cảnh Lạc Thiên Thai”.*

Đại để diễn nghĩa như sau “Nơi Linh Tiêu Điện có một tháp gọi là Cao Đài nơi Đức Chí Tôn ngự. Chư Tiên thường mở đại hội trước bệ ngọc ấy. Nơi đó hào quang muôn trượng chiếu tỏa ra. Tên khi xưa của báu cảnh này gọi là Lạc Thiên Thai”.

Nên hai chữ “Cao Đài” có thể hiểu theo nghĩa ám chỉ Đấng chủ quyền tối cao, cao cả trên cả các Đấng, Thần, Thánh, Tiên, Phật, tức là chỉ Đức

Thượng Đế. Nói cách khác, hai chữ ấy biểu thị Đấng Chí Tôn, một cách tá danh, chúng ta nên hiểu không phải là tôn hiệu đầy đủ.

“**Tiên Ông**”, nghĩa là một phẩm vị Tiên. Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế tá trần gian để khai đạo. Ban sơ, “làm bạn” qua thi bút cùng tam vị Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh để un đúc, dẫn dắt, thực hiện thiên mạng mở nền Đại Đạo. Cho nên, Đức Chí Tôn hạ mình, khiêm nhường “bầu bạn” sơ giao, chỉ dạy và xưng là Tiên Ông. Điều đó sau khi Đạo chính thức hình thành, Đức Chí Tôn có nhắc về sự khiêm nhường.

*“Các con coi bậc Chí-Tôn như Thầy mà hạ mình độ rồi nhơn sanh là thế nào, phải xưng là một vị **Tiên-Ông** và **Bồ-Tát**, hai phẩm chót của Tiên, Phật. Đáng lẽ thế thường phải để mình vào phẩm tối cao tối trọng; còn Thầy thì khiêm nhường là thế nào? Vì vậy mà nhiều kẻ Môn-đệ cho Thầy là nhỏ. Cười...”* [TNHT, Q.1].

“**Đại Bồ Tát**” là vị Bồ Tát lớn. Chữ Bồ Tát có nguồn gốc từ tiếng Phạn là Bodhisattva, nghĩa là bậc đã giác ngộ, đắc quả Bồ Đề nhưng vẫn chưa nhập Niết Bàn mà luôn luôn đi khắp cõi ta bà để thực hiện sứ mạng giáo độ chúng sanh.

“**Ma Ha Tát**” cũng từ Phạn Ngữ, nghĩa là bậc chúng sinh có lòng quảng đại, luôn luôn thương xót nhân loại. Đấng Đại Bồ Tát Ma Ha Tát là vị đã chúng

ngộ đạo pháp nhưng vì lòng bác ái mà tình nguyện không nhập Niết Bàn, lo cứu khổ sanh chúng, dẫn dắt chúng sanh vào con đường đạo, quy hồi chốn cũ, đến khi hết khổ mới ngồi địa vị Phật.

Tôn hiệu của Đấng Chí tôn đã biểu tả khiêm nhượng của Đức Thượng Đế, tự mình đưa vào địa vị thấp, tức là một vị Tiên Ông, một vị Bồ Tát. Hạnh khiêm cung của Đức Thượng Đế để làm gương cho con cái Ngài học hỏi.

Thứ hai, tôn hiệu ấy lại thể hiện sự dung hợp Tam Giáo theo tôn chỉ của Đại Đạo. “Cao Đài” tượng trưng cho Nho Giáo, “Tiên Ông” tượng cho Lão Giáo hay Tiên Giáo, “Đại Bồ Tát” tượng trưng cho Phật Giáo. Ngoài ra, tôn xưng của Đấng Chí Tôn gồm 12 chữ mà số 12 là số riêng đặc biệt, quyền bính của Đức Thượng Đế mà con người chúng ta không thể thấu đáo cái bí nhiệm khi Đức Chí Tôn chưa cho biết.

Ngoài ra trong đạo Cao Đài, Đức Ngài còn có danh hiệu “Nam Mô Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn”.

“**Huyền Khung**”, chữ huyền nghĩa là màu đen, chữ khung nghĩa là vòm trời. Sách Áu Học Quỳnh Lâm của Nho Gia có viết “*Huyền khung bỉ thương tắc xưng Thượng Đế*”. Tạm diễn nghĩa là “Huyền Khung là màu trời xanh kia được xưng là Thượng Đế”. Do đó, hai chữ “Huyền Khung” là danh từ chỉ Đấng Tạo Doan, là Đức Thượng Đế.

“Một kiếp đời dào trường khổ hạnh,
Ngàn năm nương nấu cửa Huyền Khung”.

[Đức Nhân Âm Đạo Trưởng giảng cơ].

“**Cao Thượng Đế**”, “cao” nghĩa là trên cao. “Thượng Đế” là vị vua trên cùng, là danh hiệu của Đức Ngọc Hoàng, chúa cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật và muôn loài, ngự cõi Trời. Tùy tín ngưỡng của tôn giáo mà Đức Ngài có danh hiệu khác nhau. Đạo Giáo gọi là Nguyên Thủy Thiên Tôn. Do Thái Giáo gọi là Đấng Giê-Hô-Va tức là Đấng Tự Hữu. Hồi Giáo gọi là Đấng Allah. Thiên Chúa Giáo gọi là Đức Chúa Trời hay Đức Thiên Chúa. Tất cả danh hiệu cùng chỉ Đức Chí Tôn, Đấng chủ tể của Trời-Đất, là Đấng sáng thế vũ trụ càn khôn. Đạo Cao Đài gọi là Đấng Cao Đài hay Thái Cực Thánh Hoàng, Đức Chí Linh hoặc Đức Chí Tôn.

Ngày 15 tháng 02 năm Tân Mùi, năm 1931, Bà Lục Nương Diêu Trì Cung giảng cơ cho thi, cũng nêu danh Đức Chí Tôn là Huyền Khung Thượng Đế:

“Đại Đạo mở Trời đông cứu thế,
Nắm tay nhau đoàn thể dắt dìu.
Tây đoài ác xé chín chiều,
Rừng hoang lạc bước ắt nhiều thú hung.
Nhìn Thiên Nhã **Huyền Khung Thượng Đế**,
Mặc đạo y dụng kế độ đời.
Tam kỳ tự chủ là Trời,

Diệu huyền giáng bút để lời dạy khuyên”.

“**Ngọc Hoàng**”, “ngọc” chỉ một loại đá quý làm trang sức có giá trị. “Hoàng” nghĩa là vua. Tụ xa xưa, người Phương Đông đã tin tưởng và tôn thờ vị Vua Trời ngự tại Kinh Bạch Ngọc, tức là một kinh đô bằng ngọc trắng, được gọi là Ngọc Hoàng. Đạo Cao Đài đã làm sáng tỏ danh xưng Ngọc Hoàng chính là Đức Chí Tôn ngự tại Bạch Ngọc Kinh.

“**Đại Thiên Tôn**”, “Thiên Tôn” là phẩm vị do Đức Thượng Đế phong phẩm, một phẩm cao trọng nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. Còn Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế là ngươn linh của Vô Cực nên gọi là “Đại Thiên Tôn”, là Đấng đã sinh hóa ra Trời Đất, vạn vật và trường dưỡng, điều hành muôn loài, chủ cả ngôi Phật, Pháp, Tăng.

Tóm lược, tín ngưỡng đông tây kim cổ tán dương công trình sáng tạo vũ trụ của Đức Thượng Đế với nhiều tôn hiệu khác nhau. Đến khi đạo Cao Đài ra đời, Đức Thượng Đế có danh xưng khác như Đức Chí Tôn, Huỳnh Kim Khuyết Nội Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn, Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát hay Đức Chí Linh hoặc Đại Từ Phụ hay Đại Từ Bi. Dẫu với danh hiệu nào, cách gọi khác nhau nhưng cũng đều chỉ Đấng Tạo Hóa, chúa của Thần, Thánh, Tiên, Phật và muôn loài.

7. Đức Cao Đài lập nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

A/ Nguyên do có Đạo Cao Đài.

Thứ nhất, cơ Trời vận chuyển, hầu mãn hạ ngưng của Tam Chuyển, sắp chuyển qua thượng ngưng Tứ Chuyển.

“Đạo Cao-Đài tức là Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ Độ khai sáng vào thời-kỳ này là do Thiên-cơ tiên định và cũng hợp với lời tiên-tri của các Đấng Giáo-Chủ đã khai mở các Đạo-giáo trên thế-giới.

“Theo Phật-giáo, Lão-giáo và Không-giáo thì đều dạy rằng: thời-kỳ này là thời-kỳ Hạ ngưng khiến đời tận diệt để chuyển xây trở lại Thượng-ngưng Thánh-đức với một kỷ-nguyên mới. Đặc biệt Đức Thích-Ca Mâu-Ni khi lập giáo có cho biết đến năm 2.500 kỷ-nguyên Phật-giáo, là thời-kỳ để cho Đức Di-Lạc ra đời mở Hội-Long-Hoa lập một kỷ-nguyên mới đó vậy” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Thứ hai, Ngọc Hư Cung bác luật, Lôi Âm Tự phá cỗ. Cỗ luật không còn phù hợp với văn hóa và tinh thần nhơn loại ngày nay, đòi hỏi phải có một giáo pháp mới, tân luật mới đáp ứng mọi tính chất thay đổi theo phong hóa ngày nay của nhơn loại.

Thứ ba, chánh pháp các nền tôn giáo đã lưu truyền qua nhiều năm nhưng thất pháp, bí pháp chân truyền làm sai lạc đường lối theo các Đấng Giáo Chủ

khai lập. Nào đồng bóng, nào thầy tu mượn cửa nầu sòng đê trực lợi riêng, tụng kinh mượn ăn tiền, tạo công đức cho người chết để đưa họ về Cực Lạc cảnh, tạo nhiều hình tướng rườm rà sai biệt hoàn toàn với chánh pháp nguyên thủy.

Thứ tư, nhân loại nương theo hình tướng, chống phá, tương tranh coi đạo này cao, xem đạo khác thấp, tạo nên trường ngôn luận thị phi mà không chú tâm vào con đường tu tâm dưỡng tánh.

Thứ năm, kinh thi cho biết rằng “*Di Lạc thất ức niên hoàng khai Đại Đạo, Thích Ca nhị thập ngũ thế chung lập thiên môn*”. Nguyên nhân chính yếu đạo thiên của Phật Tông đã thất kỳ truyền, hết nhiệm kỳ độ rồi trong 2.500 năm. Ngày nay, đến thời kỳ của Đức Di Lạc Vương Phật giáng lâm làm chương giáo trong bảy trăm ngàn năm.

“Những cơ-quan và những hành-vi hiện-tượng của các Tôn-giáo đương-nhiên ngày nay như dường biến thành cố-vật, nên đã mất cái hay để giúp đời tư-trị, tư giác, tâm hồn thiếu nơi an-ùi, tư-tưởng mất pháp chuẩn thẳng, trí thức không phù hành-động, biểu sao đời không trở nên một trường não-nhiệt, rắc rối, khó-khăn, rồi giục cho cả nhơn sanh dong ruổi trên con đường duy-vật mà quên hẳn cái quyền vi-chủ của trí-thức tinh-thần.

“Ôi, thử nghĩ cái ngày nào trí-thức tinh-thần đã tiêu tụy, thì cái lương-tri, lương-năng cũng do đấy

mà tiêu-tàn, thì con người đứng giữa cõi trần-hoàn này phải trở nên bao nã? [Đức Hộ Pháp].

Thứ sáu, lộn vắn minh khoa học tiên tiến đã cuốn con người vào vật chất, quên giá trị tinh thần tâm linh, càng xa nguồn cội thánh chất thiêng liêng, mãi mê vào hình dục, gây bao nhiêu tội tình. Nên nhân loại phải chịu luật nhân quả báo ứng, cơ sàn lọc phân vàng thau theo luật Thiên Triều. Ngài Thần Hoàng Mỹ Lộc giáng cơ cho hay:

“Từ thuở Ta vưng chiếu chỉ đến trần nhậm nơi đây, Ta một tấm lòng lo cho lê thứ đặng an cư lạc nghiệp, thanh vượng mùa màng; mỗi mỗi đều hằng lo lắng cho chúng sanh nơi phân trách nhiệm. Nay có lệnh Ngọc Hoàng chiếu chỉ cho phép Ta giáng cơ mầu nhiệm mà tỏ nền Đạo là quý trọng cho lê thứ hiểu. Lê thứ đâu rõ thấu việc Trời đã định hơn mấy chục ngàn năm nay. Lê thứ nghe: Kỳ Hạ Nguơn hầu mẫn nhơn vật vì tai nạn mà phải tiêu tan, mười phần còn lại có một mà thôi. Than ôi! Buồn thôi! Nghĩ vì Thiên cơ đã định vậy, thế nào mà cải cho đặng, duy có mở tấm lòng từ thiện ăn năn sám hối, lo việc tu hành; đồng với nhau cả quốc dân mà quì lạy khẩn cầu coi Trời đoái tưởng đến chăng? Bởi thế nên Ngọc Đế và chư Phật, chư Tiên, chư Thánh mới lập hội Tam Kỳ Phổ Độ đặng có cứu vớt chúng sanh, đương linh đình nơi biển khổ. Nếu gặp thuyền Bát Nhã mà không xuống, không theo thì chắc thế nào cũng chơi voi mé biển”.

Thứ bảy, nhơn loại đến kỳ phải gặp cơ khảo thí đại nạn, tức là ách tai theo cân công lý thiên điều. Đức Chí Tôn giáng cơ cho hay:

*“Thầy, các con. Trung, con ôi! Thầy không biết còn lời gì mà nói với con nữa. Cái **đại nạn** của các em con tránh đờ không khỏi rồi, thì cũng là tại con đó chút, chẳng biết gìn giữ lấy em nên ra đến đờ. Đại lụy!”*

Đức Lý Giáo Tông vô vi cho hay:

“Hỉ chư Đạo-Hữu, chư Đạo-Muội, chư chúng sanh, hảo hội hiệp. Thảm cho nhơn loại! Khổ cho nhơn loại! Đờ quá dữ, tội tình ấy, hình phạt kia cũng đáng đó chút. Lã vì thương yêu nhơn sanh hội 10 ngày nơi Bạch Ngọc Kinh cải cho qua nạn nhơn loại, nhưng luật Thiên Đờ chẳng dễ chi sửa đặng. Nạn tiêu diệt hầu gần, hết chém giết lẫn nhau, đến buổi bịnh chướng sát hại. Lã thấy hình phạt phải châu mày, nhưng ôm lòng rán chịu, lạy lục khẩn cầu; chư Đạo Hữu đâu rõ thấu, ngo ngo ngáo ngáo như trẻ không hồn, thấy càng thảm thiết. Lã tưởng chẳng cần nói chi một nước nhỏ nhen đã đặng danh Thánh-Địa là nước Nam này, mà Lã xin không đặng tội cho Thành Sài Gòn, Chợ-Lớn, Gia Định, Huế, Hải Phòng, Hà Nội... Thảm! Thảm! Thảm!” [TNHT].

Thứ tám, do nơi đức háo sanh và lòng đại từ đại bi của Đức Chí Tôn muốn ân xá, cứu rỗi. Nên Đức

Ngài lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, hầu phổ độ con cái Ngài trong cơ sàn lợc.

B. Đặc điểm của Đạo Cao Đài.

▪ ***Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi phục Nhứt.***

Đạo vốn là chân lý hằng hữu, vĩnh sanh bất hoại, là con đường để đưa dẫn các bậc Nguyên Nhân quy hồi cựu vị, giúp chúng sanh giựt tẩn nương theo để trở về tự tánh Thượng Đế. Các đấng Giáo Chủ theo mạng lệnh của Đấng Chí Tôn, thị hiện qua những phương cách gần gũi nhất để hóa độ nhơn sanh. Phương sách giáo độ hàm chứa những pháp môn, nghĩa là Đạo vô vi phải biến tướng thành lý hữu vi mà lập thành tổ chức các Giáo Hội, có nhiều mức khác nhau tùy trình độ của sanh chúng.

Thực vậy, tất cả các pháp môn và truyền bá của các tổ chức sinh hoạt tôn giáo mang tính chất hữu tướng nhưng đều hàm lẽ chơn thường của Đạo để môn đồ có thể nhận ra lẽ hư-thật, từng khuôn hữu hình để ngộ vô vi. Như thế, trong cái giả có cái chơn, trong cái chơn chứa cái giả. Người sáng ngộ thì mượn cái giả để tầm chơn, người vô minh thì lấy chơn thay giả, có khi ngộ cái giả mà tưởng cái chơn. Cho nên, nội lý tôn giáo vốn là giáo pháp của Thiên Triều do các Đấng có sứ mạng hành pháp, lập Đạo để dìu dắt chúng sanh tiệm tiến trở về con đường thiện lương, quy hồi chốn cũ quê xưa.

Vòng tấn hóa của luật thiên theo chu kỳ tuần hoàn như xuân, hạ, thu, đông bốn mùa luân chuyển. Thời thánh đức thượng ngươn, con người vẫn giữ được thánh chất thuần lương, luôn luôn tùng khuôn luật thiên lý mà sống, trau dồi hạnh đức, thương yêu, quý trọng nhau từng đề gìn giữ nếp sống trong thời thái bình thanh trị. Tuy nhiên sống giữa bụi thế, con người dần dần nhiễm luyện sa vào đam mê dục vọng, sa vào những tội lỗi vô minh, bỏ đi đạo thiên lý. Tánh háo sanh và thương yêu của Đấng Chí Tôn vô cùng tận, nên Đức Ngài mới cho Tam Giáo hạ trần độ rỗi chúng sanh.

Thời kỳ độ rỗi đầu tiên gọi là **Nhứt Kỳ Phổ Độ**. Thánh Đạo có Đức vua Phục Hy Thánh Đế giáng trần. Tiên Giáo có Đức Hồng Quân Lão Tổ thị hiện. Phật Giáo có Đức Nhiên Đăng giáo độ. Tam Giáo là ba con đường, ba pháp môn khác nhau nhưng chung quy đều dẫn dắt con người bỏ dữ về lành, cải tà quy chánh, nhập vào trường pháp môn tu học để hưởng cơ siêu rỗi của Đức Thượng Đế.

Vạn vật được sanh hóa và đi theo luật tấn hóa nên dòng thời gian xoay chuyển bước qua thời **Trung Ngươn** tranh đấu, tự diệt. Qua giai đoạn này, loài người trở nên mê mờ trong tội lỗi, hằng quên tự tánh, đánh mất nhơn tâm thiện lành, bị cuốn trong ảo ảnh sắc trần nên lăn trôi trong vòng sinh sinh-tử tử. Giáo pháp các vị Giáo Chủ Nhứt Kỳ Phổ Độ vẫn còn in đậm trong sách vở nhưng chẳng phương độ chúng. Do

vậy, Đức Chí Tôn mới cho Tam Giáo tiếp tục chấn hưng mà lập cơ phổ độ trong thời trung nguyên tức là **Nhị Kỳ Phổ Độ**. Thánh Giáo có Đức Khổng Tử, Tiên Đạo có Lão Tử, Phật Đạo có Đức Thích Ca để chấn hưng giáo pháp, tinh thức nhơn tâm, duy trì đạo đức, hướng đến đời sống cao thượng.

Tôn giáo vốn là giọt từ bi của Đức Chí Tôn rưới khắp nơi trần thế để gội rửa cho sanh linh bớt tội tình, là giọt nước ma ha để con người quay về tâm bồ đề.

Phật Giáo của Đức Thích Ca đến với chủ nghĩa **từ bi**, “tự tánh bình đẳng” giúp chúng sanh giác ngộ, hướng về bản thể Chơn Như Phật Tâm, vừa tránh nạn tự diệt mà còn mở con đường khai mở tâm thức tu chứng Phật Đạo, liễu ngộ chơn pháp. Phật Đạo chủ trương “**minh tâm kiến tánh**”.

Tiên Giáo của Đức Lão Tử gạt bỏ hữu hình, hòa đồng vào bản thể của Đạo, sống theo cái thiên lý tự nhiên, lấy **Đạo Đức** làm ngọn đuốc huệ quang cho con đường sống. Giáo pháp của Tiên Gia phải cao thượng, siêu xuất xa thế tình, tập dần trừ diệt các ái dục vô minh để hòa vào Đạo vô vi của Trời Đất, thiết lập một đời sống thung dung, tự tại thuận theo thiên lý vô vi, chủ trương “**tu tâm luyện tánh**”.

Nho Giáo tại Trung Hoa là Thánh Giáo ra đời cảnh tỉnh nhơn tâm, chủ trương “**tồn tâm dưỡng tánh**”. Vì ra đời trong hoàn cảnh đất nước phân loạn,

quan hệ xã hội loạn lạc, mất đi cái nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, nên Nho Giáo đến để lập lại các trật tự cương thường luân lý, phục chế lễ nhạc để có thể đem xã hội đến một vị thế lấy đạo Nhơn làm gốc rễ, lấy tinh thần mẫu mực sẵn sàng nhập thế để lấy đạo trị đời.

Thánh Giáo Kito khai mở để thấy ơn mặc khải của Đức Thượng Đế luôn ban rải tình thương cho chúng sanh. Đức Ngài cho con một là Đức Chúa Kito xuống thế lấy máu để **chuộc tội** cho loài người, tạo một sự giao thông giữa con người và Đức Thượng Đế với lòng tin vững mạnh nơi Đức Chúa Trời. Sự lâm phạm của Đức Chúa Kito, một Đấng Tam Thế Chí Tôn Christna đem con người nhận ra **tội nguyên tổ** và **tội truyền thừa** hầu con người có thể thọ ơn “tái tạo” của Đấng Thiên Chúa trước khi đến cơ phán xét cuối cùng của Đấng Thượng Đế.

Ngoài Tam Giáo Nhứt Kỳ Phổ Độ và Nhị Kỳ Phổ Độ thực hiện sự truyền bá chánh thống, có những vị Thánh Hiền, các bậc Hiền Triết cũng truyền giảng những học thuyết làm người, hướng đời sống con người về Nhơn Đạo, Thần Đạo, tựu chung gọi là Ngũ Chi. Các tôn giáo tùy theo thời gian, thực trạng loài người mà có những tôn chỉ, phương pháp thích ứng với những giai đoạn nhân loại phù hợp để làm con thuyền đưa sanh chúng qua bờ giác. Nên chi các tôn giáo có sự khác nhau về hình thức, dị biệt về ngoại dung.

Cổ nhân có câu “nhơn hư, đạo bất hư”, con người tự làm lệch chuyển giáo pháp chân truyền, đạo vẫn như nhiên mà thành. Đó là lẽ tất yếu và chính con người đã chấp tướng pháp mà tạo thành trường công kích, chia rẽ, dẫn đến tôn giáo mất đi tính thuần chơn như thờ đầu.

Thời đại ngày nay cần có một giáo pháp để làm thay đổi nhận định, chề sửa lòng tà vạy. Bởi thế, thời **hạ ngươn** hầu mãn, đánh dấu mốc lịch sử vận chuyển mới để trở về thượng ngươn, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế mới lâm phàm qua cơ bút, giảng lập một nền tôn giáo gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, với tôn chỉ quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi thành một mối duy nhất, tránh mọi sự dị biệt về hình thức, con người có thể khỏi hằn vết phân chia. Sự quy hợp ấy để biểu thị cho tinh thần “*Vạn giáo nhất lý*”, “*Tam Giáo đồng nguyên*”. Thánh Giáo Đức Chí Tôn giảng dạy:

“Tuỳ theo phong hoá của nhân loại mà gây Chánh-Giáo, là vì khi trước Càn-vô đặc khản, Khôn vô đặc duyệt, thì nhơn-loại duy có hành đạo nội tu phương mình mà thôi.

Còn nay thì nhơn-loại đã hiệp đồng. Càn-Khôn dĩ tận thức, thì lại bị phân nhiều đạo ấy mà nhơn-loại nghịch lẫn nhau: nên Thầy mới nhứt định quy nguyên phục nhứt. Lại nữa, trước Thầy lại giao Chánh- Giáo cho tay phàm, càng ngày lại càng xa Thánh-Giáo mà làm ra cuộc Phàm-Giáo. Thầy lấy làm đau đớn, hằng

thấy gần trót mười ngàn năm, nhân-loại phải sa vào nơi tội lỗi, mặt kiếp chốn A-Tỳ.

Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rồi các con, chẳng chịu giao Chánh Giáo cho tay phàm nữa. Nhưng mà buộc phải lập Chánh Thê, có lớn nhỏ đặng dễ thế cho các con dìu dắt lẫn nhau, anh trước em sau mà đến nơi Bồng Đảo” [TNHT, Q.1].

▪ **Tinh túy của Tam Giáo và triết lý tâm kỳ.**

“Vạn pháp quy tông” nghĩa là tất cả chủ thuyết tôn giáo đều cùng quy về bản cội. Thực hiện tôn chỉ “quy nguyên phục nhứt” nghĩa là thừa nhận mọi tôn giáo hiện hữu đều là phương pháp cứu cánh, đều tôn sùng Đấng Chúa Tể càn khôn vũ trụ đâu có sự khác biệt về nghi thức phụng thờ, danh xưng và tương pháp.

Đại Đạo có giáo lý riêng, nghi lễ riêng, cách thờ phượng riêng, có những nét bí nhiệm mới, có Tân Luật, có Pháp Chánh Truyền tạo thành cơ cấu chánh trị đạo mang nét đặc thù. Nhưng nếu thực hiện việc quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, tức nhiên các tinh ba quan trọng vẫn cốt lõi và dựa vào những điểm ấy, kết hợp với những quy luật mới để thi hành tôn chỉ cho triết lý tâm kỳ. Vì vậy, đạo Cao Đài thừa nhận những yếu lý cốt lõi của Tam Giáo và Ngũ Chi. Mặt khác, phải minh chính những học thuyết đã làm sai lệch so với Đạo Pháp.

▪ **Thực hiện cây cờ Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa-Đại Đồng.**

Tín ngưỡng và thực hành triết lý tân kỳ là thi hành cây cờ **Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa-Đại Đồng**. Biết trọng thi hài mình thì trọng mạng sống của tha nhân, người người thương yêu, tương trợ lẫn nhau như thể thương thân, chung vai đầu cột, biết câu “kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân”, bảo trợ lẫn nhau như tình huynh đệ, anh em một nhà, thương khó, tế nghèo, đau thì thuốc, chết thì hòm, đó là **Bảo Sanh**.

Sống đạo phải biết giữ chữ nhơn, sống thiệt phận, vẹn vẻ làm người, biết lễ, giữ nghĩa cho vuông đẹp, sống có tình, đối xử theo lẽ phải, nam phải giữ Tam Cang Ngũ Thường, nữ phải gìn Tam Tùng Tứ Đức và nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, ấy là **Nhân Nghĩa**.

Nếp sống Đại Đạo hướng con người đến đời sống **Đại Đồng**, nghĩa là mọi người đều thờ chung Đấng Cha Trời, tức là Đức Thượng Đế Chí Tôn. Mọi tương quan của con người là một sợi dây thiêng liêng, chung máu mủ, huyết thống, tức là nhân loại có chung một nguồn cội là Đấng Chí Tôn, thọ bẩm một điểm linh quang của Đức Ngài. Hễ thương yêu nhau thì xem như anh em một Cha. Vạn giáo mang ý nghĩa như Đức Chí Tôn từng minh giảng, đó như một cái nhà lớn, có cột lớn, cột nhỏ, kèo, ruội...Dẫu kể nhiều tên nhưng chung quy lại, đó là ngôi nhà có một Ông Chủ mà thôi. Nếu con người gìn giữ sự tôn nghiêm bác ái vô biên thì thế giới đại đồng không phải là viễn mộng.

▪ ***Tân Luật và Pháp Chánh Truyền.***

Tân Luật

Tân Luật là luật tu hành của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức là đạo Cao Đài, đã có sự sửa đổi và bổ sung so với cựu luật. Cựu luật vốn đã không còn bắt nhịp với thời kỳ văn minh trí thức tinh thần và do nơi Ngọc Hư Cung bác luật, Lôi Âm Tự phá cổ. Để đáp ứng dòng tiến hóa của nhơn loại, cần có một bộ luật mới để phù hợp với thời Tam Kỳ Phổ độ của Đức Chí Tôn. Song, những điều căn bản của cổ luật vẫn được duy trì.

“Thí dụ như có kẻ hỏi: Sao Thầy không dùng Cựu Luật trong Tam giáo đã có sẵn rồi, lại lập chi Tân Luật nữa, mà buộc nhơn sanh phải yếm cựu nghinh tân vậy?”

Ta lại đáp rằng: Chính Thầy đã giảng cơ nói: Ngọc Hư Cung bác luật, Lôi Âm Tự phá cổ; ấy vậy, Cựu Luật thì Ngọc Hư Cung đã biếm bác, còn Cổ pháp thì Lôi Âm Tự đã phá tiêu, vậy thì ngày nay, Cựu Luật và Cổ pháp chẳng còn ý vị chi hết.

Những bực tu hành mà tưởng làm phải từng Cựu Luật hay là Cổ pháp thì trái hẳn với Thiên điều của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thể Thiên hành chánh. Bởi có ấy nên Chí Tôn đã cảm Ngũ Chi phái Ngọc dùng Cổ luật mà mê hoặc nhơn sanh nữa.

Hễ từng Cựu Luật tức phải từng Thiên điều, mà hễ từng Thiên điều thì khó lập vị mình đặng” [Trích PCT chú giải].

Luật lệ mới tuy thay đổi và bổ sung nhưng Tân Luật gồm trọn Tam Giáo, nghĩa là ba cô luật thành một Tân Luật Đại Đạo. Hơn nữa chúng ta phải hiểu rằng trước khi bước qua thời kỳ lập Thượng Tứ Chuyển, Đức Chí Tôn đã cho con người ký Đệ Tam Hòa Ước, chính mình Đức Chí Tôn giáng phàm qua diệu huyền tiên cơ mà lập Đạo, mở một cơ đại ân xá, cho chúng sanh “tu nhứt kiếp, ngộ nhứt thời”, bao nhiêu quả duyên oan trái đều phải nhờ nghiệp để tẩn bộ, nương nơi giáo luật mới mà trở về với Đức Ngài, lẽ nào Tân Luật lại khắc khe và đau khổ hơn so với cựu luật. Đức Chí Tôn giáng cơ khẳng định rằng:

“Vì vậy mà Thầy phải phế hết Bạch Ngọc Kinh, Huỳnh Kim Khuyết, giáng trần độ rỗi các con, chớ chi Thầy đến mà làm cho giảm sự khổ não các con chẳng đặng nữa thì thôi, lẽ nào còn lập Tân Luật ràng buộc các con thêm nữa...”

Vì thế, Tân Luật để làm giảm khổ não cho con cái Người, độ rỗi sanh chúng khi các tôn giáo cổ kim đã thất sách, hết phương đưa con cái Người trở thoát biển sông mê. Đó chẳng phải là phương thức yểm cựu nghinh tân theo như thế phàm suy nghĩ.

Tân Luật gồm có Tịnh Thất Luật, Đạo Pháp Luật, Thế Luật do Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ lập ra, Đức Lý giáng sửa, Đức Hộ Pháp nhận và Đức Chí Tôn phê chuẩn. Do vậy, Tân Luật là bộ luật Thiên Điều của đạo Cao Đài. Nếu có chỉnh sửa cho phù hợp

với từng thời kỳ tiến hóa thì phải cầu quyền Bát Quái Đài định đoạt, phê chuẩn.

Khi Hội Thánh lập luật, cùng dâng lên Đức Lý xem xét, chỉnh đốn theo lời dạy của Đức Lý Giáo Tông, sau Đức Hộ Pháp than phiền thì Đức Chí Tôn đã giảng cơ cho hay trong:

“...mắc Tiên vị của Thái Bạch còn ở dưới Thích Ca, Không Tử và Lão Tử, bằng chẳng vậy thì Bộ Luật cũng đi ngang qua đầu các Đấng ấy nữa, vì nó là Thiên điều đó con”.

Đức Lý giảng:

“Cười... Cái giá trị của Tân Luật dường đó mà cả Hội Thánh coi rẻ rúng chẳng kể, làm cho Lão phải từ ngôi Giáo Tông đặng lấy Thiên điều khảo tội. Ôi thôi! Biết bao kẻ bị đọa lạc vào Phong đô vì đó”.

Bằng một dòng trải nghiệm thời khắc dâng bộ Tân Luật lên Đức Lý xem xét, Đức Chí Tôn phê chuẩn, chúng ta đã thấy được giá trị Tân Luật Đại Đạo đã nắm vai trò quan trọng như thế nào trong nền triết lý tân kỳ của Đức Chí Tôn. Đức Lý giảng dạy ba vị Chánh Phối Sư cầm luật phải đủ 06 bàn tay không cho hở dâng lên cho ba vị Đầu Sư. Ba vị Đầu Sư cũng làm y vậy dâng lên cho ba vị Chương Pháp. Ba vị Chương Pháp lại cũng y thế mà dâng lên cho Đức Lý. Luật ấy được dạy phải đưa qua đầu Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, Đức Khương Thái Công, Đức Chúa Jesus nữa. Người Cao Đài mỗi người sẽ cảm thấu giây

phút thiêng liêng về lời dạy của Đức Chí Tôn. Luật ấy lẽ ra phải dâng qua đầu Đức Thích Ca, Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử vì đó là Thiên Điều.

Bộ Luật được đề nơi đại điện cho Đức Lý xem xét, chỉnh sửa nội một ngày một đêm. Đức Lý cho biết Luật Thiên Điều mà nhiệm ấy còn thiếu sót lắm.

“Lão tâu cùng Đại Từ Đại Bi xin thêm vào Luật những điều bí mật yếu trọng. Ấy vậy, chư Hiền hữu cũng phải cầu khẩn với Lão, nội hạ tuần tháng này thì khởi nguyện, dặn các Thánh Thất, các Đạo hữu phải để lòng thành khẩn, hiệp sức làm một với Lão mà nài xin Thánh Luật, nghe à!” [Đức Lý giảng cơ].

Sự bại nhược vô minh của chúng sanh khinh thường giá trị của Thiên Điều Tân Luật làm Đức Lý khảo tội, đưa vào cõi phong đờ. Như vậy, bộ Tân Luật là Thiên Điều do Hội Thánh lập thành, chuyển qua Hiệp Thiên Đài phê chuẩn rồi dâng cho Đức Lý xem xét, xin Đức Chí Tôn đưa một số Thánh Luật vào cho trọn vẹn rồi mới phê chuẩn thành Thiên Điều.

Luật trọng thì toàn thể Thánh Thể của Đức Chí Tôn trọng. Bộ Luật lập thành để làm khuôn khổ cho nền Đạo cõi thế tạo đời, hợp nhơn trí, dìu dắt cả chúng sanh theo con đường bác ái và công bình.

Pháp Chánh Truyền

Đạo Cao Đài phải có Pháp Luật. Luật thì có Tân Luật, Pháp thì có Pháp Chánh truyền để kiện toàn

pháp chánh nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Pháp Chánh Truyền được Đức Chí Tôn giáng ban sau khi tổ chức lễ khai đạo tại chùa Gò Kén, để làm căn bản tổ chức Hội Thánh, điều hành nền Đại Đạo.

Pháp Chánh Truyền là bộ luật mang giá trị quan trọng vì Thiên Điều bất dịch, nên Đức Lý giáng cơ giao Đức Hộ Pháp trách nhiệm chú giải tường tận nghĩa lý cho rõ để ban hành. Pháp Chánh Truyền có Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài được Đức Chí Tôn ban hành ngày 12 tháng 01 năm Đinh Mão [1927], Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nam do Đức Chí Tôn giáng ban ngày 16 tháng 10 năm Bính Dần [1926]. Pháp Chánh Truyền Nữ Phái được Đức Lý giáng ban vào ngày 09 tháng 01 năm Đinh Mão [1927].

Buổi đầu, Đức Chí Tôn muốn phé Pháp Chánh Truyền Nữ Phái nhưng con cũng đồng con, bao nhiêu nam thì cũng bấy nhiêu nữ. Nhưng Đức Ngài lại giao cho Đức Lý lập Pháp Chánh Truyền Nữ Phái. Do vậy, nữ phái chỉ đến phẩm Đầu Su là tối vị.

Về Pháp Chánh, Đức Chí Tôn giáng dạy:

“Thầy tưởng chẳng cần nói, nếu ai là đạo đức, đọc đến cách lập pháp của Thầy mà chẳng mừng giùm cho nơn loại” [TNHT].

Sơ luận, cách lập Tân Luật đã trải qua các giai đoạn được hình thành từ Hội Thánh Đại Đạo, xem xét, chỉnh sửa, rồi dâng lên Đức Lý thay đổi, bổ túc, cầu

nơi Đức Chí Tôn ban thêm Thánh Luật nơi đó và Đức Chí Tôn phê chuẩn rồi cho thi hành. Hiên nhiên, Tân Luật đã trở thành Thiên Điều. Nếu ngày kia trong phương truyền giáo và biến hóa của nhơn sanh mà hà khắc làm cho sự phổ độ khó khăn đối với phong hóa nhơn loại, Tân Luật có thể xin Bát Quái Đài chế giảm, thay đổi tùy theo tính chất thời gian và phong hóa biến đổi.

Đối với Pháp Chánh Truyền, đây là nền tảng Thiên Luật do Đức Chí Tôn và Đức Lý lập ra hầu làm căn bản quy chuẩn để lập Đại Đạo, tổ chức và điều hành mỗi chơn truyền của Đức Thượng Đế lưu truyền đến thất ức niên. Đại Đạo vẫn có Luật Pháp Chơn Truyền để đưa người đi trong khuôn phép, bảo tồn trật tự và điều hòa, là phép định những quy tắc cho môn sinh. Cựu Luật hình thành trong Tam Giáo xưa. Ngày nay mở Đại Đạo, Đức Chí Tôn đã cho con người lập Tân Luật để áp dụng bộ quy tắc mới trong đường lối tu hành ân xá của Đức Chí Tôn.

Đức Chí Tôn là Đấng đại bi, đại ái chẳng muốn hành phạt một ai vì tất cả đều là con cái của Ngài. Những luật định của Tam Giáo cổ xưa cũng do hội chư Thần, Thánh, Tiên, Phật lập luật rồi dâng lên cho Đức Chí Tôn chuẩn phê. Ngày nay, Tân Luật ra đời cũng do Hội Thánh lập Tân Luật rồi dâng lên cho Đức Lý xem xét, xin Đức Chí Tôn một số yếu luật bí nhiệm rồi Đức Chí Tôn phê chuẩn y hành. Nên Tân Luật của Đại Đạo vốn là Thiên Điều, người phạm thể

không chỉ cải sửa đặng. Vì ý nghĩa của Tam Kỳ Phổ Độ, nên Đức Chí Tôn cho phép lập Tân Luật cho nhơn sanh tu hành. Do vậy, Tân Luật sẽ một đặc ân rất to lớn cho nhơn sanh thời nay:

Một, Cổ Luật **buộc** con người phải tu hành và nâng phẩm hạnh mình với địa vị thiêng liêng là Thần, Thánh, Tiên, Phật. Còn đối với Đại Đạo, Đức Chí Tôn hạ mình xuống cùng nhơn sanh để dắt dìu chúng sanh lên địa vị thiêng liêng, **mở** con đường cho nhơn sanh dễ bề thoát hóa. Luật buộc thì luôn khó, luật mở thì nói lỏng.

Hai, luật công bình của Tạo Hóa lập ra để tô điểm địa vị người xứng đáng phẩm thiêng liêng, lại vừa chế răn những người phạm luật. Nay cơ ân xá mở ra, Tân Luật định các hình phạt cho chư Chức Sắc dĩ chí xuống tìn đồ để cho con cái Đức Chí Tôn chịu hình luật hữu hình, tức là trị theo Tân Luật, không bị Thiên Điều trừng trị. Đây là đặc ân của Đức Đại Từ Bi ban cho nhơn sanh hầu gìn giữ phẩm vị thiêng liêng của con cái Người.

- ***Đại Đạo thể hiện sự ân xá, cứu rỗi của Đức Đại Từ Phụ.***

Biết bao nhiêu các Đấng Thiêng Liêng tình nguyện lâm phạm lập giáo, khuyên nhủ, giáo dạy, lập con đường cứu khổ cho chúng sanh giác ngộ, thoát sông mê biển khổ. Nhưng Cửu Nhị Úc Nguyên Nhân còn bị đọa lạc chốn hồng trần không phương trở về

cựu vị. Đức Chí Tôn quyết chính mình Ngài lập giáo, cứu độ các bậc Nguyên Nhân và siêu rỗi Hóa Nhân.

“Ngài tìm phương pháp để tận độ chúng sanh, cơ tận độ ấy chưa thành tựu, họ còn bị kẹt vào vòng tội lỗi tại thế này cửu nhị ức nguyên nhân, Ngài đến gom về hết trong thời kỳ ân xá thứ ba này...” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2 bài 38].

Cơ tận diệt hậu kè, Đức Chí Tôn phải dùng đến cơ tận độ cho con cái của Người bớt đau khổ. Đức Ngài lại lập một Thánh Thể, rồi phó thác một sứ mạng thiêng liêng thay Ngài dẫn dắt, khuyên dạy chúng sanh nương ngọn phước chiêu hồn để bảo tồn con cái của Ngài. Lập cơ quan cứu khổ là nền Đại Đạo Tam Kỳ của Đức Chí Tôn để:

“Khai cơ tận độ, cửu tuyên diệt vong” [Kinh Thiên Thể Đạo].

Kể từ Đức Thượng Đế gỡ cơ xung A, Ǻ, Ǻ, Đức Ngài đã xuống thế qua huyền diệu tiên bút để khai mở cơ tận độ cho toàn chúng sanh, lập Tân Luật và Pháp Chánh Truyền Thiên phong cho chúng sanh. Ấy là phương mầu nhiệm và ân huệ thiêng liêng, một giọt cam lồ rưới toàn thể quả địa cầu này vậy.

Chúng ta tin vào những tín lý trên nhưng phải hiểu đúng ý nghĩa của nó một cách chính xác. Đức Chí Tôn vì lòng thương xót, lập cơ ân xá và tận độ, đóng cửu tuyên không có nghĩa là Đức Ngài bằng ẵm con cái của Người về nước hằng sống. Đức Ngài đến

để giáo hóa, độ rỗi, lập giáo, cho “tu nhưt kiếp, ngộ nhưt thời”, có Tân Luật, có Pháp Chánh Truyền là khuôn luật Thiên Điều, Ngài buộc phải thực thi theo bản Thiên-Nhơn Hòa Ước đã ký, buộc phải thực hiện Bát Ái-Công bình, làm tiêu chuẩn cho nhơn phong để cơ phổ độ của Đức Chí Tôn thành thiết hiện nơi hoàn cầu, thì Đức Ngài mới ban phong thưởng phẩm xứng vị. Bằng không, những việc làm trái nghịch lại nền Chơn Pháp, chính con người phải đối trước luật Thiên Điều do nghiệp quả gây ra.

▪ ***Biểu hiệu Tam Giáo và diệu quang Tam Giáo.***

Cổ Pháp Tam Giáo gồm Bình Bát Vu của nhà Phật, cây Phát Chủ của Tiên Giáo và quyển Xuân Thu của Không Giáo. Ba bửu pháp này tượng cho Tam Giáo hiện hữu trong Cao Đài.

Bình Bát Vu là bình bằng vàng của Đức Phật dùng để khuấy thực khi Đức Ngài rời bỏ ngôi vàng, điện ngọc quyết tìm con đường giải thoát khỏi sinh-lão-bệnh-tử cho chính mình và độ chúng sanh, nên tượng trưng cho Phật Giáo. Cây Phát Chủ là cây chổi nhằm quét sạch ô uế, vô minh, bụi trần, tượng trưng cho Tiên Giáo. Quyển Xuân Thu là bộ kinh của Đức Khổng Tử tượng trưng cho Thánh Giáo. Đây là ba bửu pháp của ba nền tôn giáo thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

Riêng về Cổ Pháp của Đạo Cao Đài, tổng thể có bốn loại Cổ Pháp. Cổ Pháp của Hộ Pháp như Cổ Pháp Tam Giáo. Cổ Pháp của Thượng Phẩm gồm cây

Phật Chủ và Long Tu Phiến. Cổ Pháp của Thượng Sanh gồm cây Phật Chủ và Thư Hùng kiếm. Cổ Pháp của Giáo Tông gồm Long Tu Phiến, Phật Chủ và Thư Hùng Kiếm. Mỗi Cổ Pháp có giá trị và ý nghĩa riêng biệt gắn liền với vai trò và nhiệm vụ của phẩm Thiên Phong.

Như đã trình bày, biểu hiện chỉ là cách thức để con người dễ hình dung đối với giáo pháp tâm linh gần nhất, nhằm biểu thị chung cho các Tam Giáo cổ kim. Vì vậy, ba bửu pháp của ba Đấng Giáo Chủ hiệp một thành Cổ Pháp Tam Giáo trong nền tâm tôn giáo Cao Đài, đó là tượng trưng cho quyền năng linh diệu của Tam Giáo đã từng hiện hữu, là Phật, Tiên, Thánh. Các Đấng trong hàng Tam Giáo khi đoạt pháp và hoàn thành sứ mạng xuống thế của mình, các Ngài cũng trở về cõi hư linh, tiếp tục công cuộc điều hành dòng máy Tạo Đoan cho Đức Chí Tôn.

Dẫu cho “*Ngọc Hư Cung bác luật, Lôi Âm Tự phá cổ*” theo lời dạy của Đức Chí Tôn theo thiên thư tiền định, thì những giá trị của các vị Giáo Chủ Tam Giáo tượng trưng và những vị Tam Giáo không được tượng trưng vẫn đoạt cơ xuất thế, đào tạo cho chúng sanh những phương pháp tu học giải thoát. Lời Đức Chí Tôn tuyên phán vẫn còn văng vẳng bên tai, nhưng đạo học của Tam Giáo như đường lối “*minh tâm kiến tánh*” của Phật Gia, “*tu tâm luyện tánh*” của Lão Giáo, “*tồn tâm dưỡng tánh*” của Khổng Học vẫn trường lưu trong nền tảng triết lý tu hành của người Cao Đài.

Xa hơn nữa, chủ nghĩa “tứ bi-bác ái” hay “tam cương, ngũ thường, tam tòng tứ đức” cũng là đường tiêu chuẩn không thể thiếu trong pháp môn tu học theo Tân Luật của Đức Chí Tôn lập ra. Đạo vẫn như nhiên mà thành, nghĩa là căn bản của giới “tam quy”, những mực thước của Tam Giáo là thước đo và phương pháp để dọn người Cao Đài trở thành người môn đệ yêu ái và xứng đáng đối với Đấng Cao Đài.

Chẳng phải “quy hợp” để làm dễ hơn hoặc khó hơn đối với chúng sanh, mà là sự quy hợp để tạo thành một môi đạo duy lý, tổng hợp và hòa hữn cho toàn vạn hữu tiếp cận giáo pháp tân tiến phù hợp với thời đại và giai đoạn, cũng là phương pháp tận độ của Đức Chí Tôn ban cho nhân loại. Ngày nay, Đức Chí Tôn đã mở rộng con đường thiêng liêng hằng sống, một bến giải thoát.

“Hộ Pháp đến kỳ Long Hoa này cốt để rước Cửu nhị úc Nguyên Nhân là bạn chí thân của Người đã bị đọa lạc nơi hồng trần không phương giải thoát, muốn rước các bạn chí thân của Bàn Đạo, Đức Chí Tôn buộc phải lấy Pháp Giới tận độ chúng sanh”
[Thuyết Đạo của ĐHP, Q.3 bài 43].

Dẫu cho Cổ Pháp là hình vật, nhưng nó có sức ảnh hưởng sâu rộng về tâm thức, chi phối toàn các ý niệm, tri cảm của người Cao Đài trong pháp môn tu hành, dấn thân vào triết lý Đại Đạo. Nên diệu quang của Tam Giáo vẫn chói lòa cùng thời gian và là những

nấc thang làm cho môn đệ Cao Đài được trôi thăng lên những bậc thang thiêng liêng.

▪ **Bí Pháp tu chơn.**

Vì Đức Chí Tôn quyết đến thế gian chính mình Ngài để độ sanh chúng. **Đấng Ngự Mã Thiên Quân Hộ Pháp** cản ngăn và tình nguyện xuống thế lập giáo theo truyền ngôn của Đức Thượng Đê. Trước khi phục lệnh, Đức Chí Tôn hỏi vấn hỏi và Đức Hộ Pháp trả lời. Đức Hộ Pháp thuật lại như sau:

*“Trong thời kỳ ấy Bần Đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn xuống thế mở Đạo thì Đức Chí Tôn mới hỏi rằng: Con phục lệnh xuống thế mở Đạo con mở **bí pháp** trước hay con mở **thế pháp** trước?”*

- Bần Đạo trả lời: Xin mở bí pháp trước.

- Chí Tôn nói:

Nếu con mở bí pháp trước thì phải khổ đa. Đang lúc đời cạnh tranh tàn bạo, nếu mở bí pháp trước cả sự bí mật huyền vi của Đạo đời thấy rõ xúm nhau tranh giành phá hoại thì mỗi Đạo phải ra thế nào. Vì thế nên mở thế pháp trước, dẫu cho đời quá dữ có tranh giành phá hoại cơ thể hữu vi hữu hủy đi nữa thì cũng vô hại xin miễn mặc bí pháp còn là Đạo còn. Bí pháp là Hiệp Thiên Đài giữ...” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Điều này đã chứng minh Đức Hộ Pháp đã xuống thế với một thiên mạng đặc biệt. Thêm nữa,

Đạo phục của Đức Hộ Pháp, ngang lưng có buộc “dây sắc lệnh” ba màu vàng-xanh-đỏ tượng trưng cho **chương quản Tam Giáo** và nắm trọn **Thẻ Pháp-Bí Pháp** trong tay Người. Điều này được nêu rất rõ trong **Pháp Chánh Truyền** chú giải. Hơn vậy, Đức Hộ Pháp đến thế gian để cầm **Pháp Giới** tận độ chúng sanh do Đức Chí Tôn phó thác nơi mình. Với những minh chứng trên, **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh** đã dung chứa cả **Thẻ Pháp** và **Bí Pháp** giải thoát cho con cái Đức Chí Tôn.

Khi Hội Thánh được thành lập, Tân Luật được lập ra dâng lên Đức Lý xem xét, cầu nài Đức Chí Tôn thêm những điều yếu nhiệm vào bộ Tân Luật này rồi phê chuẩn để Hội Thánh bắt đầu điều hành, lập giáo, tổ chức và hoạt động với một Giáo Hội chặt chẽ. Tân Luật cũng đã ban hành về các Tịnh Thất trong chương trình phổ độ. Tịnh Thất lại đặt dưới quyền vi chủ của chi Đạo là Thượng Phẩm, tức là Hiệp Thiên Đài, trong khi đó Đức Hộ Pháp chương quản Hiệp Thiên Đài. Nên Đức Hộ Pháp lãnh trách nhiệm chính yếu trong **truyền bí pháp tu đơn**. Điều này hoàn toàn khác biệt so với một số người suy diễn, Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh chỉ mang trách nhiệm phổ độ.

Sau một năm lập Tân Luật, tức năm 1928, Đức Hộ Pháp lập cơ quan Phạm Môn, mở “**Cửa Phật**” một lối sinh hoạt tôn giáo không áo mũ, không giáo quyền, chú trọng vào hình thức Tam Lập, truyền dạy

những yếu lý công phu tu tập. Đức Ngài còn cho thọ **“đào viên pháp”**, lập ra **“thập điều giới răn”**, buộc tất cả ai hiến thân nơi Phạm Môn điều trọn thi hành những tiêu chuẩn Đức Ngài đưa ra. Đức Ngài còn truyền những bí tích quan trọng trong cửa Đại Đạo cho những người Phạm Môn như bí tích Cắt Dây Oan Nghiệt, Tắm Thánh, Giải Oan, Hôn Phối, phép Bạch Đăng.

Đức Ngài còn vẽ họa đồ Tam Cung, Thiên Hỷ Động, Địa Linh Động và Nhơn Hòa Động nhưng chỉ hoàn thành được hai trung tâm tu tịnh là Trí Giác Cung, Trí Huệ Cung mà thôi. Sau đó, Đức Ngài còn cho **“Mười hai bài tập khí công đạo dẫn”**, **Phương Luyện Kỹ** để chuẩn bị hành trang cho người môn sinh nhập tịnh.

Các hoạt động sinh hoạt tu tịnh trong Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh khi Đức Hộ Pháp sanh tiền vẫn mỏng và yếu ớt. Điều đó không có nghĩa là quyền năng điển lực của Đạo không chứa bí pháp giải thoát mà là do trình độ chơn thần của người tín đồ chưa đủ điều kiện để nhập tịnh. Hơn nữa, Đức Hộ Pháp chương quản Tam Giáo và nắm Bí Pháp và bày Pháp Giới Tận Độ chúng sanh, lẽ nào lại giấu giếm. Có chăng, hình thức tu tịnh là phương pháp rột ráo nhất, đặc đạo tại thế, chơn thần có thể hội diện quyền năng thiêng liêng, du xuất chơn thần khi còn sống. Điều đó, không phải dễ dàng bao giờ nếu người tín đồ chưa đủ công nghiệp, phước đức tạo lập.

Ở một mặt khác, con đường giải thoát theo lối tu tắt là pháp môn dễ gây ngộ nhận cho đại đa số, Đức Ngài rất dè dặt và cân nhắc, hoạt động Bí Pháp của Đức Ngài vẫn hằng diễn ra trong các tổ chức sinh hoạt của Hội Thánh và những người đã gần gũi Đức Ngài. Nên khó có ai biết Đức Ngài đã truyền pháp cho ai, những người thọ lãnh cũng im bặt giữa các hoạt động sinh hoạt cúng kiếng, công quả thường hằng.

Nhìn nhận vấn đề **tu tịnh** của Đại Đạo Tam Kỳ-Tòa Thánh Tây Ninh trên một bình diện khác, chúng ta biết rằng Thể Pháp Đạo là hình trạng sinh hoạt có tổ chức nề nếp của Hội Thánh và toàn thể tín đồ. Ngược lại, **Bí Pháp Đạo** là **quyền năng diễn lược giải thoát** cho chúng sanh đủ điều kiện, trong khi Đức Hộ Pháp thay Đức Chí Tôn xuống thế trần thủ Pháp Giới tận độ chúng sanh, nên Đức Hộ Pháp vốn đã đến để thút đẩy con người vào nương dựa vào Thể Pháp, rồi mới truyền Bí Pháp tận độ. Hai mặt Thể Pháp và Bí Pháp luôn sóng đôi mà Thánh Thể của Đức Chí Tôn có trách nhiệm thi hành hai điều này cùng một lúc mới trọn sứ mạng phổ độ chúng sanh.

Chúng ta hoàn toàn gạt bỏ khái niệm hai con đường bị chia cắt. Chơn truyền của Đức Chí Tôn là lập **Thánh Thể** để thay Ngài phổ độ chúng sanh. Phổ độ nghĩa là làm sao thút đẩy chúng sanh tu hành đoạt pháp. Thể Pháp và Bí Pháp vốn là hai mặt của một thực thể, tuyệt nhiên Đức Chí Tôn không có giao Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh

chỉ làm môi giới phổ độ, rồi giao Bí Pháp giải thoát, tức là Tu Tịnh cho bất cứ một tổ chức nào khác.

Còn nhớ Đức Hộ Pháp đã tuyên ngôn nhân ngày trấn pháp Thiên Hỷ Động-Trí Huệ Cung:

“Hộ Pháp đến kỳ Long Hoa này cốt để rước Cửu nhị úc Nguyên Nhân là bạn chí thân của Người đã bị đọa lạc nơi hồng trần không phương giải thoát, muốn rước các bạn chí thân của Bản Đạo, Đức Chí Tôn buộc phải lấy Pháp Giới tận độ chúng sanh. Hôm nay là ngày mở cửa Thiêng Liêng và đưa nơi tay các Đấng Nguyên Nhân ấy là một quyền năng đặng tự giải thoát lấy mình hai món Bí Pháp ấy là: Long Tu Phiến của Đức Cao Thượng Phẩm để lại. Kim Tiên của Bản Đạo. Hiệp với ba vòng Vô Vi, tức nhiên Diệu Quang Tam Giáo hay là hình trạng Càn Khôn Võ Trụ, mà đó cũng là tượng ảnh Huệ Quang Khiếu của chúng ta đó vậy” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.3 bài 43].

Vì vậy, **Thể Pháp của Đạo Cao Đài là hình trạng của Hội Thánh** để phổ thông chơn đạo, đưa người Cao Đài dần dần nhiễm mùi đạo, thực hiện các phương châm tu hành theo áo mào, phẩm tước để phụng hiến cho Đạo và nhơn sanh, hầu tạo ra công đức. Còn Bí Pháp của Đại Đạo là con đường tiếp diễn sau khi con người lấy công trừ tội, rửa oan khiên, tiền nghiệp, chơn thân nhẹ nhàng, trong sạch đủ để Hội Thánh có thể **truyền Bí Pháp tu tịnh**, ấy là **Bí Pháp tu chơn** trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được Tân

Luật ban hành khoa tịnh luyện, được quyền năng Bát Quái Đài chuẩn phê trước khi ban hành chính thức.

▪ ***Sự khắc khe trong vấn đề tu tịnh trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh.***

Con đường thứ ba của Đại Đạo là con đường đề tu tịnh, xuất chơn thần khi còn tại thế, hội diện cùng quyền năng thiên điện. Có rất nhiều người ngộ nhận, hễ tu tịnh thì có thể giải thoát nên người ta cứ đua nhau công phu, ham cầu bí pháp giải thoát. Chỉ khi môn đồ đủ Tam Lập theo tiêu chuẩn Đức Hộ Pháp đánh giá thì mới có thể nhận được bí pháp điều dưỡng, truyền thần và xuất thần mà thôi.

“Hôm nay mấy em biết chưa? Có lẽ phần nhiều mấy em đã biết, Phạm ấy là Phật, Phạm Môn là cửa Phật, nói rõ hơn nữa là cửa Tu Chơn của Đạo, cửa Bảo Thủ Chơn Pháp của Chí Tôn’ [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6].]

Cửa tu chơn là nơi các tịnh thất Trí Giác Cung, Trí Huệ Cung và Vạn Pháp Cung, có chơn sư chỉ dạy. Bí pháp ấy không phải là muốn là có, thích là cho và tùy tiện áp dụng một cách bừa bãi.

Đối với bậc thượng thừa đủ tiêu chuẩn thì được Đức Hộ Pháp thực hiện truyền bí pháp. Đối với hạ thừa, Đức Ngài truyền dạy Mười Hai Bài Tập Khí Công Đạo Dẫn và ban Phương Luyện Kỹ Đăng Vào Con Đường Thứ Ba Đại Đạo để dọn mình cho chơn

thần tinh khiết để chuẩn bị hành trang đi vào con đường thứ ba.

Như vậy, cửa Đại Đạo rộng mở, quyền năng giải thoát cho con cái Đức Chí Tôn vẫn đặt để tại thế. Vấn đề còn lại là mỗi môn đồ làm gì để đủ duyên bước đi trên con đường thượng thừa hay hạ thừa mà thôi.

Thất Nương Diêu Trì Cung cũng đã cho hay: “*Lễ bái thường ngày tâm đạo khởi*”. Nên cúng Tứ Thời nhật tụng là phương pháp công phu sơ đẳng mà mỗi người tín đồ thường hằng thực thi để tìm sự giao cảm giữa Trời và người.

Bí pháp và **phàm pháp** không thể lẫn lộn, thánh phàm hai nẻo phân minh. Hễ tâm chơn thành, trọn luật, giữ giới, rớt ráo nương mình nơi cửa từ bi, thực hiện thiệt phận thì cúng kiếng là **bí pháp soi dẫn con người tiếp diện điển lực vô vi, tìm chơn sư vô hình**.

Kinh Xuất Hội có câu:

“*Đạo hư vô sư hư vô,
Reo chuông thoát tục phát cờ tuyệt sinh.*”

Bí pháp mà Đức Chí Tôn ban cho con người là “*...trường thi công quả cho các con đắc đạo...*”. Hơn nữa, con đường thứ nhất và con đường thứ hai đã mở ra cho toàn thể sanh chúng thi thố phận sự. Chúng sanh mượn hữu hình để tìm đến đạo pháp vô vi. Nếu

phận sự hữu vi hoàn toàn chưa xong thì bí pháp tu tịnh không phương chi tìm đến.

Cho nên, cửa tu chơn của Tòa Thánh Tây Ninh hãy còn trong vòng im lặng, không phải như nhiều người lầm tưởng Đạo Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh không có Bí Pháp tu chơn. Đó là một ngộ nhận rất lớn lao, trái nghịch hoàn toàn với lời dạy của Đức Chí Tôn “*chi chi cũng tại Tây Ninh này mà thôi*” [TNHT, Q.1].

- ***Nghi thức thờ phụng và cúng lạy biểu thị pháp giới tạo đoan.***

Chơn truyền của Đạo Cao Đài định các hình thể và nghi thức cúng lễ là Thể Pháp của Đạo, chẳng thể nào thiếu trong nền **Tân Pháp**. Có Thể Pháp được bày ra trước mắt để con người nương tựa, dần dần kiểm hiểu nhiệm lý cao sâu tức là Bí Pháp. Sự phổ bày chơn tướng của Thể Pháp do bàn tay Đức Chí Tôn nó hẳn có giá trị đối với cơ hoàng dương Chánh Pháp Đại Đạo.

Dẫu Đức Chí Tôn nói:

*“Bạch-ngọc từ xưa đã ngự rồi,
Chẳng màng hạ-giới vọng cao ngời,
Sang hèn trời kệ tâm là quý,
Tâm ấy toà sen của Lão ngời.
Thi văn dạy đạo”*

Cúng kính và thờ phụng thuộc hình tướng bên ngoài, nhưng nó rất cần thiết trong cửa Đạo. Dầu cung kính đài cao, nguy nga tráng lệ mà tâm không tín ngưỡng thì Đức Chí Tôn chẳng hề ngự. Dầu sang, dầu nghèo mà tâm thật thà, chân chánh, thiết lòng, ấy là gần Trời và các Đấng Thiêng Liêng. Thờ kính tức là bày cái lý Đạo cho con người hằng nhớ **nguồn cội Tào Đao**, tức là cái tâm pháp chớ chẳng phải để cái thể cho nhộn nhịp đầy màu sắc dư thừa.

Cái thể tượng cho cái lý thiên nhiên, nên nghi thức tụng niệm và thờ cúng đều ẩn chứa một Bí Pháp nhiệm mầu mà Đạo Cao Đài muốn diễn đạt. Tại Tòa Thánh Tây Ninh, nghi thức thờ phụng như sau:

* **Quả Càn Khôn** tượng trưng cho vũ trụ mệnh mông bao la, chứa cả mọi thể giới, cung cảnh, tinh cầu địa tú và tất nhiên con người là một sinh linh đã hiện hữu trong ấy. Đó là cơ quan sáng thể của cơ tạo đoan càn khôn vạn vật. Đứng trước bửu điện, chúng ta thấy một quả tròn to lớn, người ta sẽ tự vấn “từ đâu có càn khôn, pháp giới nào tạo ra mọi vạn hữu sinh tồn một cách có trật tự, ai sẽ nắm quyền điều khiển cơ vận chuyên pháp giới trong vũ trụ bao la này, con người sau khi chết sẽ đi về đâu, thăng đọa sẽ diễn tiến ra sau khi bỏ nhục thể...”. Tòa Thánh cao vòi vọi, nghi thức trang nghiêm, Quả Càn Khôn sừng sững trước mắt của con người để đánh thức cái diệu tánh mà tìm về chữ Đạo.

“Một trái như trái đất tròn quay, hiểu không? Bề kinh tâm ba thước ba tấc, nghe con, lớn quá mà phải vậy mới đặng, vì là cơ màu nhiệm Tạo-Hóa trong ấy, mà sơn màu xanh da trời; cung Bắc-Đẩu và Tinh-Tú vẽ lên Càn-Khôn ấy. Thầy kể Tam-Thập-Lục-Thiên, Tứ-Đại-Bộ- Châu ở không-không trên không khí, tức là không phải Tinh-Tú, còn lại Thất-thập-nhị-Địa và Tam-Thiên thế giới thì đều là Tinh-Tú. Tính lại ba ngàn bảy mươi hai ngôi sao, con phải biểu vẽ lên đó cho đủ. ...Trên vì sao Bắc-Đẩu vẽ con mắt Thầy, con hiểu chăng? Đáng lẽ trái ấy phải bằng chai, đúc trong một ngọn đèn cho nó thường sáng; ấy là lời cầu nguyện rất quý báu cho cả nhơn-loại Càn-Khôn Thế-Giới đó; nhưng mà làm chằng kịp, thì tùy con tiện làm thế nào cho kịp đại-hội - Nghe à!” [TNHT, Q.1].

* **Thiên Nhãn** được vẽ trên Quả Càn Khôn, tượng trưng cho Thượng Đế tức là ngôi Thái Cực, Đấng chủ thể, Chơn Thần đầu tiên từ Khí Hư Vô, rồi Ngôi Chí Tôn mới phân tách ra Phật, Tiên, Thánh, Thần và mọi thể trong càn khôn. Đó là vị Thần Thiên Lương tối cao chủ cả Phật-Pháp-Tăng.

* **Thái Cực đặng** là ngọn đèn luôn cháy và được đốt bằng dầu, tượng cho ánh sáng của chơn lý, tức là Đấng Chí Tôn luôn luôn hiện diện, trường dưỡng và nuôi sống càn khôn vạn loại.

* **Lưỡng Nghi** là hai cây đèn hai bên. Đạo sanh nhứt là Thái Cực, Đạo sanh nhị tức là “lưỡng nghi”

tức là Âm-Dương. Từ hai khí bản nguyên này, mới biến sanh ra muôn loài. Ấy là Đạo.

* **Hoa-Rượu-Trà** tượng cho Tinh-Khí-Thần-Tam Bửu mà con người mỗi khi hành lễ, cung kính dâng hiến cho Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu.

* **Lư Hương** gồm 05 cây nhang, tượng trưng cho ngũ khí thời tiên thiên, và ngũ hành khi chuyển sang hậu thiên.

* **Tam Giáo** được tượng trưng phụng thờ bằng tam vị Giáo Chủ Đức Thích Ca chánh giữa, Đức Lão Tử bên trái, Đức Khổng Tử bên phải.

* **Tam Trấn** là nhất trấn oai nghiêm Đức Lý Thái Bạch chính giữa, nhị trấn oai nghiêm Đức Quan Âm bên trái, tam trấn oai nghiêm Đức Quan Thánh Đế Quân bên phải.

* **Ngũ Chi** được tính từ trên xuống tức là Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo, Thần, Nhơn Đạo, là Đức Thích Ca, Đức, Đức Lý Bạch, Đức Chúa Jesus, Đức Khương Thượng, bảy cái Ngai gồm 01 Giáo Tông, 03 Chương Pháp, 03 Đầu Sư.

Nghi thức thờ phượng của đạo Cao Đài đã tượng lý-pháp trong cơ quan vận chuyển tạo đoan, định vị...nói lên tính chất duy Thần từ một thể tức là Đạo. Đó là “**mệnh**” mà Đức Lão Tử dùng trong Đạo Đức Kinh, nghĩa là mệnh là luật bất biến, biết luật bất

biến đó thì sáng suốt. Ngược lại, nếu biết mà vọng tâm thì có thể gây họa.

Quả Càn Khôn là hình ảnh của Đại Đạo, là giai đoạn tượng hình hữu sắc biến hóa từ Đạo mà ra. Triết lý thờ phụng đã dung chứa những tín lý bí nhiệm huyền năng của Trời Đất, vạn vật, Tam Giáo và Ngũ Chi tương liên với cái sống của con người về mặt đạo pháp. Từ Đạo mà hóa sinh toàn vạn hữu, vạn hữu phải nương Đạo để trường tồn vì đó là chân lý đạo Trời.

Đối với nghi thức cúng lạy, phải có **nhạc và lễ**. Nhạc tượng trưng cho sự phục sinh Bát Hồn để dâng hiến cho Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, còn biểu thị sự điều hòa mới đảm bảo đi trong khuôn viên thiên lý mà trường tồn, tấn hóa. Lễ là trật tự ngôi thứ. Nếu thiếu nhạc-lễ là thiếu hòa và trật tự. Con người là hình ảnh của **Chí Linh** vì cơ Càn-Khôn hữu hạp mà biến tướng vạn linh. **Vạn Linh** phải nương Chí Linh mà hườn Tánh nên con người cũng phải có đặc tánh “trật tự và điều hòa” như Càn-Khôn, vừa là lễ hiến cho các Đấng Thiêng Liêng, vừa nhắc nhở lòng mình trong đời sống thường hằng.

* **Trống Lôi Âm-Chuông Bạch Ngọc** được đặt trên hai lầu của Hiệp Thiên Đài, tức là cơ quan nắm Pháp. Chuông và Trống biểu thị Âm-Dương, trống tượng cho tiếng nổ khai Thiên là Dương đặt bên Âm. Tiếng vang là Chuông, tượng cho ngôi Âm được đặt bên Dương. Lý Đạo “trung dương hữu âm, trung âm

hữu dương” lột tả sự vận hành pháp giới điền lực đào độn của Âm Dương mới sanh ra càn khôn vạn vật.

* **Kinh Phật-Pháp-Tăng** trong việc cúng kiếng cũng biểu hiệu lý “Thiên-Địa vạn vật đồng nhất thể”. Nên con người phải nương “**nhất thể**” ấy để trở về tự tánh sáng suốt. **Nhất thể là Phật**, nhờ Pháp mới có Tăng. Khi bái lễ, con người phải kính niệm “nam mô Phật, nam mô Pháp, nam mô Tăng”. Hễ thọ giáo triết lý Đạo Trời tức hằng biết nguồn cội Chí Linh là Phật. Sống đạo nương khuôn luật thiên nhiên là tụng Pháp. Biết khuôn luật hình pháp biến sanh thì phải có nhiệm vụ độ Tăng.

Cơ an định, cơ trường dưỡng và cơ sanh hóa thuộc Phật-Pháp-Tăng. Tăng thuộc cơ sanh hóa tức là Tinh, Pháp thuộc cơ trường dưỡng là Khí. Phật thuộc cơ an định là Phật. Có cơ an định mới tới cơ trường dưỡng, có cơ trường dưỡng mới có cơ sanh hóa. Hễ sanh hóa xong, con người phải tụng quy luật mà trở về để “an định” tức là giải thoát. Khi xá vô Thiên Nhân là kính Phật, quay ra xá Khí là kính Pháp, xá ngang là kính Tăng. Xá là lễ, lễ kính Phật và Pháp tức là một Dương, một Âm, là pháp biến sanh vạn hữu từ Đạo, nhứt Âm nhứt Dương mới sanh Tứ Tượng.

Tổng thể về các cách thức thờ phụng trong nghi lễ Cao Đài có vô vàn các Thể Pháp Đạo bày trước mắt, từ cấu trúc hình thể Toà Thánh, nghi lễ lớn nhỏ mà con người Cao Đài cần quán xét và trí tri để tầm cái lý của Đạo mà Đức Chí Tôn đã bày chơn tướng.

▪ **Năm cây nhang tượng trưng cho con đường trở về với Đức Chí Tôn.**

Đại Đạo dùng hình thức phổ dụng để tín ngưỡng và bày tỏ lòng thành đối với các Đấng Thiêng Liêng. Có câu:

*“Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp,
Lòng nương nhang khói tiếp truyền ra.
Mùi lương lư ngọc bay xa,
Kính thành cầu nguyện Tiên gia chứng lòng”.*
[Trích kinh Niệm Hương]

Đạo đức con người phải do nơi lòng thành chơn thật của con người hòa vào nhang khói để cảm ứng cùng các Đấng trọn lành. Kinh Lăng Nghiêm của Phật diễn đạt mùi hương khi đốt lên tỏa ngát bốn mươi dặm. Nên Đạo Cao Đài không ngoài nghĩa lý đó, vẫn dùng lư trầm và lư hương để bái lễ Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu cùng các Đấng trọn lành, vừa kính lễ, vừa tượng cho mùi hương của pháp giới, khử trừ ô uế hay trực khí, vô minh của con người để lòng thanh sạch, trọn lành đánh lễ chư Thiêng Liêng.

Lư hương được cắm với năm cây nhang. Ba cây trong được biểu thị “Án Tam Tài” nghĩa là kính Thiên-Địa-Nhơn. Khi thêm hai cây bên ngoài thành năm cây hương, tượng cho ngũ khí biến sanh ngũ hành.

“Nói về 5 cây nhang, từ thờ Bàn-đạo để cho Nho-gia tự do giảng-giải sao thì giảng, Còn Bàn-đạo

hiểu rõ là Ngũ-khí, Chí-Tôn dùng ngũ-khí mà biến thành ngũ-hành, vận-chuyển cả càn-khôn thế-giới ... Nói đúng hơn nữa là trong bát hồn vận-chuyển được phải nhờ đến ngũ khí...Nên chi khi làm lễ đốt đủ 5 cây nhang là đúng theo phép tín-ngưỡng là quy pháp lại mọi vật trong ngũ khí, để dâng lễ cho Chí-Tôn” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Vì vậy theo pháp giới tạo đoan, nhờ có Ngũ Khí thuộc tiên thiên vận chuyển mới biến thành Ngũ Hành thuộc hậu thiên mà hình thành vạn vật. Vạn vật do nơi Ngũ Hành kết thành sự sống theo trình tự liên kết và hài hòa là Hỏa, Thủy, Mộc, Kim, Thổ. Trên những nguyên tắc vận hành của Ngũ Hành, chúng có luật tương sinh và tương khắc. Kỳ thực về bản chất, quy luật tương sinh và tương khắc không mang tính tuyệt đối mà chỉ tương đối. Đối với luật tương sinh, năm nguyên tố này bổ trợ lẫn nhau, xúc tiến, nương tựa lẫn nhau. Trong các học thuyết triết học, hiện tượng tương sinh vẫn tồn tại trong tính tương khắc, trong hiện tượng tương khắc lại có sự mầm mống của tương sinh. Do vậy, Ngũ Hành vận chuyển đảo độn thúc đẩy sự vận chuyển của muôn loài vạn vật.

Trong bình diện khác, tâm thức con người ví như năm cây nhang được đốt lên, biểu thị năm tầng thức, nên gọi là Ngũ Hương: giới hương, định hương, huệ hương, tri kiến hương và giải thoát hương.

Giới Hương là cây hương chính giữa thứ nhất, cắm đầu tiên ở hàng trong: nghĩa là mùi thơm của giới

hương làm diệt các vô minh và ác niệm, những điều xấu xa chẳng thể xâm nhập vào người tu hành. Theo nghĩa lý này, người môn đồ tin giáo điều thì phải trọn lòng tuân thủ các giới luật của tôn giáo, khép mình tu học và gìn giữ luật đạo một cách nghiêm ngặt.

Định Hương là cây hương thứ hai hàng trong, cắm bên trái: nghĩa là **mùi thơm của đạo pháp** giúp con người đủ đầy đức tin nơi chánh giáo, tinh tấn học tập, định tâm để không nản lòng trước những khổ đau trần thế. Người môn đồ Cao Đài cần giữ giới, khi giới luật được trọn thì hành thì giúp chúng ta an định, không còn vô minh, biết phương pháp tiến tu, tâm thanh tịnh mà tiếp tục hành trình tu hành.

Huệ Hương là cây hương thứ ba, cắm hàng trong bên phải: đó là mùi hương thanh thoát, một thứ **hương thơm của ánh sáng linh diệu** bén sắt, có thể cắt những phiền não, nghiệp oan. Người môn sinh Cao Đài khi đã định được thì cái huệ trong bản thân sẽ bắt đầu phát huy sở năng của nó, tức là khởi đầu của con đường phát huệ.

Tri Kiến Hương là cây hương thứ tư, cắm bên trái hàng bên ngoài: đó là mùi hương của **hiểu biết bằng tâm thức**, tức là cái huệ thanh thoát nhẹ nhàng, có thể soi sáng mọi thứ bằng cái thể của tâm thức, không chấp vụn hữu, không tà kiến, si mê hay bị trói buộc vào những thứ ngoài thân kể cả tham-sân-si mà là một mùi hương của sở tri, sở kiến để thấu suốt vụn hữu, nghiệp duyên và biết cái “ta” đang tồn tại thanh

hay suy. Người môn sinh Cao Đài khi đã đến giai đoạn được phát triển huệ thì ánh sáng huệ nhãn giúp tâm tánh đồng hóa, nhận ra chân tướng, tức là tri kiến.

Giải Thoát Hương là cây hương thứ năm, cắm bên phải hàng ngoài: **mùi hương giải thoát** là hương vị đậm đà, bát ngát, đã cởi bỏ hoàn toàn tất cả mọi thứ thuộc giả tạm, thấy ngũ uẩn giai không và thấy ta và vạn vật đồng lý, thấy các pháp không phải là pháp, tự tâm an nhiên, vượt mọi chướng ngại, đã giải thoát khỏi lao tù của thân giả hợp. Người môn đồ Cao Đài khi đã tri kiến vạn hữu, thấu soi tất cả bằng thứ tâm thức nhận biết mà tinh tấn rốt ráo cho đến giai đoạn mới là “giải thoát”, tức là cái điểm đích của con người tầm đạo, sống đạo và đạt đạo.

Vì tất cả các pháp đã bày trong Thể Pháp Cao Đài, chúng ta nếu soi rọi bản thân và sống với **chơn pháp của Đức Chí Tôn**, thông dong núp bóng nâu sòng, thi hành theo Luật Pháp của Đại Đạo thì an nhiên từng bước theo năm bước tiến mà pháp giới tận độ của Đức Chí Linh đã khai mở để siêu rỗi con cái của Ngài trong thời kỳ giao thoa của Thượng Ngươn Tứ Chuyển.

▪ ***Thờ Thiên Nhân là thờ Đấng Chí Tôn.***

Đạo Cao Đài đã được Thiêng Liêng chỉ dạy thờ phụng bằng Thiên Nhân làm tâm điểm. Nhìn thấy Thiên Bàn có Thiên Nhân, người ta đã nghĩ ngay đó là đạo Cao Đài. Thiên Nhân nguyên ban sơ Ngài Ngô

Minh Chiêu được khải thị thấy Thiên Nhân hiện trước mặt 03 lần và Ngài đã thọ nhận làm môn đệ đầu tiên và vẽ Thiên Nhân thờ.

Đến khi Đạo phát dương rộng rãi theo thánh truyền, Thiên Nhân đã phát vẽ trên quả Càn Khôn tại Tòa Thánh Tây Ninh. Thờ Thiên Nhân tức là thờ Đấng tối cao, toàn giác đang bàn bạc khắp nơi, đang dõi về sự tiến hóa của vạn linh trong càn khôn.

“... Chưa phải hỏi các con biết tại sao vẽ Thánh-Tượng "Con Mắt" mà thờ Thầy, song Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh.

*Nhân thị chủ tâm
Lưỡng quang Chủ Tế.
Quang thị Thần,
Thần thị Thiên,
Thiên giả, Ngã giả.*

Thần là khiếm khuyết của cơ mầu-nhiệm từ ngày Đạo bị bé. Lập "Tam-kỳ Phổ-độ" này duy Thầy cho Thần hiệp Tinh-khí đặng đủ "Tam Bửu" là cơ mầu-nhiệm siêu phàm nhập Thánh” [TNHT, Q.1].

Con mắt có hào quang chiếu diệu là Thiên Nhân, là mắt của Đấng Thượng Đế. Hai nguồn “lưỡng quang” đã ngự trị, chủ tế lập nghi hóa dục, định vị cả pháp giới biến tướng trong bầu càn khôn vũ trụ này. Ánh sáng từ đôi mắt, mắt lại biểu thị cho Tâm, “Quang” là Thần chúa tế, tức là “Thiên”, tức là Đấng Thượng Đế hằng ngự trị muôn loài và đó chính là

Đức Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát trong cửa Đại Đạo này.

Đối với sự thờ phụng Thiên Nhân, ngoài tôn kính nguồn cội vạn linh, chúng ta còn thấy thêm nguyên lý, “**tiểu Quang**” là “**tiểu Thần**” hiện hữu trong mỗi sanh linh. Cho nên thờ Đấng tối cao, bản lai của vạn hữu mà còn lại thờ cái **linh tánh của mỗi con người**. Mỗi tiểu linh quang là một phần, đóng góp vào sự hiện hữu trong toàn thể vũ trụ càn khôn. Vì:

“Thầy là các con, các con là Thầy”

Cho trọn vẹn, thì con người phải dụng phép khép mình nơi cửa của Đức Chí Tôn, sùng ngưỡng chánh pháp, thực hiện con đường “**tam quy thường bộ pháp giới**” để trở về con đường giải thoát.

Thánh Giáo Đức Chí Tôn giảng trên đã cho chúng ta thấy sự khiêm của “**thần**” từ ngày đạo bị bẻ, tu nhiều nhưng thành ít, “**thần**” bị đánh tản mỗi khi hiệp cùng Chơn Thần, nên ngày nay Đạo Cao Đài được Đức Chí Tôn ân xá, lập thờ Thiên Nhân mỗi nhà để hưởng hồng ân, thánh uy ấy, cũng là biểu thị cái lý thiên thơ cho hiệp **Tinh-Khí-Thần** trong thời kỳ này.

Từ một Nhất Nguyên, Đức Chí Tôn phân tánh ra vạn loại. Để trở về hiệp cùng Đức Thượng Đế, con người phải đốt cháy “**ánh sáng trí huệ**” trong tâm mãi mãi, để ngưng thần, tụ khí, hiệp với nguyên lý thăng hoa để tự tánh bùng sáng. Cho nên Thiên Nhân vừa là thờ Bản Nguyên của Đạo, vừa biểu thị tính lý

pháp chơn thân của mỗi cá thể phải làm sao hiệp hòa cùng **Chơn Thân của Đấng Chí Linh**.

Theo luận giảng trên, thờ Thiên Nhân là Trời, là Thờ nguyên lý dịch chuyển Pháp Giới và thờ chính cái thiên lương của con người, như thế ấy, Thờ Thiên Nhân tức là kính cả Phật-Pháp-Tăng cùng một lúc. Con người cần quy y Tam Bảo Phật-Pháp-Tăng. Vừa phải kính Phật, tụng Pháp, phụng sự Tăng trên con đường trở về với Đức Chí Tôn. Thờ Thiên Nhân bao hàm cả **pháp** và **lý** đủ để con người tỏ ngộ trong minh triết Cao Đài, tụng luật pháp Đại Đạo ngõ hầu tìm ánh sáng chiếu soi tự tâm, ngọn linh đăng bùng sáng giữa một bình minh đẹp đẽ.

▪ ***Thờ quả Càn Khôn.***

Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tọa lạc tại huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, còn gọi là vùng Thánh Địa, có Tòa Thánh Tổ Đình thờ Đức Chí Tôn. Những năm đầu phôi thai của Đạo, chưa có nơi thờ tự Đức Chí Tôn, nên Đức Lý dạy mua đất và Đức Hộ Pháp xây dựng Tòa Thánh vĩ đại. Nơi đại điện Bát Quái Đài, có thờ Quả Càn Khôn.

“Quả Càn Khôn” của Đạo Cao Đài đã tượng lý đạo học, dịch lý biến dịch của Đạo Pháp. Càn là Dương, Khôn là Âm, tức là hai nguyên lý sản sinh và cầm mạng sống của toàn thể các thực thể trong vũ trụ. Quả Càn Khôn là một vũ trụ thu nhỏ có thờ Thiên

Nhãn, vẽ đủ 3.072 ngôi sao, Thiên Nhãn lại vẽ trên ngôi sao Bắc Đẩu.

Thiên Nhãn là Thần Ánh Sáng tượng Đức Chí Tôn chủ quyền ngự trị Phật-Pháp-Tăng. Đức Chí Tôn giảng cơ giảng dạy:

“Bính! Thầy giao cho con lo một Trái Càn Khôn, con hiểu nghĩa gì không? Cười... Một trái như trái đất tròn quay, hiểu không? Bề kính tâm 3 thước 3 tấc (3m30), nghe con, lớn quá, mà phải vậy mới đặng, vì là cơ mâu nhiệm Tạo Hoá trong ấy, sơn màu xanh da trời, cung Bắc Đẩu và Tinh tú vẽ lên Càn Khôn ấy.

Thầy kể Tam thập lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu ở không không trên không khí, tức là không phải Tinh tú, còn lại Thất thập nhị Địa và Tam thiên Thế giới thì đều là Tinh Tú. Tính lại ba ngàn bảy mươi hai (3072) ngôi sao, con phải biểu vẽ lên đó cho đủ.

Con giở sách Thiên văn tây ra coi mà bắt chước. Tại ngôi Bắc Đẩu, con phải vẽ hai cái bánh lái cho đủ và sao Bắc Đẩu cho rõ ràng. Trên vì sao Bắc Đẩu, vẽ Con Mắt Thầy, hiểu chăng?” [TNHT].

Từ ngày khai đạo cho mãi về sau, Đạo trải qua nhiều nguy biến, Quả Càn Khôn cũng một lần phát cháy, duy Thiên Nhãn còn giữ nguyên vẹn. Nhân sự kiện này, Đức Chí Tôn giảng cơ cho thánh thi năm 1932:

“Chẳng phải Tây Ninh chịu nạn nghèo,

*Cuộc đời luân chuyển thế cheo leo.
Trời còn đất lở tang thương biến,
Ruộng rẫy phó phường lộ mốc meo.
Sắc tướng âm thanh tua giảm bớt,
Mở đường công quả chúng làm theo.
Văn chương đâu rõ thông cùng lý,
Tận thế hưng vong đã thấy vèo”.*

Đạo Cao Đài hình thành vẫn do hai năng lực **Thiên-Nhân**. Thiên thuộc siêu nhiên, còn Nhân thuộc phàm chất. Nên Đức Lý giảng dạy:

“Về Quả Càn Khôn, Thánh giáo Đức Lý Giáo Tông có dạy: Quả Càn Khôn cũng vậy, khi tháo rời ra rồi ráp lại y như vậy. Khi tháo ra phải cầu Lão đưa Thần một đôi, rồi mới đặt tay người vào, nghe à!”

Xét theo tính chất thường tình, Quả Càn Khôn là nơi Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, Tam Trấn, Tam Giáo và các Đấng trọn lành ngự trị để điều hành guồng máy vũ trụ càn khôn. Đó chẳng phải chỉ là đất cát, vật dụng mà là khối tín ngưỡng vô biên của toàn thể môn đệ Cao Đài đặt để, gửi gắm nơi đó.

Xét về tính chất triết lý tâm linh, Tòa Thánh tượng trưng cho Bạch Ngọc Kinh tại thế, nên Đức Chí Tôn giảng tại Bát Quái Đài mỗi đàn cúng thì, toàn thể môn sinh được hưởng ân huệ thiêng liêng ban cho, giúp tinh thần an định, trí khai, thần ổn, để thi hành phận sự của mình trên con đường đạo pháp.

“Qua đưng trên Ngai, Qua thấy trên Nê Hoàn Cung của mấy em, nếu đĩnh tâm, thì có một hào quang xung lên đều đều, mọi người đều có cả hào quang đó, có một vị Phật ôm hết đem vào Bát Quái Đài, hiệp với đạo hào quang trong quả Càn Khôn đoạn đem trở ra bao trùm chỗ ngồi của mấy em, mà mấy em không thấy được, cho nên khi mấy em hầu lễ, nếu biết hưởng cái ơn Thiêng Liêng ban cho đó, thì tinh thần được an tịnh, hạnh phúc biết bao, nếu biết thọ hưởng cái hồng ân đó...” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2, bài 6].

Như vậy, Quả Càn Khôn đã tượng lý Đạo dịch biến và Đức Ngai thường ngự trị nơi Bát Quái Đài khi, cần thiết ban nhận đạo hào quang của chúng sanh dâng kính, rồi trả ngược lại bằng phương pháp ban phép lành cho con cái Đức Cao Đài.

▪ **Đức Chí Tôn ban phẩm Thiên Phong.**

Từ xưa nay, các nền tôn giáo chưa hề có hiện tượng cơ bút thiên phong. Ngày nay Đạo Cao Đài khai sáng, Đức Chí Tôn và Đức Lý chọn lựa các vị trọn thánh để phong phẩm, thi hành phận sự trong tổ chức Giáo Hội đạo Cao Đài, còn gọi là Hội Thánh, tức là **Thánh Thể của Đức Chí Tôn**. Đức Chí Tôn không xuống thế gian bằng xương bằng thịt, Ngài phải quy lương sanh, gom hợp con cái của Ngài lại để phú thác sứ mạng thiêng liêng trong “Tam Kỳ Phổ Độ”.

Chúng ta hoàn toàn thấy được sự liên thông giữa quyền năng thiêng liêng và bàn tay con người, chứng minh tính chất “Thiên-Nhân hiệp nhưt”. Các phẩm Thiên phong trong giai đoạn đầu được Đức Chí Tôn phong. Sau này, tất cả đều do Đức Lý phong và chấm phá.

Chức Sắc Thiên Phong là người phải có trách nhiệm cầm phướn chiêu hồn, diu dắt chúng sanh thoát khổ, đem rải hồng ân của Thượng Đế khắp nơi. Đời hung bạo, nên Đức Chí Tôn mở Đạo để độ rỗi. Nếu đời thánh thiện, không phải nhọc công, nhọc lòng đến Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng. Vì vậy Chức Sắc Thiên Phong đã được chọn lựa để hóa chuyển con người vô minh, miệt thị, coi thường nền Đạo, chạy theo văn minh vật chất, chẳng hề chú trọng tâm linh tinh thần, mãi mê say đắm nơi chốn sông mê, đưa đời đến trường tranh đấu thảm cảnh.

Cả chư Chức Sắc Thiên Phong của Hội Thánh, đầu cơ quan Hiệp Thiên Đài, cơ quan hành chánh Cửu Trùng hay cơ quan phổ tế Phước Thiện cũng phải thực hiện bảo tồn nền chánh Giáo của Đức Chí Tôn, đi trong khuôn luật đã có Pháp Luật. Đạo Cao Đài sản xuất do một chơn lý cao trọng tối thượng, nên phẩm Thiên Phong phải biết con người trông đạo như hạn trông ngóng mưa trong mùa hạn hán, như cá trông nước, như khát khao giọt nước Cam Lồ của Thiêng Liêng để giải cái thảm cảnh, khổ nạn tâm hồn nhơn sanh. Chức Sắc Thiên Phong phải thực hiện hoàn toàn

đúng giá trị của phẩm Thiên Phong để nền đạo thiết hiện.

Phẩm Thiên Phong là hình ảnh của Đức Chí Tôn, Đức Ngài cậy nhờ bàn tay Thiên Phong để nuôi đói, nuôi khát, bảo trợ kẻ nghèo cô độc, nên phận sự của Thiên Phong trong Hội Thánh vừa cứu khổ thể xác vừa tâm hồn, trong đạo lẫn ngoài đạo, vượt biên giới vô tận đến toàn thể như sanh quả địa cầu.

Hàng phẩm Thiên Phong do chính Đức Chí Tôn, Đức Lý Giáo Tông vô vi và các Đấng Thiêng Liêng phong khi đạo tượng mặt thế, là hình ảnh mô phỏng cho phẩm hạnh đáng giá để nền Đạo mai sau nương theo khuôn khổ mực thước và hành tàng để làm môn đệ yêu dấu của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu. Ngược lại, đã được ân huệ Đức Chí Tôn phú thác gửi gắm nơi mình một phận sự đặc biệt trong Hội Thánh, nhưng nếu gương mẫu cho toàn nền đạo không thành thì cái tội cũng chẳng phải là nhỏ.

Lịch sử Đạo Cao Đài đã ghi lại biết bao nhiêu Chức Sắc Thiên Phong phải chịu phong trần, nương mây, gửi gió, đem thân “tứ đại giai không” nhập vào trường Thánh Thể, đã phải chịu những khổ nạn đao binh, bệnh chướng sát hại, tù tội ngục hình, kiệt sức vì trường chay khổ hạnh nhưng vẫn sống cùng thời gian. Nếu chẳng đáng phẩm Thiên Phong, có lẽ cái nạn kia không chỉ trường tồn mà tiếp tục quyền hành của Thiên Phong trong Hội Thánh.

“Nếu hiểu đặng thì Thánh Thể cũng vậy, Hội Thánh, chư Chức Sắc Thiên Phong Nam, Nữ hay toàn thể Tín Đồ cũng vậy, lãnh Thiên mạng đảm nhiệm trách vụ thiêng liêng Chí Tôn phú thác lập giáo, tức nhiên phải có phẩm giá, trật tự đẳng cấp” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1, bài 39].

▪ **Đệ Tam Thiên-Nhơn Hòa Ước.**

Bản Thiên-Nhơn này được dựng vẽ tại Tịnh Tâm Đài trước tiên ở Tòa Thánh Tây Ninh, sau được áp dụng vẽ cho tất cả các Thánh Thất địa phương. Bản này còn gọi là “Tam Thánh ký hòa ước”. Tam vị Thánh Nhân là Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ-Trạng Trình Nguyễn Bình Khiên, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn-đại thi hào người Pháp Vitor Hugo và Đức Tôn Trung Sơn-nhà cách mạng Trung Hoa, ba vị thuộc Bạch Vân Động.

Bản hòa ước được viết thành hai thứ tiếng, hai thứ tiếng là Hán Văn và Pháp Ngữ. Bên trên là Thiên Thượng-Thiên Hạ. Bên dưới là Bác Ái-Công Bình. Khi hoàn thành bức chân dung này, Đức Hộ Pháp thiết lễ nghiêm trang, xông hương khử trừ và trấn thần. Đức Hộ Pháp phải thông công để tiếp diễn các Đấng ấy nhập bửu ảnh. Các Đấng này là đại diện của Hội Thánh Ngoại Giáo, có sứ mạng truyền đạo ngoại quốc nên được đặt tại Hiệp Thiên Đài để tượng trưng tiếng kêu gọi cho toàn chúng sanh thức giác, nhập vào trường thánh đức Đại Đạo theo chủ nghĩa Đại Đồng của tôn giáo Cao Đài.

Trong quá khứ, nhân loại đã từng ký hai hòa ước với Thượng Đế nhưng đều phản bội. Ngày nay, Đức Chí Tôn cho thực hiện đệ tam hòa ước, Trời-Người đồng ký để thực hiện chủ nghĩa Bác Ái-Công Bình trong cơ ân xá quy hiệp toàn thể tín ngưỡng Nhơn loại trong một học thuyết tân tiến nhất, phù hợp với sự đòi hỏi tiến hóa của Nhơn loại về mặt triết lý và tinh thần để dựng nập học thuyết “**thế giới đại đồng**”.

Rõ ràng chúng ta thấy, đã hai lần con người đã giao ước với Thượng Đế nhưng các nền tôn giáo đã theo thời gian, chánh pháp thất sách, Ngọc Hư bác cổ, tu nhiều nhưng đắc đạo chẳng bao nhiêu. Đức Chí Tôn vì lòng đại từ, đại bi, đại ái mà lập chủ nghĩa cứu độ ân xá, lập nên Đại Đạo Tam Kỳ để xá độ chư chúng sanh quy hiệp trong một con đường. Đức Ngài buộc chúng sanh phải ký bản hòa ước thứ 3 này trong thời Hạ Ngươn hậu mẫn, để tiến đến **cuộc điểm đạo Đại Hội Long Hoa**.

Theo bản hòa ước trên, Thượng Đế đã hứa với Nhơn Loại và ngược lại. Nếu chúng sanh thực hiện theo cam kết Đệ Tam Thiên-Hòa Ước thì phải vào cửa Đại Đạo, tụng Luật Pháp Tam Kỳ, lo khắc kỷ phục lễ, thực hiện cho ra chơn tướng bốn chữ Bác Ái-Công Bình. Nhơn loại tu theo Tân Luật thì phải thực thi **Luật Thương Yêu** và **Quyền Công Chánh** để phổ độ cho toàn thể chúng sanh. Lấy mặt công chánh, chẳng nghiêng chẳng lệch, phải công bình thiên đạo và phải thương yêu cả vạn linh theo khuôn khổ của Đức

Chí Tôn. Chỉ như thế, con người mới thực hiện trọn vẹn lời cam hứa cùng Đức Đại Từ Bi.

Ngược lại, khi nhơn loại thực hiện bản hòa ước này hoàn toàn, Đức Chí Tôn ân xá, chắc hẳn Đức Chí Tôn sẽ ban ân tứ, thoát khỏi luân hồi, nhập vào cửa Thiêng Liêng Hằng Sống bằng các phẩm vị thiêng liêng tương xứng với công nghiệp tu hành. Trong bản ký trên, Đức Chí Tôn vì quá thương nhơn loại nên đã cho phép con người hưởng một đặc ơn ân xá **“tu nhất kiếp, ngộ nhứt thời”** để trở về nước hằng sống.

Việt Nam kể từ năm 1926, đã trở thành đất Thánh Địa, sở hữu một nền Đại Đạo, đón nhận không biết bao nhiêu Thánh điển thiêng liêng để dạy nhiều điều huyền vi bí nhiệm. Đó không phải là sự ngẫu nhiên mà là luật thiên nhiên vốn đã định, khi quả kiếp gần mãn và lòng sùng ngưỡng giáo pháp đã làm cho **Việt Nam được đặc ân vô biên** đó. Mặt khác, Việt Nam phải làm môi giới kiến tạo một hình thái tâm linh, hòa đồng tín lý Đại Đạo với Nam Phong để cho nền Cao Đài trở nên như câu Đức Chí Tôn dạy **“Nam Phong thử nhựt biến nhơn phong”**. Tương diện của nền giáo pháp mới phải đủ năng lực làm phương thuốc hườn sinh cho tất cả các sắc dân trên thế giới. Vì vậy, ân huệ của Việt Nam lớn lao, trách nhiệm của Việt Nam cũng chẳng hề nhỏ. Khi nào, toàn thể quốc dân Việt Nam biết đến giá trị Tam Thiên-Nhơn Hòa Ước và thực hiện nó một cách trọn vẹn, ngày đó Việt

Nam sẽ là nước tuy nhỏ nhoi nhưng “làm chủ mới là kỳ” trên toàn cầu.

“Thầy đến độ rồi các con là lập thành một Trường Công đức cho các con nên đạo. Vậy đấng đạo cùng chẳng là tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn. Nếu chẳng đi đến Trường Thầy lập mà đoạt thủ địa vị mình thì chẳng đi nơi nào khác mà đấng đạo bao giờ” [TNHT].

Cổ luật buộc con người phải Phước Huệ song tu. **Tu phước** là phụng sự nền đạo và toàn thể chúng sanh. Chẳng khi nào con người phụng sự mà có thể tạo thành phước và công đức để huệ tâm từng sáng. Để theo lời cam kết của Đức Chí Tôn giúp chúng sanh đấng đạo, con người phải đi trên con đường phụng sự. Ấy vậy, phụng sự là con đường tiếp diễn song hành cùng **tu huệ**. Con đường đó chưa hề vắng bật **Luật Thương Yêu, Quyền Công Chánh** vì Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ diu dắt tâm lý nhơn sanh vào mặt luật tối cao là Quyền và Luật ấy. Chơn Pháp Cao Đài mang ý nghĩa tối cao cũng nằm tại nghĩa lý ấy.

“Vì lòng bác ái từ bi, Đức Chí Tôn đến ký Hòa ước thứ ba nữa để trong Luật điều. Chúng ta thấy các Đấng Thiêng liêng chỉ tám tượng Tam Thánh biểu nhơn loại tín ngưỡng: Thiên thượng Thiên hạ, về Luật có Bác ái, Pháp có Công bình, ngoài ra dầu luật pháp muôn ngàn hình tượng, Hội Thánh Đạo Cao Đài diu dắt tâm lý nhơn sanh, chỉ dẫn họ vô mặt luật tối cao

là Luật Bác ái và vô một nền Chơn pháp tối trọng là Pháp Công bình” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2].

8. Những ước vọng của Đức Chí Tôn muốn khi mở Đại Đạo.

Là Đấng Đại Từ Phụ, Đấng Thiên Chúa toàn năng, thương yêu con cái của Người vô tận, vô biên nên Đức Ngài mở **ơ tận độ kỳ ba**, khai đạo, tạo đời, lập Minh Đức Tân Dân. Nền triết lý tân kỳ này một **ơ quan cứu thế** của Ngài đặt tại mặt thế này. Đã là cơ quan cứu thế, tận độ con cái của Đức Ngài, làm cho vạn loại hòa bình, cần khôn an tịnh, tránh khỏi sự diệt vong, chém giết lẫn nhau, tức nhiên Ngài luôn trông vọng và mơ ước con cái thực hiện được mọi giao thiệp thông qua bản Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước đã được xác lập.

Nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phải thực hiện các sứ mạng trọng yếu như sau: **Thứ nhất**, Đại Đạo phải thực hiện qui Tam Giáo-hiệp Ngũ Chi.

Thứ hai, thực hiện được Đệ Tam Hòa Ước ký giữa Trời và Người, không cho sanh chúng bội phản lời cam kết với Đức Thượng Đế.

Thứ ba, giữ chánh pháp Đạo Đạo Tam Kỳ không biến thành phạm giáo.

Thứ tư, bảo tồn nền văn minh tôn giáo cứu nhân loại trong bảy trăm ngàn năm.

Thứ năm, trưng cây cờ Bảo Sanh-Nhon Nghĩa Đại Đồng.

Thứ sáu, thực hiện Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh.

Thứ bảy, hoằng dương chánh pháp Cao Đài để chúng sanh tu hành, hưởng cơ ân xá của Đức Chí Tôn.

Thứ tám, truyền bá đức tin đến loài người biết nhìn nhận Đạo Trời là cơ quan cứu thế, giải khổ.

Thứ chín, thực hiện luật thương yêu và quyền công chánh.

Người môn đệ Cao Đài là một phần tử trong “thánh thể thường tại của Đức Chí Tôn”, phải có trách nhiệm với **chín điều** cơ bản nêu trên. Dầu làm được điều nhỏ nhen, hèn mọn, cùng nhau xúm xít, đoàn kết trong tình bác ái, trọn quy ngưỡng về Đức Chí Tôn để cùng nhau thi hành thì quả quyết nhân loại sẽ hưởng được Đức Chí Tôn rưới giọt lành dương, ban hồng ân cho nhơn loại chung hưởng hạnh phúc, an lạc.

“Chí Tôn hứa với loài người: Ngài sẽ đến giao nền Chơn Đạo dạy dỗ với sự chơn thật cho con cái của Ngài, dựa theo chơn lý, dùng lý trí đặng tiếm tàng hiểu biết tận tường chơn lý ấy” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1 bài 37].

Đức Chí Tôn lập Đạo, quy lương sanh lại làm một ngôi nhà Đại Đạo, Đức Ngài hứa đến tạo một tân thế giới cho loài người trong đại đồng. Ngài hứa thì

Ngài làm. Ngược lại, phận làm con, thừa nhận Ông Cha Thiêng Liêng và tôn quý những lời hứa của Đấng Cha Lành thì phận làm con phải thương kính Đấng Chí Tôn, cùng Đức Ngài gánh lấy những phận sự trong vai trò của người con ngoan hiền, đạo đức, tùng khuôn luật Đại Đạo, giữ gìn **chơn pháp Cao Đài**.

9. Chánh thể Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Con người bình đẳng trước luật công bình thiêng liêng nên tất cả là anh em của nhau, đối đãi như anh em một nhà, cùng một Đấng Cha chung, cùng dìu nhau đến nơi bồng đảo. Tuy nhiên, chi chi cũng phải có lễ hòa và trật tự nên Đức Chí Tôn buộc lập Chánh Thể để điều hành nền Đạo. Chánh Thể là Hội Thánh, thay mặt Đức Chí Tôn tại thể để thực hiện cơ phổ độ.

“Nay Thầy nhứt định chính mình Thầy đến để độ rỗi các con, chẳng giao Chánh Giáo cho tay phàm nữa, nhưng buộc phải lập Chánh Thể, có lớn nhỏ đặng để cho các con dìu dắt lẫn nhau, anh trước em sau mà đến nơi bồng đảo” [TNHT].

Hễ có phẩm Chức Sắc Thiên Phong thì có phẩm lớn nhỏ, cao thấp tạo thành Giáo Hội. Giáo Hội đó tức là **Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ**, là một phần tử ưu tú được Thiêng Liêng chọn lọc, dạy dỗ, un đúc khối tâm ái trước hết để thi hành phận sự hành đạo.

Hội Thánh là một **chánh thể** của đạo, được quy định từ hàng Giáo Hữu đở lên hoặc các phẩm tương

đương, làm Thánh Thể của Đức Chí Tôn, tức là hình hài xác thịt của Đức Thượng Đế. Một Chức Sắc Thiên Phong là một phần tử của Thánh Thể, nên phải làm sao vừa làm hình ảnh tượng trưng sống động, vừa làm Cha, vừa làm Thầy cho nhơn sanh. Vai trò và trách nhiệm là Cha, làm Thầy là một trọng trách rất lớn lao, phải xứng đáng, mẫu mực, tinh thần cao trọng, đủ quyền năng giáo hóa theo địa vị của Hội Thánh mà Đức Chí Tôn phú thác.

Đức Chí Tôn dùng huyền diệu Tiên cơ mà giảng trần, giáo đạo, lập nền chơn giáo, rồi toan gửi gắm nơi Hội Thánh một **Quyền** hạn ngang bằng Đức Ngài. Nhưng Đức Ngài buộc Hội Thánh phải thi hành **Luật**. Nói rõ ra, đó Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh, tức là hai mặt như in, song hành để bảo tồn nền chơn giáo, vừa để bảo toàn con cái Ngài, tức là Hội Thánh thi thố trong nhiệm vụ thiêng liêng.

“Nếu nói từ nay Đức Chí Tôn đến tạo dựng Thánh Thể của Ngài thì thật sự là Pháp Chánh, nhưng chỉ có tạo Thánh Thể của Ngài ở dưới thế này mà thôi, chớ quyền công chánh của Ngài là đã đào tạo Thánh Thể thiêng liêng của Ngài, còn về mặt luật là do Hội Thánh lập thành chớ không phải Ngài định luật.

Ấy vậy, nếu chúng ta nói Tân Luật là phạm, thì quả thật nó là phạm, còn Thiên Luật của Chí Tôn là thương yêu mới là Thánh mà thôi. Hỏi vậy, chớ Bàn Đạo nói đây có quá lời chăng?” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2, bài 36].

Đức Hộ Pháp còn cho hay rằng nếu toàn Thánh Thể Đức Chí Tôn nếu biết, thì nắm quyền luật thiên nhiên ấy. Đến khi nào thiên hạ yêu thương nhau nồng nàn, giờ ấy Quyền Đạo sẽ là quyền tối thượng nơi mặt thế này.

Vì quyền của Hội Thánh là quyền thiêng liêng của Đức Chí Tôn trao nơi tay, nên tất cả chư tín đồ dĩ chí cho đến Chức Sắc cao cấp cũng phải tùng mạng lệnh Hội Thánh Đại Đạo. Do Hội Thánh là quyền thiêng liêng, nên đạo Cao Đài là một nền tôn giáo mang tính chất lạ nhất từ xưa tới nay trong lịch sử tôn giáo của nhơn Loại. Chính vì thế, ai có tư tưởng và hành động nhằm phân chia, sẽ bị **luật Thiên Điều tiêu diệt**, của Phong Đô rộng mở đón rước.

Lịch sử đạo Cao Đài cũng đã ghi nhận rất nhiều trường hợp các phần tử Thiên Phong nằm trong Hội Thánh nhưng đối đầu với Hội Thánh. Những bài học đó rất quý báu cho toàn thể chúng ta chiêm nghiệm về giá trị Hội Thánh Đại Đạo và Thiên Luật nằm trong Hội Thánh.

Đạo Cao Đài đến thế gian này do quyền năng của Đức Chí Tôn ngự trị, Chánh Pháp không giao cho người phàm mà Đức Ngài lập đại nghiệp thiêng liêng Đại Đạo bằng cách đưa hình ảnh và quyền năng vào Hội Thánh.

Cơ cấu của Hội Thánh được chia làm ba quyền năng Bát Quái Đài và hai Hội Thánh hữu hình là Hiệp

Thiên Đài và Hội Thánh Cửu Trùng Đài, theo quy luật “Tinh-Khí-Thần”.

▪ **Bát Quái Đài**

Bát Quái Đài là nơi Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế ngự trị, chưởng quản và điều khiển càn khôn vạn vật. Bên dưới có vàn vàn Chư Phật, Tiên, Thánh, Thần theo phò tá để vận chuyển và lo cơ quan giục tấn toàn thể trong vũ trụ càn khôn.

Về hình thể, Bát Quái Đài là “**thần**”, tức là hồn của đạo, vi chủ toàn bộ các quyền năng của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Mọi giáo pháp và kinh điển cũng như luật pháp cũng do Bát Quái Đài phê chuẩn và xây dựng. Quyền năng Bát Quái Đài tuy vô hình nhưng luôn luôn đóng vai trò chủ đạo trong vấn đề xây dựng kiện toàn giáo hội Hội Thánh lưỡng đài.

▪ **Hội Thánh Hiệp Thiên Đài.**

Hiệp Thiên Đài tượng trưng cho “**Khí**” của Đạo, là cơ quan bán hữu hình, làm trung gian giữa hữu hình và vô vi, tức làm cho tính chất “Thiên-Nhân hiệp nhất” được thực hiện trọn vẹn. Hiệp Thiên Đài là cơ quan tư pháp lãnh trách nhiệm thông công với Bát Quái Đài để nhận tín chỉ thiêng liêng, là cơ quan bảo tồn chánh pháp, cầm giữ luật pháp chơn truyền của Đạo, không để biến thành phàm giáo.

Nếu nói đến nghĩa lý “sở dụng”, Hiệp Thiên Đài luôn luôn là cơ quan giữ nhiệm vụ thiêng liêng vì

Hội Thánh đã hứa cùng quyền năng Bát Quái Đài khi xuống thế lập giáo thay Đức Chí Tôn. Cơ quan này lại là nơi Đức Chí Tôn ngự và Giáo Tông đến thông công với vô vi.

“Do để giữ quyền Thiêng Liêng nên mới có 12 vị Thời Quân, Thập Nhị Địa Chi, tức là cảnh Thiêng Liêng vô hình của chúng ta. Tôi tưởng tất tòng tôi đã làm trọn và làm nơi cõi vô hình. Ngày kia về thiêng liêng các bạn sẽ thấy hình tối đại tôi thiếu. Phận sự tôi đối với các bạn nó có thâm tình vô hạn, vì đồng tâm, đồng chí, một mục đề xướng cả thầy đều nghe chịu một hoàn cảnh, Bản Đạo làm không hết, số là tại Bản Đạo và các bạn Hiệp Thiên Đài đã hứa với Chí Tôn” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1, bài 9].

Đối với sử dụng phạm trần, Hội Thánh Hiệp Thiên Đài mang trọng trách lập pháp và tư pháp, đi trong khuôn viên đã định, đề gìn giữ mỗi đạo truyền lưu thất ức niên.

Đứng đầu Hội Thánh Hiệp Thiên Đài là Hộ Pháp, tả hữu có Thượng Phẩm Thượng Sanh phụ tá. Cơ quan có chia làm ba Chi, Chi Pháp do Đức Hộ Pháp chưởng quản, Chi Đạo do Đức Thượng Phẩm chưởng quản, Chi Thế do Đức Thượng Sanh Chưởng Quản. Ngoài ra, có Thập Nhị Thời Quân được chia đều ba Chi để hỗ trợ. Khai Pháp, Hiến Pháp, Tiếp Pháp, Bảo Pháp thuộc chi Pháp. Khai Đạo, Hiến Đạo, Tiếp Đạo, Bảo Đạo thuộc chi Đạo. Khai Thế, Hiến Thế, Tiếp Thế, Bảo Thế trực thuộc chi Thế.

Sau này có các cơ quan khác dưới quyền lãnh đạo của Đức Hộ Pháp cùng quyền năng thiêng liêng lập ra. Hàn Lâm Viện gồm 12 vị học sĩ là Bảo Huyền Linh Quân, Bảo Thiên Quân, Bảo Địa Lý Quân, Bảo Học Quân, Bảo Cô Quân, Bảo Sanh Quân, Bảo Phong Hóa Quân, Bảo Văn Pháp Quân, Bảo Y Quân, Bảo Nông Quân, Bảo Công Quân, Bảo Thiên Quân để bảo tồn văn hóa Cao Đài và thực hiện những sứ mạng phát huy trong nền Đại Đạo.

Hội Thánh Hiệp Thiên Đài còn lập ra 08 phẩm Chức Sắc Hiệp Thiên Đài tiểu cấp là Luật Sự, Sĩ Tải, Truyền Trạng, Thừa Sứ, Giám Đạo, Cải Trạng, Chương Ấn, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn để gánh vác thêm công việc của Thập Nhị Thời Quân thi hành nhiệm vụ Pháp Chánh Đại Đạo.

Để mở rộng trường thánh đức cho con cái của Đức Chí Tôn lập vị, Hội Thánh Hiệp Thiên Đài còn lập Ban Thế Đạo nhằm chiêu hiền mộ sĩ. Dẫu người tài thuộc văn hay võ khi vào đạo, sẽ được mùi Đạo thâm nhiễm mà trở thành những người phụng sự đắc lực cho Hội Thánh Hiệp Thiên Đài nói riêng, Hội Thánh Đại Đạo nói chung. Ban Thế Đạo gồm 04 phẩm, Hiền Tài, Quốc Sĩ, Đại Phu, Phu Tử trực thuộc quản lý của chi Thế.

Phạm Môn là một cơ quan khá đặc biệt do Đức Hộ Pháp lập ra do theo Thánh Ý Đức Chí Tôn, là cửa tu chơn dành cho toàn thể sanh chúng, không nương áo mũ, hình tướng, chỉ chú trọng vào tạo ra của cải

vật chất nuôi đạo và đời và chú tâm vào con đường tâm pháp **tu chơn** mà thôi. Tuy nhiên, do những yếu tố thời cuộc mà cơ quan này đã trở thành tiền thân của **Hội Thánh Phước Thiện** với “thập nhị đẳng cấp thiêng liêng” gồm Minh Đức, Tân Dân, Thính Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện, Chí Thiện, Đạo Nhơn, Chơn Nhơn, Hiền Nhơn, Thánh Nhơn, Tiên Tử và Phật trực thuộc chi Đạo thống quản.

Hội Thánh Phước Thiện do một vị Thời Quân chi Đạo quản. Các phẩm Minh Đức, Tân Dân, Thính Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện, Chí Thiện, Đạo Nhơn, Chơn Nhơn thì lo cứu khổ ban vui khắp trong Đạo lẫn bên ngoài Đạo để làm mô phỏng cho toàn thể nhơn sanh thấy được giá trị cây cờ nhơn nghĩa. Các phẩm Hiền Nhơn, Thánh Nhơn, Tiên Tử và Phật lại thuộc Hiệp Thiên Đài để thi hành phận sự bảo tồn chánh pháp Đại Đạo. Hội Thánh Phước Thiện lại có Cửu Viện như Cửu Trùng Đài, mỗi viện có một vị Thượng Thống đứng đầu điều hành viện đó.

Hiệp Thiên Đài còn có Tòa Đạo, là cơ quan xét xử những Chức Sắc và Tín Đồ phạm luật Đạo, bảo thủ chơn truyền, gìn giữ luật pháp của nền Đạo, chăm nôm từ tín đồ và Chức Sắc không phạm luật, lại chở che và bảo vệ những người cô thế không cho bị ức hiếp, là một cơ quan hỗ trợ làm cho Hành Chánh, Phước Thiện, Phổ Tế mạnh mẽ thêm lên.

Tóm lại, Hội Thánh Hiệp Thiên Đài mang nhiều trách vụ quan trọng, là cơ quan lập pháp, cơ

quan tư pháp, bảo thủ chọn truyền Đại Đạo, ban vui cứu khổ, thi ân tế chúng quảng đại, phổ thông chọn đạo chung trong vai trò của Hội Thánh Đại Đạo.

▪ **Hội Thánh Cửu Trùng Đài.**

Đây là cơ quan tượng cho “Tinh” của Đạo tức là phần xác, cơ quan hành pháp, thực hiện cơ phổ độ của Đức Chí Tôn.

Về cơ cấu, Đức Chí Tôn lấy diệu pháp Tam Giáo biểu hiệu mà phong tước trong thời kỳ tịch đạo Thanh Hương. Đức Chí Tôn chọn Nhứt Phật-Giáo Tông, Tam Thiên-ba vị Đầu Sư, Tam Thập Lục Thánh-36 vị Phối Sư, Thất Thập Nhị Hiền-72 Giáo Sư, Tam Thiên Đồ Đệ-3.000 Giáo Hữu.

“Diệu pháp Tam Giáo” tức là Ngài thị hiện trong ba màu sắc phục của Chức Sắc. Phái Thái bận áo vàng thuộc Phật, Phái Thượng áo xanh thuộc Tiên, Phái Ngọc áo đỏ thuộc Thánh. Tuy phân ra Phật-Thánh-Tiên chớ quyền hành và phẩm tước như nhau. Theo tịch đạo, nam lấy chữ “Thanh” nên có Thánh Danh rõ. Ví dụ, ông A được Thiên phong Giáo Hữu phái Thái, Thánh danh là Thái A Thanh.

Cửu Trùng Nữ Phái không chia theo “Tam Thanh”, đạo phục toàn hàng trắng hết. Thánh Danh theo tịch đạo, lấy chữ Hương. Ví dụ, bà A thọ thiên phong phẩm Giáo Hữu, có thánh danh là Giáo Hữu Hương A.

Tổng luận, Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Thánh Thể tại thế của Đức Chí Tôn. Ai đứng vào hàng Thánh Thể, đó là một vinh hạnh to lớn, hồng ân thiên điển chiếu soi mà phải thi thố vai trò trách nhiệm hết sức để tô điểm màu sắc Đại Đạo cho thiết tướng. Hội Thánh là một tổ chức kiện toàn, hoạt động theo khuôn mực Luật Pháp. Luật thì có Tân Luật, Pháp thì có Pháp Chánh Truyền do quyền năng Bát Quái Đài phê chuẩn.

10. Đạo Cao Đài theo tôn chỉ dung hòa, lấy tính chiết trung làm mối.

Loài người đến với nhau bằng phương pháp so sánh nên tạo ra sự cao thấp và phân loại bằng cái nhìn nhị nguyên luận. Từ đó, người ta chỉ thấy các giáo pháp dung chứa các điểm bất đồng quan điểm, phân biệt rõ rệt các học thuyết của các tôn giáo.

Đạo Cao Đài đến để giáo hóa chúng sanh thực thi tình bác ái, phục thiện, nhìn nhận Đức Thượng Đế là Đấng Tạo Đao ra càn khôn vũ trụ, là Chúa của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật và muôn loài. Hơn thế nữa, Cao Đài giáo lại thực hiện thuyết “**qui nhất**”, nên tự thân Đại Đạo Tam Kỳ phải nêu rõ tính “**đồng nhất**”, “**dung hòa**” và “**chiết trung**” của các tôn giáo.

▪ ***Về tôn chỉ.***

Nho Giáo dạy làm lành, lánh dữ, hành thiện, phải đủ nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Việc chi mình không muốn thì mình cũng chẳng thể nên làm điều ấy đối với người. Nên Nho Gia có câu “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân”. Trong Thiên Chúa giáo, Đức Chúa Kito dạy “Đừng làm cho kẻ khác điều gì mà các ngươi không muốn người ta làm cho mình”. Cả hai chủ thuyết của hai giáo chủ Thánh Giáo có đồng quan điểm về đối nhân xử thế. Khổng Giáo cũng dạy rằng việc gì mình muốn thành thì cùng phải muốn người thành, việc gì mình muốn đạt thì cũng muốn cho người đạt. Gốc đạo là **lòng Nhơn** theo thiên tánh bố hóa mà thi hành, ứng xử, giữ nếp đạo.

Tiên Giáo dạy phải sống đạo đức, thuận vô vi, tức là bản tánh tự nhiên do Đạo bố hóa. Đạo là Trời, Trời luôn muốn con người sống thiện, giữ nét thanh tao, trau hạnh đức cho trọn lành.

Phật Giáo dạy phải từ bi, hết lòng thương yêu tha nhân. Nhận cái chân thật của tứ diệu đế là sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ mà hiểu cuộc đời vô thường, rồi quyết dựa vào định thuyết của tự nhiên mà sống, sống phù hợp với luật nhân quả. Biết gieo nhân thì gặt quả, lấy vật chất làm của thì của sẽ mãi rời xa, nên lấy phước đức làm của thì của sẽ theo ta vạn đời. Vì vậy mà rõ cái giả cảnh, trường mộng ảo, quyết nương theo quy luật thiên nhiên để tấn hóa.

Nếu Phật Giáo dạy thuyết nhân quả báo ứng, coi là căn bản đề điều chỉnh hành vi hầu bảo trọng,

thương yêu muôn vật, cứu khổ vạn loại thì Tiên Giáo cũng dạy sống theo “tự nhiên”, có cảm ứng với Thiên Nhiên mà tô điểm lòng thanh sạch, trọn thiện và Thánh Giáo Kito dạy “*Ai sử dụng đao kiếm sẽ chết về đao kiếm*”, Khổng Giáo lại dạy “*chương đức đậu, chương hoa đức hoa*”. Tựu chung, các đạo đều nói về lòng nhân, luật nhân quả, đề xướng chủ nghĩa thương yêu mà **chưa hề phản khắc** về nội dung. Ngoại dung tuy khác cách biểu tả, yếu vẫn đồng đẳng về lý và pháp.

▪ **Về tâm pháp.**

Như đã trình bày, các tôn giáo hiện hữu mặt thế là do quyền năng cứu độ của Đấng Chí Tôn nên có các Đấng Giáo Chủ tình nguyện xuống thế để lập giáo, dẫn dắt chúng sanh đi vào con đường đạo đức, tu hành trở về cội nguồn vô vi. Cho nên, các tôn giáo vốn không mâu thuẫn mà còn mang tính tương đồng nhất quán về tâm pháp. Về **thế đạo**, Tam Giáo chủ trương đời sống thiện lành, đạo đức, khuôn mẫu bằng cách thương yêu tha nhân, tòng thiên lý. Về **thiên đạo**, Tam Giáo lấy “tâm” và “tánh” làm gốc cội để hướng dẫn môn sinh đi vào tâm pháp.

Phật Giáo chủ trương “minh tâm kiến tánh”, Tiên Giáo chủ trương “tu tâm luyện tánh”, Thánh Giáo dạy “tồn tâm dưỡng tánh”. Cả Tam Giáo đều chủ trương về việc trau giồi **Tâm** và **Tánh**. Do vậy, đạo lấy gốc là tâm, lo hàm dưỡng tâm tánh cho sáng suốt. Phật Tánh hay Thánh Tâm hoặc Linh hồn và

nhiều danh từ khác, đều ám chỉ một thực thể duy nhất. “Minh Tâm”, “Tu Tâm”, “Tồn Tâm” là để cho tâm trong suốt mới đạt đến sự viên ngộ, đắc pháp. Tâm ấy như những bông sen phá vỡ những lớp bùn nhơ, vươn lên hứng nắng mặt trời để trong trẻo, tươi đẹp giữa ánh bình minh. Tâm như mặt trời bị những áng mây che phủ, và con người đều có một điềm linh quang, ấy là tâm, phải gạt bỏ những tạp niệm vô minh, thuận ngã, vô nhất vật thì ánh mặt trời lầu lầu tỏ sáng chân thật, tâm cũng bừng sáng như hòn ngọc đã lau chùi sau khi “luyện tánh, dưỡng tánh”, tức là đạt đến kiến tánh, là thấy tánh thật. Cả Tam Giáo vẫn dạy như nhau, cốt lõi vẫn “gìn” tâm đến ngày liễu quán.

Tam Giáo cũng dạy rằng cái bản thể con người có cùng một cội. Không Giáo nói “*Tất cả các loài hàm linh đều có một điềm thái cực*”. Lão Giáo coi Đạo là bản thủy vô cùng, vô tận. Phật Giáo coi Phật Tánh có một cái Chơn Thể bất di bất dịch nên được gọi là Chơn Như. Tất cả các danh từ và khái niệm tuy khác biệt trên văn tự nhưng đều chỉ chung cái Thể duy lý ấy, ấy là **Đạo, nguồn gốc của càn khôn vũ trụ**.

11. Đạo Cao Đài mang tính chất Nhập Thể-Xuất Thể.

Đạo Cao Đài phải đảm bảo con đường tu thân của môn đồ, vừa **xử kỷ tiếp vật**, vừa phải **xuất thể**. Xử kỷ tiếp vật là phương pháp xử thế trong nếp sống hằng ngày, kiến lập một trật tự quân bình, tự chủ áp dụng **luân lý** và **triết lý** Đại Đạo vào đời để làm cho

gia đình, xã hội, quốc gia và toàn nhơn loại đến một giá trị đại đồng. Luân lý Đại Đạo giúp nhơn sanh chỉnh tạo, cân đối lại hành vi. Triết lý dạy đạo pháp, còn dạy con người biết khách trần, quán trọ, biết xem thường hư danh, ảo ảnh cuộc đời, xem thường vật chất, chú trọng vào tinh thần, tâm linh.

Về vấn đề nhập thế và xuất thế, người cho rằng Đạo Cao Đài là Đạo xuất thế, người thì cho là nhập thế. Thực sự, nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phải mang cả hai giá trị xuất thế và nhập thế, mới mong cứu độ sanh chúng theo ngọn cờ cứu khổ của Đức Chí Tôn trong thời kỳ đại ân xá.

Nếu chỉ nhập thế, đó là nền chơn giáo hạ thừa. Nếu chỉ hàm chứa tính chất xuất thế, cơ phổ độ không thể hoàn thành trách nhiệm, sứ mạng cứu độ phổ quát đối nhân loại hoàn vũ. Chu trình tấn hoá không ngừng của quả địa cầu 68 theo bánh xe vận chuyển nay đã đến Hạ Ngươn Tam Chuyển, bước qua thời kỳ Thuần Nghiêu là Thượng Tứ Chuyển.

Đức Chí Tôn là nguồn sống của vũ trụ, sản sinh ra vạn loại trong càn khôn thế giới, lấy yêu thương mà lập mối Đại Đạo. Ngài định **luật Thương Yêu** và **quyền Công Chánh** làm nền tảng cho con cái Ngài lập vị. Ngài qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi để giúp con cái gom tụ trong mái nhà Đại Đạo hầu giục tấn, phản vồn hườn nguyên, thoát sinh tử luân hồi.

Chúng ta đã thấy Thể Pháp tượng lý Âm Dương là Trống Lôi Âm, Chuông Bạch Ngọc sừng sững, tức là hai năng lực sinh khí bản nguyên tạo ra vạn loại. Đây bản nguyên cơ bản của Trời Đất để hình thành căn khôn vũ trụ, vạn vật. Từ Thể Pháp hữu tượng ấy, nó dẫn dắt chúng ta đi vào Bí Pháp vô vi mâu nhiệm, bởi trong chính nền Chánh Giáo này, Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu ban cam lộ gội rửa Chơn Thần chúng sanh cho trong sạch mà hội hiệp tương thông cùng Chơn Linh.

“*Ngọc Hư Báu Cổ*” là minh chứng rõ về diệu dụng Xuất Thế của Cao Đài giáo, nghĩa là luật Thiên Đình buộc cải sửa và con cái Đức Chí Tôn hội hiệp trong cửa Đạo mà lập vị thiêng liêng cho đến cùng tận. Để xuất thế, đạo phải có hệ tín ngưỡng và phương pháp tu hành. Tín ngưỡng Đại Đạo hướng con người nhìn nhận Đấng Chí Tôn là Đấng Chúa của muôn loài, là bản nguyên của Trời-Đất, nhìn nhận linh hồn sẽ đào độ tảo hóa mãi mãi cho đến trọn khiết, nhìn nhận luật nhân quả là luật công bình thưởng phạt.

Phương pháp tu hành của Đại Đạo hướng dẫn con người phải Tam Lập, phổ độ chúng sanh, lập công bồi đức để giết tiến trên con đường thiêng liêng hằng sống không cùng tột, phải giữ trai giới, hàm dưỡng tâm tánh, và lấy tâm làm cội để tu luyện cho đến minh kiến. Dầu xử kỷ tiếp vật hay xuất thế, người Cao Đài vẫn giữ cái yếu chỉ là **bác ái** và **lòng chí thành**.

12. Xã hội đại đồng và cứu cánh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

▪ Xã hội đại đồng.

Chủ thuyết xã hội đại đồng là một học thuyết vô cùng khó khăn trong buổi văn minh vật chất lấn át tinh thần con người, làm chủ loài người, đưa chúng ta vào một cục diện nan giải. Triết lý của Đấng Chí Tôn khai Đại Đạo bằng phương cách “**qui hiệp**” để tạo lập đến ước vọng đó.

“Thoảng ngày kia toàn Đạo biết thương yêu nhau như ruột thịt, toàn quốc dân Việt Nam hiệp một, thì hột giống đại đồng thế giới mới mong gieo rắc khắp nơi, gây dựng tạo thành nền móng vĩnh cửu, bằng chẳng thì các phương pháp khác chỉ sẽ là vô ý thức mà thôi” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1 bài 24].

Đức Chí Tôn hằng nói đến tạo đạo để cứu khổ chúng sanh, đạo mở sớm một ngày thì cứu sớm một ngày. Thời kỳ nhân loại đương sông là khoảng thời gian chung khảo, đậu rớt phân màn. Đạo Cao Đài là một cơ quan Đại Đồng Thế Giới. Nên Đức Hộ Pháp có thuyết giảng thêm, nếu đậu thì ra khỏi cảnh đau thảm, bằng chẳng vậy thì rớt nên sẽ ở lại làm Thần Thông Nhon.

Đức Hộ Pháp cũng cho hay con người có thể tiếp cận nguồn văn minh Đại Đạo của Đức Chí Tôn là một ân lành, và chính chúng ta là những **hột giống lành** làm căn bản cho cội hạnh phúc hòa bình đại

đồng thể giới. Vì vậy, người môn sinh Cao Đài phải biết quý trọng ân hồng của Đấng Chí Tôn chan rưới mà gìn giữ Đạo nghiệp, bảo tồn Đạo Pháp Đại Đạo theo **luật pháp**, bảo bọc, thương yêu nhau nồng nàn cho đến vô cùng tận. Cái ảnh hưởng rộng sâu đến tình trạng đại đồng là tình thương yêu nhau.

“Ngày nay cả toàn cầu thiên hạ đã chịu thống khổ nên hằng xem chúng mình là giống lành thiêng liêng Chí Tôn đã lựa chọn. Nhận định là mầm chồi hạnh phúc chung thì khối thương yêu vô tận này, bằng ngòi viết không thể tả được. Ảnh hưởng cao trọng tuyệt đối của sự thương yêu là đó, mấy em tìm hiểu mà tạo lấy” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1 bài 25].

Những chiến binh Cao Đài không những tín ngưỡng mạnh mẽ nơi quyền năng thiêng liêng của Đấng Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, nguyện cầu cho quốc thái, dân an, thế giới đại đồng mà phải là những người gương mẫu thực hành chủ nghĩa thương yêu, tạo cây cờ **Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa-Đại Đồng** khắp nơi, gieo hạt giống bồ đề mọi nẻo. Nhân loại đã áp dụng triết thuyết thế giới đại đồng rồi trước đây nhưng bất thành. Ngài nay, Đạo Cao Đài đến để làm cho hiện tượng, thành tựu.

“Chí Tôn đến mới nói đại đồng thế giới đã làm rồi, nhưng không thành, Chí Tôn đến làm cho thành, đem nhơn loại qui một bốn nên mở Đạo Cao Đài làm nguồn cội. Thượng Ngươn là Ngươn của Phật, Thánh trị không được thì Phật đến độ rồi, cũng như hễ có

người nghiêm khắc thì có người nhờn từ, hễ trị không được thì cũng có thể dõ dành khuyên lơn mới được, nên Ngươn Tứ Chuyển đúng theo chơn pháp thuộc về của Phật đó vậy” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 1 bài 35].

Vì thế, nên Đại Đạo mở ra để thực hành thuyết thế giới đại đồng. Người tín hữu Cao Đài là một phần tử trong sứ mạng ấy, ít nhiều chịu ảnh hưởng tâm lý, tinh thần và trách nhiệm để tô vẽ những nét cọ làm bức tranh ấy trở nên đẹp đẽ và thành tựu. Như thế, đó sẽ làm đẹp dạ, đẹp lòng Đức Đại Từ Phụ lắm vậy.

“Đại Đồng là hiệp một loại vật. Vậy đại đồng tiến hóa do căn bản nơi đâu mà có? Dám chắc hỏi đại đồng là gì? Không ai giải nghĩa được. Đại đồng là đồng sanh tức nhiên là chúng sanh đó vậy. Ai đã đồng sanh với ta là bạn, là anh em của ta. Bởi các vật hữu hình thọ quyền năng vô tận vô biên của Chí Tôn, đến thế gian với một mạng sanh, tức là đồng sanh, dầu vật loại, côn trùng, thảo mộc, thú cầm hiệp với loài người là chúng sanh, tức nhiên là bạn đồng sanh cả thấy. Hễ đồng sanh ta phải nhìn nhau là anh em trong lòng Chí Tôn mà sản xuất, vì nhà Phật cấm ta không đặng sát hại sanh vật, vì là bạn đồng sanh của chúng ta” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1 bài 45].

Thuyết duy vật hướng con người đến trạng thái hình vật. Duy tâm là thuyết hữu thần, định con người tương quan đến Đấng Chí Tôn. Nếu duy vật tạo ra nhân tài thì duy tâm tạo ra thiên tài. Đại Đạo cần những thiên tài có lòng bác ái và chí thành. Thuyết đại

đồng thiên hạ thành tựu chỉ trong tay chủ thuyết duy tâm mà thôi. Hơn nữa, con người phải là những “thiên tài” trong lòng Đấng Chí Tôn, chung tay, yêu ái như loại trong tình anh em ruột thịt, một máu mủ, một ruột thịt, một tôn giáo. Nếu chẳng có **một quốc gia, một nòi giống, một tôn giáo** thì thế giới đại đồng là điều viễn mộng. Đức Hộ Pháp khẳng định điều này trong bài thuyết đạo số 45:

“Chí Tôn đến với loài người, Ngự Mã Quân của Ngài sợ sệt Ngài xuống trần phải nguy hiểm. Ngài đến tạo cho loài người một quốc gia, một nòi giống, một Tôn Giáo. Nhưng Ngự Mã Quân của Ngài không muốn cho Ngài đến, nên thay Ngài đến làm cho ba điều ấy thành tựu nên hình. Nếu ba điều ấy thành thì đại đồng thế giới thành. Nếu ba điều ấy không thành, thì đại đồng thế giới là thuyết vẫn còn trong vòng mơ mộng” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1].

▪ **Cứu cánh.**

Đại Đạo đến dung hợp tâm lý loài người, kiến lập lại mọi trật tự tín ngưỡng cho thuần nhất, tránh mọi tính cách phân chia theo phạm ý. Ấy cũng là lòng đại bi của Đấng Chí Tôn ban rưới để đáp ứng sở vọng phạm tâm của con người. Đó là một nét **cứu cánh Đại Đạo** mà Cao Đài giáo đã thực hiện và sẽ thực hiện theo cơ quan chánh trị càn khôn thế giới, tức là nơi điều hành của Bát Quái Đài.

Đạo khai cốt để mở **cửa thiên môn** đón rước con cái Đức Chí Tôn quy hồi. Nên giáo pháp phải đủ phương pháp cứu cánh cho loài người tu hành, từ ác trở về thiện, từ luân hồi vay trả cho đến sạch nghiệp, từ trong sạch cho đến thoát khỏi bến đò sanh tử, tức là thung dung nơi miền thiên thai lạc cảnh, trở về nước hằng sông. Đạo Cao Đài do chính Đấng Chí Tôn khai mở, nên những diệu dụng của tôn giáo phải khả dĩ đáp ứng những ước vọng Đức Đại Từ Phụ theo lòng đại bi của Đấng Cha Lành. Đạo hướng dạy con người tường thấu các lẽ cơ bản:

- **Luật tân hóa.**

Vạn vật được sáng tạo và vận chuyển theo quy luật tân hóa không ngừng. Đó là thiên lý chi phối cả càn khôn vũ trụ, không riêng lẻ cho một đối thể nào. Vật chất cũng tân hóa trong nguyên tắc “**bát hồn đào độn**”, tinh thần cũng thay đổi cho đến trọn thanh, vô trước, trở về chân, thiện, mỹ phù hợp với cơ quan tạo đoan của Đức Thượng Đế.

Vật chất cũng thay đổi theo thời gian vì có “cái linh” của Thượng Đế trong ấy, tới cỏ cây, thú cầm đều là sự sống thọ bẩm cái “căn” của nơi Đấng Chúa Tể. Dầu ta thấy “phơi gan tuế nguyệt” nhưng kỳ thực, các điển tử trong vật chất đang biến động để thay đổi sự tân hóa của nó. Thú cầm cũng mang sự sống, nơi nào có sự sống thì nơi ấy có Đức Chí Tôn và nó cũng vận động theo bản năng nhưng luôn luôn đào độn để tân hóa. Đến con người, sự trải nghiệm, vật lộn trong cõi

thanh trực hỗn hợp này đã tạo ra trí khôn và kinh nghiệm tâm linh nào đó để phát huy cái sống, chuyển hóa tâm thức và hành động để phù hợp với thiên lý. Cho nên, tổng thể mọi sự động là đi theo **luật tấn hóa**.

- **Duy thể.**

Từ ngôi Thái Cực, Đấng Chí Tôn phân tán, tạo lập càn khôn và vạn vật. Nên Đức Chí Tôn là Chúa, là Cha của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật và tất cả vạn hữu. Nếu không có Đức Chí Tôn, sẽ không có chi trong càn khôn. Và chắc chắn có hai chữ “càn khôn”, không có loài người để gọi hai tiếng “càn khôn”. Cho nên, vạn hữu chính là cơ thể sống của Đấng Thượng Đế và phú bẩm một “**tinh lực**” của Ngài.

Ngoại thể phân chia màu sắc, thị tướng, pháp tướng, thanh trực khác nhau do sự tấn hóa mà ra nhưng nội dung vẫn có cùng một bản nguyên, đi từ một nguồn cội **duy lý**, tức là Đấng Chí Tôn. Người tôn giáo cổ súy chủ nghĩa duy tâm thì phải hiểu rõ quy luật tạo đốn của cơ quan càn khôn. Hiểu rõ để khỏi lầm lạc, không chấp ngã tướng. Cái sai lớn nhất của loài người là chấp vào cái “tôi”, tự cho mình khôn ngoan, lấy cái vị kỷ cá nhân mà sống, trái với tôn chỉ của tôn giáo là “xử kỷ tiếp vật” của Lão Giáo.

Nếu hiểu đặng tính chất **duy thể** hay duy lý, vạn vật có cùng một thể tánh thì không phân chia cao thấp, hòa đồng, nâng đỡ, thương yêu, bảo trọng lẫn

nhau trên con đường tấn hóa. Ấy là trí, ấy là đạo nhơn, là thực hiện được chủ nghĩa duy lý theo tôn giáo. Bởi vì cái “ta” của đại thể thì người người buông xả, hoan hỷ, không biết cái ta nào là cái ta nào, chỉ biết **cái ta duy nhất** mà thôi. Người hành giả đi theo triết lý Đại Đạo là môn sinh đã thuận bỏ việc chấp trước, chấp sau, để tâm tùy duyên thiên lý, để đến trạng thái hư tĩnh, chẳng phóng tâm theo ngoại duyên.

Những bậc hiền nhơn là người đã tỏ thông lý nhất thể, nên thường “cách vật trí tri”, lấy thuyết trung dung, điều hòa mọi thất tình lục dục, hành động vị tha, thương yêu vô tận. Nên con đường của các vị ấy đạt đến chỗ cao thượng, thanh khiết, chẳng hề bị ngoại vật chi phối, làm chủ mọi việc. Tỏ rõ lý nhất thể trong đời sống, tạo ra một tâm thế sống tự tại và trung hòa, đạt được một sự tĩnh tâm đáng giá mà con người khao khát, ấy cũng bởi các vị ấy thừa nhận “vạn vật đồng nhất thể”.

- **Công quả.**

Công quả tức là con đường phụng sự cho lý tưởng chung, cho một cá nhân, một đoàn thể, cộng đồng, xã hội, đem lại lợi ích nhất định. Theo nghĩa của Cao Đài giáo, con đường của môn sinh phải thực hiện là “phổ độ”. Đức Chí Tôn đã nói Ngài lập trường thi công quả cho con cái Ngài đoạt vị. Nên công quả là việc làm tác động đến **cơ quan phổ độ của nền Đại Đạo Tam Kỳ.**

Từ trí thức tinh thần, từ hạ đẳng thô học cũng có thể dụng công quả theo nếp sống Đại Đạo. Hễ sẵn lòng, chí thành, quy “Phật”, tín ngưỡng mạnh mẽ nơi năng lực thiêng liêng, nhập vào trường công quả của Đấng Chí Tôn thì có thể dâng công quả để tương công, chiết tội, tạo lập **đức vô vi**.

Người có lòng phụng sự, lập công thì dù ở địa vị nào cũng vững lập trường mà sống trong **tâm pháp lương hòa**, trung dung. Cái trí khai hóa con người có thể giúp ích cho người, đào tạo tâm lý con người nhưng lòng tự phụ, bản ngã khư khư thì chẳng khác nào chướng ngại trên hành trình. Đức Lý Giáo Tông vô vi dạy rằng:

“Kinh sách đầy đầu chưa thoát tục, đơn tâm khó định lấy chi mong”.

Thông kinh, lão kệ nhưng tâm chưa được điều chỉnh của người chân tu thì chẳng mong chi. Dầu người thô thiển, thô kệch ít học, dốt nát mà lòng ngay thẳng, tinh thần đầy đủ, chí tâm cứu cùng tận tụy lo cho người chén cơm, manh áo, thương yêu đồng loại như ruột thịt. Nếu lấy phép so sánh giữa hai trường hợp thì sự việc ra lẽ nào. Nên, **con đường công quả phụng sự phổ độ là con đường chung cho toàn thể**, lấy chủ nghĩa Duy Thể mà cống hiến với tâm vô cầu, vô ngã.

- *Cơ phổ độ của Đấng Chí Tôn.*

Mặt luật tấn hóa của loài người phải kể đến vật chất. Từ **vật chất**, phải trải qua muôn ngàn kiếp mới biến đổi qua trạng thái vật chất ấy và cứ như thế tấn hóa lên thú cầm. Điểm linh của **thú cầm** cũng phải chịu như thế, trải qua muôn ngàn kiếp để lên địa vị con người. Loài người cũng phải học hỏi, học khôn, trải qua thanh trọc để dự thi vào cơ tấn hóa, qua thăng trầm trăm ngàn kiếp mới đạt được địa vị con người **Nhơn Phẩm**.

Tuy nhiên, Đức Chí Tôn nói bậc tối thượng của quả địa cầu 68 không bằng hạng chót quả cầu 67. Bậc tối thượng quả cầu 67 không bằng hạng chót quả cầu 66. Tu sao cho trở về địa cầu thứ nhất, qua Tam Thiên Thế Giới, Tứ Đại Bộ Châu, Tam Thập Lục Thánh rồi mới về tới Bạch Ngọc Kinh. Đàn cơ Đấng Chí Tôn giảng dạy năm 1927:

“Thầy đã lập Đạo nơi cõi Nam này, là cốt để ban-thưởng một nước từ thuở đến giờ hằng bị lăm con thanh-nộ của Thầy. Thầy lại tha-thứ, lại còn đến ban thưởng một cách vinh diệu Từ tạo Thiên lập Địa, chưa nước nào dưới quả địa-cầu 68 này đặng vậy. Cốt để ban thưởng các con, thì các con hưởng phần hơn đã đáng, lẽ nào Thầy đã để phần nhiều cho các nước khác sao” [TNHT, Q.2].

Như vậy theo Thánh Giáo trên, đất nước Việt Nam đã từng trải qua những khổ ách do luật hơn quả vay-trả, đã chịu lăm phong sương. Nhưng ngày nay, Đức Thượng Đế đã tha thứ, ban thưởng quốc gia nhỏ

bé, tạo nên đạo vinh diệu là Đại Đạo. Theo đó, đất nước Việt Nam đồng nghĩa được giao **sứ mạng tiếp nhận văn minh tôn giáo** và **hoàng hóa để cơ ân xá cứu độ của Đức Chí Tôn** đến hoàn vũ.

Cơ Tạo Đoan là vậy, được sanh hóa thì phải tấn hóa mới trở nên thuần mỹ. Ngoài được Đức Chí Tôn khai hóa tinh thần triết lý tân kỳ, Đức Ngài còn cho phép nhen loại “**tu nhứt kiếp, ngộ nhứt thời**”. Ấy là thưởng, là cứu rỗi và tận độ của Ngài nơi quả địa cầu 68 này.

- ***Bền chí và khổ công tu tập.***

Đạo Trời không phải dễ tìm, dễ kiếm, dễ cầu. Không phải nhập môn, cúng kiếng là chứng đắc. Luật dinh hư tiêu trường, vô thường, những cơn khảo thí là trường khảo đảo cho người tu. Đã đứng vào hạng tam tài trong trời đất, lại hưởng ân huệ của Đức Thượng Đế đến cứu rỗi bằng nguồn đạo trong diệu quang Tam Giáo. Chúng ta phải biết trân trọng, biết chìm về cõi, nước tách nguồn, kiếp phù dung như khách trần đi qua quán trọ. Nên muốn vào trường thánh đức của Đức Chí Tôn và để phận sự hoàn toàn, phải bền chí, khổ tâm, đời là những chuỗi quanh co, rõ tuồng đời âm lạnh, tránh mọi điều lằng xằng, xạo sự, mền phú quý vinh hoa, mê về cân đai áo mũ mà thất thế.

“Mỗi bậc phẩm đều đặng một vai tuồng của Đấng cầm quyền thế-giới ban cho; dầu thanh cao, dầu hèn hạ cũng phải gắng làm cho rỗi trách nhiệm,

hầu buổi chung cuộc, hôn lià cõi trần, đặng đến nơi khởi hành mà phục hồi công cán; ai giữ trọn bậc phẩm thì đặng toà ngiệt-cảnh tương công chiếu tội, để vào địa vị cao hơn chốn Địa cầu 68 này; ai chẳng vẹn trách nhiệm nhơn sanh, phải bị đọa vào nơi u-minh-địa, để trả cho xong tội tình căn quả cho đến lúc trở về nẻo chánh đường ngay mà phục hồi ngôi cũ; bằng chẳng biết sửa mình thì luật Thiên-điều chông-chập, khổ A-Tỳ phải vướng muôn muôn đời đời mà đền tội ác. Bậc nhơn-sanh vì đó mà phải chịu thiên niên chìm đắm vào số luân hồi; vay trả, trả vay, căn quả chẳng bao giờ tiêu đặng. Các bậc Thần Thánh nếu chẳng biết mới Đạo là phương châm tìm nguồn trong rửa bợn tục, thì biển khổ trần này cũng khó mong thoát đặng” [TNHT, Q.1].

Trời Nam đã đặng hưởng một **yết sáng** của Đấng Đại Từ Bi để dẫn khách lần lần qua những chỗ hắc ám, vô minh, diệt dần đời bại, mê lầm, làm lạnh, lánh dữ, lo tô công bồi đức, un đúc tinh thần cho tráng kiện, giữ tâm thanh tao, vun nền âm chất, lấy giả đổi chơn, thiết hành chủ nghĩa cao trọng của Đại Đạo, dựng cờ **Nhơn Nghĩa**. Gạt phàm tâm, phát huy thánh tâm, lau chùi ngọc cho sáng trong, thương yêu vô tận để treo gương **Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa**.

Dấu sống trong lòng thương yêu vô biên của Đức Chí Tôn, hưởng cơ mầu nhiệm phổ độ, nhưng chúng ta phải hết lòng phụng sự, bền chí, soi gương, khổ công tu tập, nương áo nâu sòng mà tránh biển mê,

dụng hạnh đức làm nấc thang tấn hóa, chịu nhọc nhằn mà làm khách u nhân thung dung tự tại. Đã rõ Đạo Trời đến nẻo đời phong ba, đường thánh ắt dẫn khách trần qua bến tục, **chịu gian truân tô điểm Đại Đạo** để hưởng giọt dành dương của Đức Đại Từ Phụ.

- **Gìn giữ giới luật Đại Đạo.**

Giới luật là những quy định đảm bảo trật tự đều hòa trong việc hành đạo của nền Đại Đạo. Vì Cự Luật không còn thích nghi với cơ tấn hóa hiện hành, Đức Chí Tôn cho phép lập Tân Luật và ban Pháp Chánh Truyền cho nhơn sanh hầu có phương định vị và phép tắc thi hành.

Tân Luật do Đức Lý Giáo Tông hội hiệp chư Thánh lập thành và dâng lên Đức Lý, Đức Ngài lại xin Đức Chí Tôn bỏ khuyết những điều cần yếu. Khi bộ Tân Luật chính thức hoàn thành, dâng lên Đức Chí Tôn, Đức Chí Tôn phê chuẩn, nên luật ấy trở thành **Thiên Luật**. Đạo Cao Đài có hai Thiên Luật tại thế là Tân Luật và Pháp Chánh Truyền.

Nếu Đấng Chí Tôn giáng phạm qua cơ bút lập giáo, mở cơ ân xá tận độ thì hiển nhiên Tân Luật có những điểm ưu việt, không khắc khe hơn Cự Luật để thể hiện lòng đại bi, đại ái của Đức Đại Từ Bi. Tân Luật đáp ứng với sự tấn hóa tinh thần loài người tân tiến.

Thứ nhất, nếu cựu luật buộc con người phải trải qua bao nhiêu rừng cay, muối mặn, tầm sư học đạo để

nâng mình lên địa vị Thiêng Liêng thì nay Tân Luật lại khác, các Đấng Thiêng Liêng hạ trần diu dẫn nhơn hồn từng bước lên địa vị thanh cao, tương xứng Thiên vị. Ấy là ân xá và phổ độ của cơ Trời.

Thứ hai, dầu được thương yêu nhưng vẫn hành phạt theo luật công bình của tạo hóa, các điều khoản của Tân Luật hành phạt từ chức sắc dĩ chí đến tín đồ tại thế. Nhưng ấy là “**đặc ân**” mà chúng ta nên hiểu. Nếu bị hành phạt tại thế thì tránh khỏi luật Thiên Điều phạt trị. Một khi Thiên Điều buộc tội, khó mong siêu rỗi.

Cho nên, hai bộ luật ấy là cơ bản của Đạo Cao Đài mà người người phải gìn giữ nét thanh tao, công tâm hành đạo, phụng sự. Được vậy, vừa đẹp lòng Đức Chí Tôn, các Đấng Thiêng Liêng mà mình được giữ khuôn nếp theo luật Đại Đạo; lại vừa tránh khỏi những hình luật khi phạm phải Thiên Điều. Điều canh cải, mưu toan phá đạo, làm loạn pháp Đại Đạo là một đại nghịch trước luật Thiên Điều.

Ngoài ra, môn đồ phải gìn **Ngũ Giới Cấm**: nhứt bất sát sanh, nhì bất du đạo, tam bất tà dâm, tứ bất tử nhục, ngũ bất vọng ngữ.

Bất sát sanh là không giết người, sát sinh hại sinh vật nhỏ bé hơn mình. Đức Chí Tôn là Đấng Chúa của muôn loài với lòng háo sanh vô tận, Ngài lại sanh hóa muôn loài, nơi nào có sự sống ắt nơi ấy có Ngài. Cái sống của cả vạn loại càn khôn do Đức Ngài phân

phát, “hữu sanh hữu ngã”. Nếu giết hại sanh vật tức là làm gián đoạn sự sống, tác động vào cơ sanh hóa, là tội và nghiệp vay trả.

“Chi-chi hữu-sanh cũng do bởi chơn-linh Thầy mà ra, hể có sống, ắt có Thầy. Thầy là cha của sự-sống, vì vậy mà lòng háo-sanh của Thầy không cùng tận... Cái mạng sống là Thầy, mà giết Thầy thì không phải dễ, các con gắng dạy nhơn-sanh điều ấy” [TNHT, Q.2].

Bất du đạo là không trộm cướp của người, chẳng động ý tham, mê luyến của cải của người khác mà sanh hành động bất nghĩa, bất nhân. Phạm vào tội du đạo là trọng tội.

“Ôi! Thầy sanh các con thì phải yêu-trọng các con chẳng cùng, mà Thầy cho các con đến Thế-giới này với một thánh-thể thiêng-liêng, y như hình ảnh của Thầy, không ăn mà sống, không mặc mà lành, các con lại không chịu, nghe điều cảm-dỗ mê-luyến hồng-trần, ăn cho phải bị đọa, dâm cho phải bị đày, nên chịu nạn áo cơm, dục quyền cầu lợi” [TNHT, Q.2].

Bất tà dâm là không dâm dục, không lấy vợ người, có chồng hay vợ thì giữ trinh tiết, giữ nghĩa đạo vợ chồng.

“Vì vậy mà một giọt máu là một khối chơn-linh, như các con dâm quá độ, thì sát mạng chơn-linh ấy.

Khi các con thoát xác, thì nó đến tại Nghiệp-Cảnh-Đài mà kiện các con, các con chẳng hề chội tội

đặng. Phải giữ-gìn giới-cấm ấy cho lắm” [TNHT, Q.2].

Bất tửu nhục là không uống rượu bia, say xỉn, làm mất lý trí, không điều khiển thân, khẩu, ý.

“*Vậy thì óc là nguồn cội của khí, mà óc cũng bị huyết vận-động vô chừng, làm cho đến đổi loạn tán đi, thì chơn-thần thể nào đặng an-tĩnh điều-khiển, thân-thể phải ra ngậy-dại, trở lại chất thú-hình, mất phẩm nhơn-loại rồi, còn mong chi đặng phẩm Thần, Thánh, Tiên, Phật. Lại nữa buổi loạn thân ấy để cửa trống cho tà-mị xung-đột vào, giục các con làm việc tội-tình mà phải chịu phạt luân-hồi muôn kiếp. Vậy Thầy cấm các con uống rượu, nghe à!*” [TNHT, Q.2].

Bất vọng ngữ là không nói quấy, dối, chẳng nói điều chi bất minh, vô nghĩa, hại mình, hại người. Người đời thường nói, cái miệng hại cái thân. Chính điều thị phi từ cửa miệng mà sanh ra lắm điều rối rắm, hơn thua, tranh cãi mà tạo trường tranh đấu phi nghĩa. Đức Chí Tôn đã phán rằng mỗi cá nhân đều bỏ hóa một chơn linh để gìn giữ chơn mạng sanh tồn của chúng sanh, nên biên chép và nạp vào tòa phán xét tất cả việc làm nên hư, công tội rõ ràng, không sai điều chi.

“*Thầy đã nói chơn-linh ấy đem nạp vào Tòa phán-xét từ lời nói của các con, dầu những lời nói ấy không thiệt hành mặc dầu, chớ tội hình cũng đồng một thể.*”

Nơi Tòa phán-xét, chẳng một lời nói vô-ích mà bỏ, nên Thầy dạy các con phải cẩn-ngôn, cẩn-hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể” [TNHT, Q.2].

Phải giữ **Tứ Đại Điều Qui**. “Một, phải tuân lời dạy của Bề Trên, chẳng hồ chịu cho bực thấp hơn điều độ. Lấy Lễ hòa người. Lỡ làm lỗi, phải ăn năn chịu thiệt. Hai, chớ khoe tài, đừng cao ngạo quên mình mà làm nên cho người. Giúp người nên Đạo. Đừng nhớ cừu riêng. Chớ che lấp người hiền. Ba, bạc tiền xuất nhập phân minh, đừng mượn vay không trả. Đối với trên, dưới đừng lòn dễ. Trên dạy dưới lấy Lễ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung. Bốn, trước mặt sau lưng, cũng đồng một bực. Đừng kính trước rồi khi sau. Đừng thấy Đồng Đạo tranh đua ngòi mà xem không để lời hòa giải. Đừng lấy chung làm riêng, đừng vụ riêng mà bỏ việc chung. Pháp luật phải tuân. Đừng lấy ý riêng mà trái trên dễ dưới. Đừng cậy quyền mà yếm tài người”.

Phải giữ **traí giới**. Ăn chay là tránh sát sanh, thể theo lòng từ bi, không nở giết hại con vật mà nuôi thân xác mình. Một con vật là một sanh linh, người theo tôn chỉ đạo không thể tùy nghi sát hại tùy ý. Hơn nữa, vật thực mặn là thứ tanh hôi, máu me đầy đầy trực chất. Nếu tiếp vào cơ thể, chẳng khác nào mình làm cho Chơn Thân bị ô trực, u mê. Đức Chí Tôn giảng rằng, người có cái xác thiêng liêng huyền diệu

do Tinh, Khí, Thần luyện thành. Nếu đắc đạo chỉ có Tinh-Khí thì nhập vào cảnh hằng sống. Nếu có Thần mà thiếu Tinh-Khí thì không hườn được Nhị Xác Thân. Nên Chơn Thần buộc phải tinh tấn, trong sạch, nhẹ nhàng, tinh khiết hơn không khí mới có thể thoát ra khỏi càn khôn. Nếu ăn mặn mà luyện đạo và ấn chứng thì không giải tán đặng. Nếu hườn nhị xác thân đặng mà trước khí vẫn còn thì vẫn còn trong vòng kiếp đọa trần. Vì vậy, luật buộc trường chay tuyệt dục mới có thể luyện đạo đặng.

- ***Phải giữ đạo quân tử.***

Quân tử và tiểu nhân là hai mặt đối kháng nhau. Đạo dạy phải giữ Nhơn Luân, Đạo Nghĩa: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, trung, hiếu, đê. Nếu bất trung, bất nghĩa, bất nhân, bất hiếu, bất tín thì xã hội xa lánh, không nói chi việc đạo pháp cao sâu vì những người ấy là hạng thấp kém. Là người đạo khá giữ đạo quân tử, tập lối sống như các bậc thánh hiền, mới mong trí tri các lẽ huyền nhiệm của Đạo Pháp.

- ***Giữ đạo trung dung.***

Luôn luôn từ bi bác ái, tâm vật bình hành, tập tánh “thuần chơn vô ngã”, hiểu rõ “vạn giáo nhất lý”. Bác ái là đầu mối của mọi sự, có thương yêu mới thi hành việc phổ độ, vui lòng dẫn dắt người khác trên con đường đồng tu. Không thái quá, chẳng bất cập, giữ nét trung đạo, không còn tư tưởng “phân biệt” tôn giáo mới mong đạt đến thuần chơn vô ngã.

Tam Giáo đã dạy về chữ tâm và chữ tánh. Phải làm sao giữ tâm mình thanh sạch, vô tội, chẳng động luyến, chẳng xao động, để tâm hư tĩnh như hoa trôi giữa dòng sông mới mong đồng bản thể điển linh của Trời, để Chơn Như tự tại, thiên lý luôn luôn lưu hành theo định luật tự nhiên. Ấy là làm cho tâm chẳng bị trói buộc bởi giả cuộc, mượn quán trọ, khoác áo nâu sòng, tứ đại giai không. Giữa những sự biến loạn của đời, lòng vẫn hư tĩnh, chẳng bị trói ràng, để tâm không vô nhiễm thì mới có thể “*thuần chơn vô ngã*”.

Chi chi cũng do Trời ban phát ánh đạo màu để chúng sanh hưởng mùi thoại khí, lý diệu quang, mở con đường trở về hiệp đồng cùng Trời. Trời người đồng trị, Trời ban nguồn đạo, con người thể theo nguồn đạo ấy mà trau giồi, tạo khuôn mẫu cho nền Đại Đạo để đạt đến “*Thiên-Nhân hiệp nhất*”.

Tôn chỉ của Đại Đạo là quy nguyên Tam Giáo, hiệp nhất Ngũ Chi, nhìn nhận mọi nguồn tôn giáo đều là sự ban phát từ Thượng Đế, nên mọi lẽ của các giáo pháp đều hướng con người đến đời sống thánh thiện, tu hành giải thoát. Ngày nay, Đạo Trời khai mở với những tính chất ân xá và phổ độ mới cho nhân loại, cũng chĩnh đón những cái hư lệch cũ xưa, không còn phù hợp với tân pháp. Nếu hiểu tôn giáo chỉ là phương tiện phổ giáo, thì **giải thoát khỏi sinh tử luân hồi mới là cứu cánh của đời người**. Từ đó, Đạo vô vi mới là hằng hữu, nên phải nhận rõ “*vạn giáo nhất lý*” có chung một cứu cánh mà thôi.

Đã mang thi hài nhục dục, phải ăn mới sống, chịu luật vô thường, nên con người nạp dụng và nương đạo lý vào đời sống đề cầu đạo, thực chứng những nhiệm mầu vô vi. Con người vừa phải tấn hóa tu học, vừa phải duy trì phạm thể theo quy luật của vật chất. Nên giữa bụi thế sống sao không quấy, mượn giả tầm chơn, nương hữu hình tầm vô vi, không thiên không lệch, giữ quân bình “*tâm vật bình hành*”.

- “*Nam phong thử nhựt biến nhơn phong*”.

Thuở ban sơ, Đức Chí Tôn xuống thế giáng cơ cho hai câu thi ý vị và thâm thúy.

“*Quốc đạo kim triều thành Đại Đạo,
Nam phong thử nhựt biến nhơn phong*”.

Hai chữ “Quốc Đạo” đơn giản nhưng đã làm Ngài Phạm Công Tắc hao tổn tinh thần, tìm tòi kiếm hiểu, đeo đuổi cho đến cùng nghĩa lý và kết quả của nó, làm Ngài Phạm Công Tắc đã “chết” từ năm 35 tuổi để theo cái thuyết tinh thần tâm linh cho ra hiện tượng đúng với quốc đạo của dân tộc Việt Nam. Lời trần tình cũng là lời thuyết đạo còn văng vẳng bên tai người Cao Đài.

“*Thưa Thầy, Thầy biểu con làm Lão Tử hay Jésus con làm cũng không đặng, Thích Ca con làm cũng không đặng, con chỉ làm đặng Phạm Công Tắc mà thôi, con lại nghĩ bất tài vô đạo đức này quyết theo Thầy không bỏ, nhưng tưởng cũng chẳng ích chi cho Thầy*”. Đáng ấy trả lời: “*Tắc, thẳng Thầy lấy tánh*”.

đức Phạm Công Tắc mà lập giáo con mới nghĩ sao?". Bàn Đạo liền trả lời: "Nếu đặng vậy...." Ngài liền nói: "Thầy đến lập cho nước Việt Nam này một nền Quốc Đạo", nghe xong Bàn Đạo từ đây hình như phiêu phiêu lên giữa không trung mơ màng như giấc mộng. Được nghe nói cái điều mà mình thèm ước, nên Bàn Đạo không từ chối đặng" [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 1, bài 39].

Đức Chí Tôn đến để lập nền Quốc Đạo cho dân tộc Việt Nam và đó là điều mơ ước, một giấc mộng của Ngài Phạm Công Tắc, nên Ông Phạm Công Tắc đã “chết” từ năm 35 tuổi để trở thành Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Đức Chí Tôn khẳng định:

*“Từ đây nòi giống chẳng chia ba,
Thầy hiệp các con lại một nhà.
Nam Bắc rồi ra ngoại quốc,
Chủ quyền chơn đạo một mình Ta”.*

Đức Thượng Đế đến để làm nhân loại không còn chia rẽ, tức là quy hợp Tam Giáo, Ngũ Chi thành một mối đạo, gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Nền chơn giáo là quốc đạo những chẳng phải của dân tộc Việt mà thôi, đạo sẽ truyền giảng khắp toàn cầu. Đức Chí Tôn làm chủ quyền, nắm cả mọi tín ngưỡng loài người, làm Chúa nền Chánh Giáo. Ấy là Quốc Đạo, là Đại Đạo của toàn thể tín ngưỡng nhân loại trong thời kỳ này.

Đức Ngài chọn nước Việt Nam để làm **đất Thánh**, mở chơn truyền Đại Đạo. Việt Nam là đất nước đặt nặng tín ngưỡng tâm linh nên khi các nền tôn giáo du nhập vào, dân tộc đã hấp thụ và truyền thừa những thánh tâm, một lòng thờ kính, hòa hợp các tôn giáo.

Ngày nay, đất nước Việt Nam đã trở thành tâm điểm, thừa hưởng **di sản thiêng liêng của Đức Chí Tôn**, ban cho một nước nhỏ nhen khai mở nền Chánh Giáo Tam Kỳ, nên Việt Nam trở thành Thánh Địa và làm mô phỏng để tiến khai đến một xã hội đại đồng. Quả thật, đây là một hồng ân vô cùng to lớn thiêng liêng đối với dân tộc. Tuy nhiên, để “nam phong” trở thành nhơn phong, **mỗi người con dân tộc phải làm phần tử tốt đẹp**, hiểu trọn sứ mạng trọng yếu cho nền nhơn phong hoàn vũ để mới biến quốc thể làm tiền đề, chuẩn mực cho sanh chúng theo truyền ngôn của Đức Chí Tôn.

Tòa Thánh, ngày 13-04-2022

Khai Tâm Quách Minh Chương – 2022

